



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 61 - Số 615 / Kỳ I-02/2022



**NGÀNH THỐNG KÊ SAU 1 NĂM
NỖ LỰC VƯỢT KHÓ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU**



**NĂM 2021
KINH TẾ SỐ VIỆT NAM
PHÁT TRIỂN ẨM TƯỢNG**



**GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU
BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG**



**HỘI NGHỊ COP26
VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU
BƯỚC TIẾN LỊCH SỬ**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TAM ĐIỆP NỖ LỰC ĐỂ THÀNH PHỐ TRẺ LUÔN SÁNG - XANH - SẠCH - ĐẸP

Năm 2021 mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp đã hoàn thành tốt nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng đô thị; sản xuất và duy trì cây xanh đô thị, vườn hoa, công viên; thi công lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị... qua đó đóng góp vào việc xây dựng thành phố Tam Điệp theo hướng văn minh, hiện đại.

Để đạt những kết quả tích cực trong công tác vệ sinh môi trường, năm 2021, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, xã phường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc xả rác, tập kết rác thải sinh hoạt đúng quy định nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực dân cư; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, lắng nghe ý kiến phản ánh của nhân dân về tinh thần, thái độ phục vụ của người lao động của Công ty, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế chướng ngại gây bức xúc cho người dân, đồng thời làm cơ sở đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của công nhân và cán bộ quản lý.

Nhờ đó, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp đã thực hiện tốt công tác thu gom rác thải sinh hoạt các tổ dân phố và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố; quét dọn, vệ sinh vỉa hè, mặt đường đối với các tuyến phố, đảm bảo vệ sinh môi trường trong thời gian diễn ra bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp; trước, trong, sau tết Nguyên Đán và các ngày lễ, các sự kiện văn hóa, chính trị của thành phố. Đặc biệt, khi tình hình dịch Covid -19 diễn biến phức tạp, Công ty luôn đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực phong tỏa, điểm tiếp đón nhân dân từ khu vực có dịch phía Nam về.

Cùng với công tác vệ sinh môi trường, Công ty đã tổ chức quản lý, duy trì, chăm sóc tốt hệ thống cây xanh, cây đô thị, cây mảng màu tại Trung tâm hành chính, Công viên, Đài tưởng niệm, các khu công cộng và trên các tuyến đường nội thị của thành phố luôn xanh, đẹp, gọn gàng đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ



Các tuyến đường trung tâm của thành phố Tam Điệp được giữ vệ sinh, tạo cảnh xanh sạch đẹp

đô thị. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức nhân giống các loại cây mảng màu, cây đường viền phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng địa phương để bổ sung, cải tạo trồng mới cho các khu công nghiệp và phục vụ cho các công trình dịch vụ của đơn vị.

Thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng đô thị, trong năm 2021, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp luôn duy trì hiệu quả hệ thống điện chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố bao gồm 65 trạm điều khiển với tổng chiều dài trên 150km và 04 cụm đèn tín hiệu giao thông. Tỷ lệ bóng chiếu sáng duy trì thường xuyên ở mức 80%, thời gian chiếu sáng được duy trì theo mùa nhằm phát huy hiệu quả hệ thống chiếu sáng, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, văn minh đô thị. Hoạt động vận hành, đóng cắt điện đảm bảo hợp lý để tiết kiệm điện năng theo ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố và Chỉ thị 19 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2021 tiếp tục là năm Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp thực hiện đổi mới trong quản lý, điều hành, xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ theo điều kiện đặc thù của đơn vị, khắc phục

mọi khó khăn, ổn định mở rộng thị trường; ký kết được nhiều hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài thành phố Tam Điệp để đảm bảo nguồn thu, tăng thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2021 khi nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp vẫn đạt lợi nhuận trước thuế 0,26 tỷ đồng; nộp ngân sách nhà nước 2,3 tỷ đồng vượt 5% kế hoạch. Đồng thời Công ty giải quyết đủ công ăn, việc làm cho 205 người lao động, với thu nhập bình quân đạt 5,5 triệu/người/tháng, các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn, bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật và chế độ chính sách khác của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ.

Những kết quả trên có được là nhờ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp đã thực hiện công tác quản lý, linh hoạt, chặt chẽ, điều hành sát sao tới từng khâu công việc, cộng với tinh thần đoàn kết tích cực đã tạo nên một tập thể lao động thống nhất, vững mạnh và cùng đi đến mục tiêu xây dựng thành phố trẻ Tam Điệp theo hướng hiện đại văn minh./.

Minh Châu



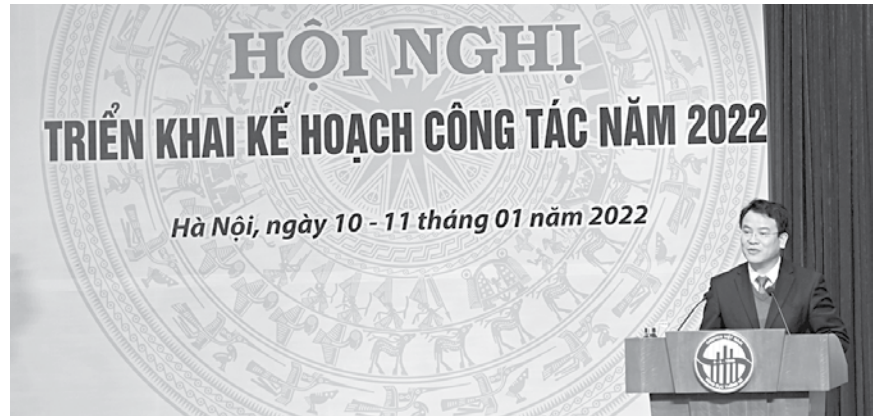
HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022 CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

Trong 2 ngày 10-11/01/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2022. Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương tham dự và chỉ đạo Hội nghị. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương và Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị tại Trụ sở TCTK có đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các đồng chí nguyên là Lãnh đạo TCTK, đại diện Hội Thống kê Việt Nam; Lãnh đạo các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục, Cục trưởng 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hội nghị được kết nối 333 điểm cầu trực tuyến gồm 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị sự nghiệp thuộc TCTK; và 270 Chi cục Thống kê cấp huyện.

Tại Hội nghị, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương trình bày Báo cáo kết quả công tác Thống kê năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Báo cáo cho biết, năm 2021, toàn ngành Thống kê đã đạt được thành tựu nổi bật như sau: (1) Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, hoàn thành các văn bản pháp lý quan trọng của ngành Thống kê; thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và các đề án lớn của Ngành. (2) Ngành Thống kê đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương và nhu cầu



Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương phát biểu tại Hội nghị

thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. (3) Thực hiện thành công Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và các cuộc điều tra thường xuyên, đột xuất trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. (4) Công tác phương pháp chế độ Thống kê và Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê và công tác chỉ đạo điều hành được chú trọng thực hiện. (5) Công tác hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê ngày càng được tăng cường, mở rộng; triển khai các hoạt động hợp tác song phương với cơ quan thống kê các nước, kêu gọi sự hỗ trợ của các đối tác nhằm nâng cao năng lực thống kê Việt Nam. (6) công tác pháp chế, tuyên truyền và thanh tra thống kê ngày càng được chú trọng.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cũng nhấn mạnh 07 nhiệm vụ cho năm 2022: Thứ nhất, hoàn thiện, sửa đổi các văn bản liên quan đến thể chế, Luật Thống kê sửa đổi, công tác tổ chức cán bộ và thực hiện tốt các Đề án lớn của Ngành. Thứ hai, tiếp tục thực hiện tốt công tác biên soạn và phổ biến

thông tin thống kê, phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương. Thứ ba, hoàn thành công tác kiểm tra, xử lý dữ liệu Tổng điều tra kinh tế 2021, hoàn thành điều tra lập bảng cân đối liên ngành IO và các cuộc điều tra thống kê khác. Thứ tư, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ phương pháp và cách thức thu thập thông tin thống kê; tăng cường hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý thông tin thống kê. Thứ năm, tăng cường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thống kê. Thứ sáu, tăng cường kết nối, huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác sử dụng tối đa nguồn dữ liệu hành chính trong công tác biên soạn số liệu thống kê. Thứ bảy, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý tài chính và đầu tư xây dựng trong hoạt động thống kê.

Tại Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến trình bày Báo cáo Tổng kết công tác thi đua khen thưởng 2021 và phát động phong trào thi đua năm 2022. Năm 2021, công tác thi đua,



khen thưởng của Ngành có nhiều đổi mới, việc bình xét các danh hiệu thi đua đối với các tập thể được thực hiện nghiêm túc hơn, phản ánh đúng kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi đơn vị.

Năm 2021, ngành Thống kê vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Nhất" nhân dịp Kỷ niệm 75 năm thành lập ngày Ngành. Các tập thể, cá nhân trong Ngành đã được tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Để phong trào thi đua toàn Ngành phát triển sâu rộng và lan tỏa, Lãnh đạo Tổng cục phát động đợt thi đua từ nay đến hết năm 2022 với chủ đề: "Ngành Thống kê - Đoàn kết, phát huy những thành tích đã đạt được, tiếp tục nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, chủ động đổi mới và thích ứng, tạo động lực đột phá trong hoạt động thống kê, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2022".

Cũng tại Hội nghị, TCTK đã tổ chức lễ ký giao ước thi đua năm 2022 và trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong năm 2021.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ trưởng Bộ Kế hoạch

và Đầu tư Trần Quốc Phương ghi nhận và đánh giá cao những thành tích đã đạt được của ngành Thống kê. Những kết quả này đã đóng góp cho vị thế, tầm vóc, uy tín của ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

Năm 2022, ngành Thống kê có nhiều nhiệm vụ lớn, nặng nề, Thứ trưởng Trần Quốc Phương đề nghị ngành Thống kê cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau: (1) Cần triển khai xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. (2) Đổi mới công tác phương pháp chế độ thống kê, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê, kết nối các Bộ, ban, ngành và địa phương trong việc cung cấp và sử dụng thông tin biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, quản lý điều hành các cấp, các ngành và địa phương. (3) Kiện toàn bộ cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường đào tạo, đào tạo lại nhằm trau dồi nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức toàn Ngành. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức làm công tác thống kê ở các Bộ, ngành và địa phương. (4) Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ

bảo đảm, tuyên truyền và phổ biến thông tin thống kê, trong đó cần tiếp tục chủ động nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội để đề xuất các kịch bản kinh tế. Cập nhật kịp thời các biến động của nền kinh tế thế giới, từ đó đưa ra các kịch bản và dự báo giúp Bộ trưởng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành kinh tế vĩ mô.

Thứ trưởng Trần Quốc Phương tin tưởng rằng, trong năm 2022, ngành Thống kê sẽ tiếp tục đoàn kết, sáng tạo, nhạy bén, thực hiện thành công các đột phá chiến lược để triển khai thành công kế hoạch công tác năm 2022, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng Trần Quốc Phương, thay mặt toàn thể công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương hứa sẽ nghiêm túc tiếp thu, quán triệt và triển khai đầy đủ các ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng bằng những hành động cụ thể, thiết thực và hiệu quả.

Cũng tại Hội nghị, Lãnh đạo Tổng cục tiếp tục chủ trì phiên họp với một số nội dung tham luận chính: Một số hoạt động chính trong triển khai Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của luật Thống kê; Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã và nhu cầu sử dụng thông tin kinh tế - xã hội tại địa phương; công tác tổ chức cán bộ; công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thống kê; công tác tài chính; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành.../.

Thu Hường

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ SƠ BỘ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

Nhằm phổ biến kịp thời thông tin phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các địa phương và người dùng tin, chiều ngày 11/1/2021, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo (BCĐ) Tổng điều tra Kinh tế (TĐT) Trung ương và BCĐ điều tra cơ sở hành chính Trung ương đã tổ chức Hội nghị Tổng kết và Công bố kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021. Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương và Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Trọng Thừa chủ trì và phát biểu chỉ đạo hội nghị.

Tham dự hội nghị có Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (TCTK), Phó trưởng ban Ban Chỉ đạo TĐT kinh tế Trung ương Nguyễn Thị Hương; Phó Tổng cục trưởng TCTK, Ủy viên Ban Chỉ đạo TĐT kinh tế Trung ương, Tổ trưởng Tổ thường trực Nguyễn Trung Tiến; các Trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố, các đồng chí thành viên BCĐ TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính Trung ương và địa phương; đại diện Lãnh đạo Bộ, ngành, địa phương.

Hội nghị được thực hiện trực tiếp và trực tuyến tại 65 điểm cầu Trung ương và các tỉnh, thành phố.

Phát biểu khai mạc hội nghị, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư Trần Quốc Phương nhấn mạnh: Tổng điều tra kinh tế năm 2021 là cuộc Tổng điều tra kinh tế lần thứ sáu tại Việt Nam nhằm thu thập thông tin cơ bản về hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của 04 loại đơn vị điều tra: (1) doanh nghiệp, hợp tác xã; (2) đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; (3) cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và (4) cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng nhằm giúp cung cấp

thông tin phục vụ: (i) Đánh giá toàn diện thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế của đất nước và các địa phương; (ii) Xây dựng chính sách, giải pháp cụ thể thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025; (iii) Là cơ sở quan trọng để rà soát, bổ sung thông tin chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) và các chỉ tiêu thống kê khác.

Thực hiện các Quyết định và Phương án Tổng điều tra và Điều tra Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Kinh tế trung ương và Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương đã chỉ đạo thực hiện thành công cuộc Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo kế hoạch, các Bộ, ngành khác và tại các địa phương. Theo đó, Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được triển khai thực hiện theo 02 giai đoạn. Giai đoạn 1, từ ngày 01/3 đến ngày 30/5/2021 nhằm thu thập thông tin của các doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị sự nghiệp, hiệp hội. Riêng đối với các tỉnh, thành phố có từ 8.000 doanh nghiệp trở lên thực hiện thu thập thông tin đến hết tháng 8/2021. Giai đoạn 2, từ ngày 01/7 đến ngày 30/7/2021 nhằm thu thập thông tin của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 do Bộ Nội vụ chủ trì được triển khai thu thập thông tin từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/4/2021.

Mặc dù cả hai giai đoạn thu thập thông tin của Tổng điều tra đã bị tác động của dịch Covid-19

làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, nhất là thực hiện thu thập thông tin Tổng điều tra giai đoạn 2 tại các tỉnh, thành phố phía Nam nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt và linh hoạt thích ứng của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp cùng sự tích cực, khẩn trương xử lý, tổng hợp số liệu để công bố kết quả sơ bộ của Tổng điều tra số theo đúng kế hoạch của TCTK, cơ quan thường trực thực hiện Tổng điều tra nên công tác thu thập thông tin đã hoàn thành trong tháng 11/2021.

Tại Hội nghị Phó trưởng Ban Chỉ đạo TĐT kinh tế Trung ương, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 được thực hiện với nhiều điểm mới so với TĐT năm 2017 như: Đổi mới nội dung và cách thức thu thập thông tin thông qua việc sử dụng triệt để các nguồn dữ liệu hành; cập nhật và áp dụng khái niệm chuẩn quốc tế về đơn vị cơ sở: thống nhất năm số liệu cho các loại đơn vị điều tra nhằm đảm bảo tính nhất quán và so sánh số liệu theo dãy số thời gian; ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra từ công tác chuẩn bị, thu thập thông tin, xử lý đến công bố kết quả; đổi mới cách thức phối hợp với các Bộ, ngành trong triển khai thực hiện Tổng điều tra: Phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) khai thác dữ liệu hành chính để bổ sung nguồn thông tin cho Tổng điều tra; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các cơ quan thông tấn báo chí thực hiện tuyên truyền; phối hợp với Bộ Nội vụ trong triển khai các hội nghị tập huấn và tổ chức

thu thập thông tin các cơ sở hành chính, sự nghiệp; nâng cao chất lượng thông tin và tiết kiệm kinh phí: Nhờ áp dụng triệt để công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp tiếp cận đơn vị điều tra để thu thập thông tin, Tổng điều tra đã tiết kiệm khoảng một nửa tổng kinh phí so với cách điều tra truyền thống như đã thực hiện trước đây.

Tổng điều tra đã hoàn thành thu thập thông tin của: (i) 889.453/898.787 doanh nghiệp (đạt 99,0% so với danh sách bảng kê ban đầu); (ii) 52.569/52.714 đơn vị sự nghiệp (bao gồm 1.840 đơn vị sự nghiệp trung ương và 50.729 đơn vị sự nghiệp địa phương, đạt 99,7%); (iii) 6.444/6.534 đơn vị hiệp hội (đạt 98,6%). Có 4,97 triệu cơ sở SXKD cá thể được thu thập thông tin (đạt 96,6%), khoảng 175 nghìn cơ sở hiện đã ngừng kinh doanh hoặc không còn tại địa phương hoặc không thể liên lạc được - tương đương 3,4% tổng số cơ sở khi lập bảng kê. Tổng điều tra đã hoàn thành thu thập thông tin của 46,8/47 nghìn cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (đạt 99,5%), có 227 cơ sở không thu thập thông tin do không thuộc đối tượng điều tra hoặc không còn hoạt động (chiếm 0,5%).

Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 đã hoàn thành việc thu thập thông tin của 32.308 cơ sở hành chính, đạt 99,99%. Điều tra cơ sở hành chính còn 01 đơn vị là Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hà Bắc không phối hợp cung cấp thông tin (BCĐ tỉnh Bắc Ninh đã nhiều lần đôn đốc nhưng không thực hiện).

Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 từ tháng 4/2021, công tác thu thập thông tin đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng; tại các tỉnh, thành phố phía Nam đã có thời gian phải tạm dừng thu thập thông tin để phòng, chống dịch Covid-19.. Để hoàn thành thu thập thông tin TĐT đoạn 2 vào ngày 30/11/2021, BCĐ Trung ương đã hướng dẫn các địa phương chưa hoàn thành Tổng điều tra sử dụng linh hoạt các hình thức thu thập thông tin để vừa hoàn thành kế hoạch vừa phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả.

TCTK đã trực tiếp chỉ đạo thu thập thông tin phiếu điều tra của tập đoàn, tổng công ty hạch toán toàn ngành. Hoàn thành thu thập thông tin của 57/59 tập đoàn, tổng công ty.

Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đã hoàn thành thu thập thông tin theo đúng kế hoạch của Tổng điều tra theo hình thức điều tra phiếu giấy.

Tại Hội nghị, báo cáo kết quả sơ bộ TĐT kinh tế các khối do TCTK thực hiện (doanh nghiệp, sự nghiệp, hiệp hội, cá thể, tôn giáo) Phó Tổng cục trưởng TCTK, Ủy viên Ban Chỉ đạo TĐT kinh tế Trung ương Nguyễn Trung Tiến cho biết, kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế năm 2021, số lượng và lao động các đơn vị điều tra năm 2020 đều tăng so với năm 2016 nhưng mức độ tăng về lao động thấp hơn so với các giai đoạn trước. Theo Kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế năm 2021, cả nước có gần 6,0 triệu đơn vị điều tra, tăng 444,7 nghìn đơn vị, tương đương tăng 8,0% so với năm 2016; số lao động trong các đơn vị điều tra là gần 26,0 triệu người, tăng 752,8 nghìn người, tương đương tăng 3,0%...

Tại hội nghị các đại biểu cũng đã nghe trình bày tham luận của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thực hiện TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021; xem video tổ chức thực hiện TĐT kinh tế năm 2021

Hội nghị cũng đã công bố và trao các quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong thực hiện TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ./

Minh Thư

Năm 2021 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, năm có ý nghĩa quan trọng tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra. Đây cũng là năm thứ hai bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, làm cho các hoạt động kinh tế bị đình trệ, đứt gãy chuỗi cung ứng gây hậu quả nặng nề cho nền kinh tế. Dịch Covid-19 đã khiến một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải áp dụng giãn cách xã hội, ảnh hưởng lớn tới mọi hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có công tác thống kê ở Trung ương và địa phương.

Trong bối cảnh đó, ngành Thống kê đã nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ; sự ủng hộ, phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức quốc tế, cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Với phương châm ***“Chủ động kết nối và thích ứng, nâng cao hiệu quả hoạt động thống kê”***, toàn ngành Thống kê đã quyết tâm đổi mới, khắc phục khó khăn và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trọng tâm và bước đầu thực hiện thành công các nhiệm vụ chiến lược đặt ra tại Hội nghị triển khai Kế hoạch công tác năm 2021.

Những kết quả chủ yếu:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý, hoàn thành các văn bản pháp lý quan trọng của ngành Thống kê; thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và các đề án lớn của Ngành

Trong năm 2021, với sự chủ động của Ngành, công tác xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về hoạt động thống kê



NGÀNH THỐNG KÊ SAU 1 NĂM NỖ LỰC VƯỢT KHÓ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ - NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU

LTS. Trong hai ngày, từ 10-11/12/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác ngành Thống kê năm 2022. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương đã có bài phát biểu tóm tắt Báo cáo kết quả công tác Thống kê năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Tạp chí Con số và Sự kiện xin giới thiệu nội dung Báo cáo kết quả công tác ngành Thống kê thực hiện trong năm 2021.

đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm về tiến độ và chất lượng. Tổng cục đã xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê 2015 và đã chính thức được thông qua vào ngày 12/11/2021, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV; Hoàn thành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê và đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021; Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Báo cáo quốc gia tổng kết Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và hoàn thiện xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics và kinh tế số, đã được Bộ trưởng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BKHĐT và Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 phục vụ đánh giá Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Tiếp tục thực hiện Đề án 715, biên soạn số liệu GRDP của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và GDP theo quý, 6 tháng, cả năm; Triển khai Đề án ứng dụng và phát



triển Công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Tổng cục đã xây dựng và trình Bộ trưởng các Dự án "Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử", "Xây dựng và vận hành kho dữ liệu đặc tả thống kê và hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô".

Thứ hai, ngành Thống kê đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương và nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế

Năm 2021 là năm thứ hai đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải áp dụng tình trạng giãn cách toàn

xã hội làm đình trệ các hoạt động kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống xã hội của nhân dân. Trước tình hình đó, với tinh thần "Chủ động kết nối và thích ứng, nâng cao hiệu quả hoạt động thống kê", toàn Ngành đã đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý, điều hành của Đảng, Quốc hội và Chính phủ. Bên cạnh việc ước tính các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2021, Tổng cục Thống kê còn triển khai thu thập thông tin phiếu điều tra Covid-19 và báo cáo về công tác phòng chống dịch từ các Bộ, ngành và địa phương; xây dựng và cập nhật các kịch bản kinh tế năm 2021 và năm 2022.

Đồng thời, Tổng cục Thống kê cung cấp số liệu phục vụ công tác quy hoạch tại các địa phương; hỗ trợ một số tỉnh, thành phố

xây dựng kịch bản tăng trưởng. Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 1727/CT-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2021 về báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2021, sau đó Thủ tướng Chính phủ cũng đã có công văn nhắc nhở các đơn vị chậm nộp báo cáo theo yêu cầu của Công điện.

Tại địa phương, các Cục Thống kê tỉnh, thành phố cũng tập trung thu thập thông tin, rà soát số liệu về tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn phục vụ biên soạn số liệu GRDP; phối hợp với các sở, ngành thu thập, tổng hợp số liệu về tình hình dịch bệnh Covid-19 và việc triển khai các gói hỗ trợ của Chính phủ. Tại tỉnh Yên Bái, Tỉnh ủy Yên Bái đã ban hành Chỉ thị của Ban Thường vụ tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thống kê trên địa bàn tỉnh, quán triệt đến các chi bộ.

Thực hiện tốt công tác phối hợp, chia sẻ thông tin với các Bộ, ngành Trung ương như: Cung cấp thông tin một số chỉ tiêu thống kê cho Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Ủy ban quản lý Vốn Nhà nước, Ban Kinh tế Trung ương... phục vụ đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, chương trình, kế hoạch hoặc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển của Bộ, ngành và địa phương.

Năm 2021, Tổng cục đã hoàn thành 26 ấn phẩm và báo cáo quan trọng như: "Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2016-2020"; "Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo - Động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020"; "Sách Trắng doanh nghiệp năm 2021"; "Sách trắng Hợp tác xã năm 2021"...

Thứ ba, thực hiện thành công Tổng điều tra kinh tế năm 2021

và các cuộc điều tra thường xuyên, đột xuất trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được triển khai trong hoàn cảnh đặc biệt, khi dịch bệnh Covid -19 đang diễn ra với nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam, trong đó có TP.HCM phải thực hiện giãn cách trong thời gian dài, đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc triển khai cũng như tiến độ thực hiện Tổng điều tra. Tuy nhiên, với sự chỉ sát sao của Lãnh đạo Tổng cục cùng với sự quyết tâm của các đơn vị trong toàn Ngành, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành liên quan và các địa phương, Tổng điều tra đã được tiến hành với các phương thức thu thập thông tin linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của các tỉnh, thành phố và vẫn đảm bảo chất lượng thông tin được thu thập.

Tổng điều tra đã áp dụng tối đa ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng bảng hỏi trực tuyến, hạn chế phiếu điều tra giấy để tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị điều tra trong cung cấp thông tin, cũng như tiết kiệm chi phí điều tra trong ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, các cuộc điều tra thường xuyên và đột xuất khác cũng được hoàn thành để đáp ứng yêu cầu biên soạn các chỉ tiêu thống kê - kinh tế xã hội phục vụ báo cáo thống kê tháng, quý, năm.

Thứ tư, công tác phương pháp chế độ Thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê và công tác chỉ đạo điều hành được chú trọng thực hiện.

Công tác phương pháp chế độ thống kê tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác thống kê Việt Nam, tập trung nghiên cứu phương pháp luận thống kê mới, hiện đại, giảm thiểu vùng trống

thông tin thống kê phản ánh công tác chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả nền kinh tế.

Tổng cục Thống kê đã thẩm định, nhiều phương án điều tra, chế độ báo cáo thống kê, các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác liên quan tới chế độ báo cáo thống kê và góp ý các chương trình điều tra, quyết định, phương án điều tra, PA chọn mẫu do TCTK chủ trì thực hiện và các văn bản khác theo yêu cầu.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê, xây dựng các phần mềm phục vụ chuyển thu thập thông tin các cuộc điều tra từ hình thức phiếu giấy sang hình thức CAPI và Webform; kết nối dữ liệu thuế với các nguồn dữ liệu lịch sử và dữ liệu khác để kiểm tra và hoàn thiện dữ liệu Tổng điều tra.

Thực hiện chuyển đổi số trong công tác điều hành, quản lý của ngành Thống kê: Áp dụng đến 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Hệ thống họp trực tuyến, hệ thống xử lý văn bản điện tử, chữ ký số...; Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác văn phòng, xây dựng hệ thống điều hành tác nghiệp của Tổng cục Thống kê, hoàn thiện lắp đặt và đưa vào sử dụng Hệ thống hội nghị trực tuyến tại 110 Chi cục Thống kê cấp huyện nâng tổng số điểm cầu tại Chi cục Thống kê cấp huyện lên 270 điểm cầu.

Tổng cục Thống kê làm việc đảm bảo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất và chế độ làm việc thủ trưởng; ban hành 11 Quy chế và hướng dẫn liên quan tới các nội dung công việc của ngành.

Đặc biệt, công tác phòng chống Covid-19 rất được chú trọng, ban hành các văn bản hướng dẫn kịp thời theo Chỉ thị của Thủ tướng

Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các đơn vị trong Ngành thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống Covid-19, tổ an toàn và Kế hoạch ứng phó với Covid-19. Đến nay, công chức, viên chức và người lao động trong Ngành cơ bản đã được tiêm đủ 2 mũi vắc xin; 09/63 Cục Thống kê đã hoàn thành mũi thứ 3 và có 114 trường hợp nhiễm Covid-19 trong toàn ngành, chiếm khoảng 1,9% nhân sự của Ngành.

Thứ năm, công tác hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê ngày càng được tăng cường, mở rộng; triển khai các hoạt động hợp tác song phương với cơ quan thống kê các nước, kêu gọi sự hỗ trợ của các đối tác nhằm nâng cao năng lực thống kê Việt Nam.

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động đối ngoại, công tác hợp tác quốc tế được thực hiện theo kế hoạch phê duyệt từ đầu năm và có những điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo an toàn, thiết thực, hiệu quả.

Lãnh đạo Tổng cục, công chức, viên chức trong toàn ngành đã tham dự nhiều cuộc họp, hội thảo quốc tế, khóa đào tạo thông qua hình thức trực tuyến do các tổ chức quốc tế, Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc, Cơ quan thống kê khu vực tổ chức nhằm nâng cao năng lực và tăng cường hợp tác thống kê. Trong năm, có 172 Hội nghị/hội thảo quốc tế (chiếm 29,6% các hội nghị, hội thảo của Tổng cục).

Tổng cục tiếp tục triển khai hoạt động hợp tác song phương với Cơ quan Thống kê Hàn Quốc, Nhật Bản và thực hiện ký kết hợp tác với cơ quan Thống kê Đan Mạch về cải thiện chất lượng thống kê chính thức ở Việt Nam, đồng thời tiếp tục triển khai

các hoạt động kêu gọi hỗ trợ để nâng cao năng lực thống kê từ các đối tác quốc tế khác.

Thứ sáu, công tác pháp chế, tuyên truyền và thanh tra thống kê ngày càng được chú trọng.

Xây dựng Nghị định 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 sửa đổi một số điều của Nghị định 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Thực hiện tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu Thống kê quốc gia của Luật Thống kê với nhiều tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các hội thảo, đăng tin, bài trên trang thông tin điện tử các cấp và đặc biệt là công tác tuyên truyền đến các Đoàn đại biểu quốc hội của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Cụ thể: 02 Hội thảo tuyên truyền cấp Trung ương; 56 tin, phóng sự; 101 bài viết đăng tin trên báo in và báo điện tử; 322 tin, bài trên trang thông tin điện tử các cấp).

Năm 2021, Tổng cục Thống kê đã xây dựng trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; ban hành các kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động thống kê để triển khai thực hiện. Năm 2021, thực hiện 351/486 cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát và đạt trên 72% kế hoạch (trong đó thanh tra 227/261 cuộc, đạt 87%; kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê 111/131 cuộc, đạt 85%; các cuộc kiểm tra khác đạt trên 13% kế hoạch); 34 cuộc thanh tra và 81 cuộc kiểm tra không thực hiện được do dịch Covid-19.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định của pháp luật. Tổng cục

đã xây dựng nội quy tiếp công dân và đưa vào sử dụng phòng tiếp công dân tại trụ sở Tổng cục Thống kê.

Trong năm 2021, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai công việc vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Tổng điều tra kinh tế và các cuộc điều tra thường xuyên; nhân lực, tài lực hạn chế; sự phối hợp giữa các Bộ, ban, ngành chưa kịp thời, đầy đủ... Tuy nhiên, Tổng cục Thống kê cũng nghiêm túc nhìn nhận những hạn chế tồn tại, tiếp tục xem xét để có những giải pháp tháo gỡ.

Năm 2022 được dự báo tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường với sự xuất hiện của biến chủng mới omicron, Lãnh đạo Tổng cục Thống kê yêu cầu tập thể và từng cá nhân lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, đoàn kết, trách nhiệm, luôn đổi mới, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, cá nhân trong quá trình triển khai công việc.

Do vậy, ngành Thống kê cần bám sát các quan điểm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các kế hoạch hành động theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và hệ thống chính trị; nêu cao tinh thần tự lực, dựa vào nội lực khai thác điều kiện thuận lợi từ bên ngoài. Tăng cường kết nối, huy động mọi nguồn lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác với chủ đề đã được lựa chọn của năm 2022 là: *"Chủ động đổi mới và thích ứng, tạo động lực đột phá cho hoạt động thống kê"*.

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CỦA NGÀNH THỐNG KÊ NĂM 2022

Diễn biến của dịch Covid-19 với biến chủng mới Omicron tiếp tục ảnh hưởng trong năm 2022, tình hình chính trị, kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, toàn Ngành Thống kê không ngừng phát huy tinh thần chủ động, đoàn kết, trách nhiệm, tiếp tục đổi mới, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, cá nhân liên quan để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác với chủ đề “Chủ động đổi mới và thích ứng, tạo động lực đột phá cho hoạt động thống kê”.

Mục tiêu chủ yếu của năm 2022

Để thực hiện thành công Kế hoạch công tác năm 2022, ngành Thống kê sẽ bám sát các quan điểm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các kế hoạch hành động theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và hệ thống chính trị; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào nội lực là chính, ngoại lực là cần thiết, quan trọng. Tăng cường kết nối, huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin khai thác sử dụng tối đa nguồn dữ liệu hành chính trong công tác biên soạn số liệu thống kê. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân, xã hội có thể hiểu và chuyển dẫn từ tư duy hoạt động thống kê là công cụ đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội phục vụ công tác điều hành các cấp sang đánh giá và đề xuất giải pháp trực tiếp trong công tác điều hành, quản lý các cấp dưới giác độ khoa học thống kê. Trên cơ sở đó, Tổng cục Thống kê xây dựng mục tiêu chủ yếu năm 2022 như sau: (1) Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và các văn bản pháp lý của ngành Thống kê; (2) Xây dựng chương trình hành động



và khung đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (3) Triển khai thực hiện Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của 47 Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục thực hiện công luận chuyển, điều động cán bộ; tiến hành xây dựng và triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Ngành; (4) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và tổ chức công bố kết quả chính thức Tổng điều tra kinh tế năm 2021; đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ phương pháp và cách thức thu thập thông tin thống kê; (5) Đẩy mạnh việc biên soạn, đổi mới hình thức công bố và cung cấp các chỉ tiêu thống kê; bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô; (6) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, triển khai đồng bộ tư liệu hóa

và chuyển đổi số hoạt động thống kê; (7) Tiếp tục tham gia hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng trong hoạt động thống kê; (8) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra công tác thống kê và quản lý sử dụng tài chính, tài sản công.

Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022

1. Thu thập, xử lý thông tin thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin: Tiếp tục kiểm tra, xử lý dữ liệu Tổng điều tra kinh tế 2021 phục vụ biên soạn công bố Kết quả chính thức: Hoàn thành điều tra lập bảng cân đối liên ngành IO. Tổ chức thu thập thông tin các cuộc điều tra năm 2022 theo phương án quy định. Đề xuất phương thức triển khai lồng ghép một số cuộc điều tra có cùng đơn vị điều tra, trước mắt thực hiện đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

Xây dựng các phần mềm điều tra theo hướng thay đổi hình thức thu thập từ điều tra giấy sang điều tra bằng Web-form hoặc CAPI...

2. Biên soạn, phổ biến thông tin thống kê: (i) Biên soạn Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp: Liên tục cập nhật diễn biến tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước để xây dựng báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý và cả năm 2022; xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng theo từng quý; Rà soát, cập nhật Báo cáo đánh giá, bổ sung kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Rà soát số liệu từ kết quả Tổng điều tra kinh tế, tiếp tục thực hiện đánh giá lại quy mô GDP giai đoạn 2017-2020...(ii) Biên soạn Niên giám thống kê và các ấn phẩm Thống kê: “Năng suất lao động giai đoạn 2011-2020 và giải pháp thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam”, “Tư liệu Kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, “Giáo dục, đào tạo Việt Nam - Kết quả đánh giá từ Tổng điều tra Kinh tế năm 2021”, “Y tế Việt Nam - Kết quả đánh giá từ Tổng điều tra Kinh tế năm 2021”; “sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2022”; “Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam năm 2022”, sách “Số liệu kinh tế-xã hội các quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2000-2020; ấn phẩm điện tử “Thông tin thống kê giới tại Việt Nam năm 2021”... Biên soạn Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất nguồn lực của nền kinh tế năm 2021 trình Thủ tướng Chính phủ, hoàn thiện Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 trình Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị...(iii) Phổ biến thông tin thống kê

- Tổ chức tốt Hợp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội, lao động việc làm hàng quý và cả năm 2022. Hoàn thành việc cập nhật hệ thống phổ biến dữ liệu chung tăng cường (e-GDDS) trên trang dữ liệu tóm tắt quốc gia. (iv) Phối hợp, chia sẻ thông tin với các Bộ, ban, ngành ở Trung ương và địa phương...

3. Hoàn thiện, sửa đổi thể chế cho hoạt động thống kê, thực hiện các Đề án lớn của Ngành: (i) Hoàn thiện, sửa đổi thể chế cho hoạt động thống kê: Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; Thông tư hướng dẫn thực hiện danh mục chỉ tiêu tăng trưởng xanh thuộc Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2050...(ii) Thực hiện các Đề án lớn của Ngành.

Bên cạnh đó, thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ công tác các lĩnh vực: Công tác phương pháp chế độ thống kê, quản lý khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin; Tổ chức cán bộ và thi đua khen thưởng; Quản lý tài chính và đầu tư xây dựng; Thống kê nước ngoài, Hợp tác quốc tế và quản lý dự án ODA...

Nhiệm vụ công tác của năm 2022 của toàn Ngành rất lớn với nhiều công việc quan trọng. Để thực hiện thành công Kế hoạch công tác năm 2022 của Ngành,

tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngành Thống kê trong giai đoạn tới, Tổng cục Thống kê cần tập trung vào thực hiện các đột phá sau:

(1) Hoàn thiện môi trường pháp lý, đổi mới cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ ngành Thống kê theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoàn thiện các Nghị định triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê. Ban hành kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và xây dựng khung đánh giá thực hiện chiến lược hàng năm. Xây dựng Quyết định sửa đổi Quyết định số 10/2020/QĐTTg, bám sát quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2021 để sắp xếp lại tổ chức ngành Thống kê theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

(2) Tăng cường cơ sở vật chất, huy động tối đa nguồn lực phục vụ công tác thống kê. Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê. Ưu tiên xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê.

(3) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, tăng cường kết nối, khai thác dữ liệu hành chính phục vụ cho hoạt động thống kê. Đặc biệt, tận dụng tối đa nguồn dữ liệu từ các Bộ, ban, ngành và địa phương phục vụ tốt hơn công tác biên soạn thông tin của ngành Thống kê./

Nguồn: Tổng cục Thống kê

TOÀN NGÀNH THỐNG KÊ TÍCH CỰC HƯỞNG ỨNG CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA

Năm 2021 diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước; là năm đầu thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021- 2030 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi. Đây cũng là năm ngành Thống kê triển khai nhiều nhiệm vụ lớn, một mặt phải bảo đảm tốt nhất thông tin thống kê phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đánh giá, dự báo tình hình và xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển KTXH của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương, mặt khác triển khai các công việc có tính chất quan trọng, lâu dài như: xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng khung chỉ tiêu thống kê phục vụ giám sát, đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2021... Để tạo động lực thúc đẩy tinh thần cho công chức, viên chức và người lao động, góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ lớn nêu trên, ngay từ đầu năm, Tổng cục Thống kê đã phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn Ngành.

Một số phong trào thi đua nổi bật trong năm 2021 là: Phong trào thi đua với chủ đề "Ngành Thống kê - phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong toàn Ngành, chủ động kết nối và thích

ứng, nâng cao hiệu quả hoạt động thống kê, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, lập nhiều thành tích chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, kỷ niệm 75 năm ngày thành lập ngành Thống kê (06/5/1946- 06/5/2021) và các ngày lễ lớn của dân tộc"; Phong trào thi đua thực hiện tốt cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Đồng thời Ngành cũng triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát động như: "Phát huy truyền thống, nắm bắt thời cơ, đổi mới sáng tạo, quyết liệt hành động, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2021"; "Toàn ngành Kế hoạch và Đầu tư đoàn kết, tiên phong gương mẫu, chủ động sáng tạo, đồng hành cùng Chính phủ chủ động chiến thắng dịch bệnh, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025"...

Kết quả khen thưởng năm 2021

Năm 2021, ngành Thống kê vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng "Huân chương lao động hạng Nhất" nhân dịp Kỷ niệm 75 năm thành lập ngày Ngành. Nhiều tập thể, cá nhân trong Ngành đã được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tặng thưởng các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Số lượng cụ thể như sau:

Về Khen thưởng cống hiến: 01 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Nhất"; 03 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Nhì"; 03 cá nhân được tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Ba";

Về Khen thưởng chuyên đề: (i) Khen thưởng nhân dịp Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Ngành: Tập thể Tổng cục Thống kê được tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Nhất"; 101 tập thể và 203 cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng, trong đó có 33 tập thể, 61 cá nhân ngoài Ngành; 88 cá nhân ngoài Ngành được tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thống kê Việt Nam". (ii) Khen thưởng trong Tổng điều tra kinh tế năm 2021: 14 tập thể được tặng thưởng "Cờ thi đua cấp Bộ"; 80 tập thể và 274 cá nhân trong và ngoài ngành Thống kê được đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 01 tập thể, 05 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; 25 cá nhân được tặng Giấy khen của Tổng cục trưởng. (iii) Khen thưởng trong thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030: 02 tập thể và 05 cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (iv) Khen thưởng trong công tác phòng, chống dịch Covid- 19: Bằng khen Bộ trưởng cho 08 tập thể và 22 cá nhân.

Về Khen thưởng thường xuyên: 01 tập thể được tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Nhất"; 03 tập thể được tặng thưởng "Huân chương Lao động hạng Ba"; 04 tập thể được đề nghị tặng thưởng "Cờ thi đua của Chính phủ"; 18 tập thể và 37 cá nhân được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; 14 tập thể được tặng "Cờ thi đua cấp Bộ"; 17 cá nhân được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ"; 236 tập thể và 338 cá nhân được tặng

“Bằng khen của Bộ trưởng”; 614 tập thể được tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; 734 cá nhân được tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Các hình thức khen thưởng cấp Bộ, cấp nhà nước năm 2021 đang được tổng hợp, thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành xem xét để trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

Bên cạnh các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Thống kê Việt Nam” cho 517 cá nhân, trong đó 257 cá nhân trong Ngành, 260 cá nhân làm công tác thống kê ngoài Ngành.

Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng năm 2022

Mục tiêu chủ yếu của công tác thi đua, khen thưởng ngành Thống kê năm 2022 là: Phát huy những kết quả, thành tích đã đạt được trong năm 2021, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng; tập hợp, đoàn kết, thúc đẩy toàn thể công chức, viên chức và người lao động ra sức thi đua yêu nước, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2022, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của toàn Ngành; Lãnh đạo Tổng cục Thống kê phát động tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động phong trào thi đua năm 2022 với các nội dung sau:

(1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các phong trào thi đua, phát huy sức mạnh của các cơ quan truyền thông, báo chí của Ngành trong việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình mới, nhân tố mới; có kế hoạch tuyên truyền với những nội dung thiết thực nhằm nhân rộng và tạo sức lan tỏa, coi

đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác thi đua, khen thưởng. Thực hiện công tác khen thưởng đúng quy định, chú trọng khen thưởng các tập thể, cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác.

(2) Các đơn vị thuộc Tổng cục trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức phát động các phong trào thi đua bám sát các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị. Thông qua phong trào thi đua yêu nước, các đơn vị chủ động phát hiện, khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc.

(3) Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò, trách nhiệm của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; nâng cao chất lượng tham mưu của bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

(4) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị.

(5) Phần đầu thi đua năm 2022: (i) Về công tác chuyên môn: 100% các đơn vị, cá nhân đăng ký và giao ước thi đua; 100% tập thể Vụ và tương đương, các phòng và tương đương đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, trên 70% đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; 20% tập thể Vụ và tương đương có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”; 35% tập thể Vụ và tương đương có tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; 25% tập thể Vụ và tương đương có tập thể và cá nhân được tặng “Huân chương”.

Toàn Ngành phấn đấu đạt được 14 Cờ thi đua cấp Bộ, 04 Cờ thi đua của Chính phủ. (ii) Về công tác Đảng: 100% tổ chức cơ sở Đảng “Hoàn thành nhiệm vụ”, trong đó có từ 80% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, 20% tổ chức cơ sở Đảng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong tổng số tổ chức cơ sở Đảng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. 100% đảng viên được xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ”, trong đó có từ 80% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, 20% đảng viên được xếp loại chất lượng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong tổng số đảng viên “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. (iii) Về công tác công đoàn: 100% công đoàn cơ sở “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; 20% công đoàn cơ sở “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Tự hào với những thành quả đã đạt được trong năm 2021, tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê quyết tâm đoàn kết, phát huy truyền thống tốt đẹp, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, hăng hái lao động, học tập, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để phong trào thi đua toàn 73 Ngành phát triển sâu rộng và lan tỏa, Lãnh đạo Tổng cục phát động đợt thi đua từ nay đến hết năm 2022 với chủ đề: “Ngành Thống kê - Đoàn kết, phát huy những thành tích đã đạt được, tiếp tục nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, chủ động đổi mới và thích ứng, tạo động lực đột phá trong hoạt động thống kê, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2022”/.

Nguồn: Tổng cục Thống kê

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 - một số nội dung cơ bản

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 (CLTK11-20), Thống kê Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng: Môi trường pháp lý, thể chế và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê ngày càng được hoàn thiện; thông tin thống kê kinh tế - xã hội ngày càng được công bố, phổ biến kịp thời và đầy đủ hơn phục vụ Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý, công bố và phổ biến thông tin thống kê đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê của người dùng tin trong nước và quốc tế; vị thế, năng lực thống kê Việt Nam ngày càng được cải thiện trong khu vực và quốc tế.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, Thống kê Việt Nam vẫn còn một số hạn chế chủ yếu như: Nguồn nhân lực thống kê chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng; kết nối, chia sẻ, cung cấp và phổ biến dữ liệu, thông tin thống kê còn nhiều bất cập; phương pháp luận thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê chưa được xây dựng, cập nhật, hoàn thiện và áp dụng đồng bộ theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế...

Nhằm tiếp tục phát triển Thống kê Việt Nam tiên tiến và hội nhập, Tổng cục Thống kê xây dựng Chiến lược giai đoạn mới, trình

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (CLTK21-30) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021.

Nội dung cơ bản của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030: Về quan điểm phát triển: a) Sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và dễ tiếp cận; dữ liệu thống kê nhà nước là dữ liệu cốt lõi trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà nước trong giám sát, đánh giá, xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, từng ngành, lĩnh vực và địa phương; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. b) Phát triển nhanh, vững chắc dựa vào nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; gắn với quá trình hội nhập thống kê quốc tế để sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê phù hợp chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng của xã hội. c) Tạo lập đầy đủ, đồng bộ và kịp thời về môi trường pháp lý, bộ máy tổ chức, nguồn nhân lực,

tài lực, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động thống kê.

Về mục tiêu phát triển: Mục tiêu tổng quát là hiện đại hóa Thống kê Việt Nam theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng. Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới.

Chiến lược đặt ra một số mục tiêu cụ thể nhằm: (i) Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ phương pháp và cách thức thu thập thông tin thống kê; (ii) Đẩy mạnh việc biên soạn, công bố và cung cấp các chỉ tiêu thống kê; (iii) Bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô; (iv) Triển khai đồng bộ tư liệu hóa, chuyển đổi số hoạt động thống kê; (v) Nâng cao mạnh mẽ năng lực thống kê

Về các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: (1) Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; (2) Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê; (3) Hiện đại hóa

hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu; (4) Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê; (5) Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê; (6) Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê; (7) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; (8) Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê; (9) Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê.

Trên cơ sở các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để ra, một số đề án lớn ngành Thống kê cần thực hiện trong giai đoạn tới như: Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia; Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia.

Một số hoạt động chính trong triển khai Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Một là, thành lập Ban Chỉ đạo các cấp Thành lập Ban chỉ đạo Trung ương thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, do một đồng chí Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là trưởng ban, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công tác theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban chỉ đạo thực hiện CLTK21-30 của địa phương mình.

Hai là, xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 bao gồm danh mục hoạt động chi tiết, thời gian thực hiện, phân công nhiệm vụ và

dự kiến sản phẩm đầu ra. Kế hoạch được xây dựng chi tiết, cụ thể sẽ đảm bảo cho tất cả mục tiêu, giải pháp, chương trình hành động để ra trong CLTK21-30 được các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, thống nhất đạt kết quả thiết thực. Trong năm 2022, Tổng cục Thống kê sẽ tập trung xây dựng 02 bản Kế hoạch, đó là: Kế hoạch triển khai thực hiện CLTK21-30 chung cho bộ, ngành, địa phương. Căn cứ vào Kế hoạch chung này, các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch thực hiện những công việc/hoạt động được phân công của bộ, ngành và địa phương mình.

Trên cơ sở Kế hoạch triển khai thực hiện CLTK21-30 chung cho bộ, ngành, địa phương, Tổng cục Thống kê xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Tổng cục Thống kê.

Ba là, tổ chức Hội nghị công bố, triển khai Tổ chức Hội nghị công bố và triển khai thực hiện CLTK21-30 với các bộ, ngành, các Viện nghiên cứu, trường đại học, các địa phương nhằm tuyên truyền về CLTK21-30 và huy động sự tham gia trách nhiệm, thống nhất của các bộ, ngành, các địa phương đảm bảo sự thành công của Chiến lược.

Bốn là, xây dựng Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30. Khung theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược là công cụ để theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động của Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 và đánh giá kết quả đạt được theo từng giai đoạn. Khung được xây dựng dựa trên các hoạt động chủ yếu được xác định trong Kế hoạch thực hiện CLTK21-30. Để xây dựng Khung theo dõi và đánh giá, cần sự tham gia của tất cả các đơn vị của Tổng cục Thống kê trong các khâu: Dự thảo; lấy ý kiến góp ý của

các bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia; hoàn thiện và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt, ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30.

Năm là, biên soạn Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30 Ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30 nhằm thống nhất sử dụng Khung theo dõi, đánh giá nói riêng và thực hiện công tác theo dõi, đánh giá thực hiện CLPTTK21-30 trong toàn bộ Hệ thống thống kê nhà nước. Các công việc chính cần triển khai để biên soạn và ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLPTTK21-30 gồm: Dự thảo tài liệu; lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia; hoàn thiện và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30.

Sáu là, xây dựng phần mềm theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30. Phần mềm theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30 sẽ hỗ trợ việc theo dõi và đánh giá thực hiện Chiến lược theo Khung theo dõi, đánh giá, nhằm tiết kiệm thời gian, nhân lực, đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số, tư liệu hóa các hoạt động thống kê. Sau khi xây dựng, thử nghiệm trong năm 2022, phần mềm sẽ được hoàn thiện và đưa vào sử dụng chính thức từ năm 2023.

Bảy là, triển khai thực hiện các công việc theo Kế hoạch thực hiện CLTK21-30. Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 đã được phê duyệt, ban hành, các đơn vị triển khai thực hiện công việc mà đơn vị mình được phân công, thường xuyên báo cáo, cập nhật tình hình triển khai thực hiện để Ban chỉ đạo các cấp kịp thời điều chỉnh, hỗ trợ./

Nguồn: Tổng cục Thống kê

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU VÀ PHỤ LỤC DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA CỦA LUẬT THỐNG KÊ



Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê được thông qua tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XV

Sau hơn 5 năm thực hiện, Luật Thống kê năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, Luật cũng bộc lộ một số quy định không còn phù hợp và cần sửa đổi để đáp ứng với thực tiễn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Từ lập đề nghị đến khi trình Quốc hội, dự án Luật có tên gọi “Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê”. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tháng 9/2021, Chính phủ trình Quốc hội dự án “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê” với phạm vi điều chỉnh mở rộng. Luật được sửa tên thành “Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê” và được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12/11/2021.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê gồm 02 điều và 01 Phụ lục kèm theo. Luật sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17, điểm d khoản 2 Điều 48 và thay thế Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13.

Theo đó, thứ nhất, Luật bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và địa phương xây dựng, trình Chính phủ ban hành quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quy trình biên soạn GDP, GRDP là quy trình mang tính kỹ thuật chuyên sâu, vì vậy

Luật làm rõ trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương và cơ quan thống kê cấp tỉnh, cũng như trách nhiệm phối hợp của thống kê Bộ, ngành liên quan đến việc cung cấp và sử dụng các thông tin thống kê cho công tác biên soạn và đánh giá lại quy mô GDP, GRDP thường xuyên và định kỳ.

Thứ hai, bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và địa phương định kỳ 05 năm, rà soát quy mô tổng sản phẩm trong nước báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội xem xét, quyết định về việc đánh giá lại quy mô tổng sản phẩm trong nước. Trong quá trình biên soạn GDP, có nhiều vấn đề phát sinh cần phải rà soát, đánh giá lại cả trong ngắn hạn và dài hạn. Đánh giá lại quy mô GDP trong quá trình biên soạn số liệu GDP và lập hệ thống tài khoản quốc gia là công việc thường xuyên và định kỳ ở mỗi quốc gia.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định thẩm quyền công bố thông tin thống kê của người đứng đầu cơ quan thống kê cấp tỉnh đối với thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh là phân tử của chỉ tiêu thống kê quốc gia. Quy định của Luật nhằm tạo khuôn khổ pháp lý đầy đủ cho việc công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; công khai, minh bạch việc biên soạn và công bố chỉ tiêu GDP và GRDP; triển khai thực hiện đồng bộ các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Thứ tư, thay thế Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia kèm theo Luật Thống kê 2015. Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm 21 nhóm với 230 chỉ tiêu.

So với danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13, danh mục chỉ tiêu thống kê lần này có một số thay đổi như sau:

(1) Về nhóm chỉ tiêu: (i) Tách 01 nhóm chỉ tiêu “19. Trật tự, an toàn xã hội và tư pháp” thành 02 nhóm riêng: “19. Trật tự, an toàn xã hội” và “20. Tư pháp”. (ii) Sửa tên 03 nhóm chỉ tiêu, cụ thể: - Nhóm “07. Tiền tệ và bảo hiểm” sửa tên thành “07. Tiền tệ, bảo hiểm và chứng khoán” do bổ sung các chỉ tiêu về chứng khoán; Nhóm “11. Giá cả” sửa tên thành “11. Chỉ số giá” vì nhóm này gồm các chỉ số giá; Nhóm “13. Công nghệ thông tin và truyền thông” sửa tên thành “13. Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông” để bảo đảm phản ánh đầy đủ phạm vi theo các lĩnh vực trong nhóm: Công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông và truyền thông.

(2) Về chỉ tiêu: Giữ nguyên 129 chỉ tiêu do vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm tính khả thi và bảo đảm phản ánh được tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới; Sửa tên 43 chỉ tiêu để phù hợp tình hình thực tế và văn bản pháp luật chuyên ngành đồng thời bảo đảm so sánh quốc tế; Bổ sung 58 chỉ tiêu để phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ được ban hành trong thời gian gần đây, như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030...; Bỏ 14 chỉ tiêu do không còn phù hợp với thực tế, không bảo đảm tính khả thi hoặc đã có trong nội dung của chỉ tiêu thống kê khác.

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, phản ánh, đánh giá một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới trong thời gian gần đây, cụ thể như sau: - Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (19 chỉ tiêu); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 (17 chỉ tiêu); Phát triển bền vững (52 chỉ tiêu); Chuyển đổi số, kinh tế số (22 chỉ tiêu); Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics (12 chỉ tiêu); Giới và bình đẳng giới (26 chỉ tiêu). Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia cũng đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê phản ánh quan hệ hội nhập quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, cụ thể như sau: Chỉ tiêu thống kê giới ở cấp độ toàn cầu (10 chỉ tiêu); Chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu (33 chỉ tiêu); Chỉ tiêu thống kê cấp độ ASEAN (29 chỉ tiêu); Chỉ tiêu

phát triển công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu - IDI (05 chỉ tiêu); Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (03 chỉ tiêu). Bên cạnh đó, Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật các chỉ tiêu thống kê phản ánh, dự báo, đo lường sự phát triển của kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm, cụ thể như sau: Kinh tế xanh, tăng trưởng xanh (24 chỉ tiêu); Kinh tế tuần hoàn (05 chỉ tiêu); Kinh tế bao trùm (07 chỉ tiêu). Ngoài ra, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã cập nhật, quy định các chỉ tiêu thống kê về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu; các chỉ tiêu thống kê phản ánh liên kết vùng và nhóm yếu thế, cụ thể như sau: Môi trường và biến đổi khí hậu (11 chỉ tiêu); Vùng, liên kết vùng (132 chỉ tiêu); Trẻ em (14 chỉ tiêu).

Kế hoạch triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê

Luật sửa đổi có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022. Để Luật sửa đổi được triển khai hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê theo Công văn số 8663/BKHĐT-TCTK ngày 09/12/2021.

Kế hoạch tập trung vào những nội dung công việc chủ yếu sau:

Một là, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Xây dựng, trình Chính phủ ban hành 02 nghị định gồm: Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương (dự kiến ban hành trong quý II/2022) và Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (dự kiến ban hành trong quý IV/2022).

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 quyết định trong quý II/2022 gồm: Quyết định quy định chương trình điều tra thống kê quốc gia và Quyết định quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Cập nhật, sửa đổi, bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành (dự kiến ban hành trong quý III/2022) và chế độ báo cáo thống kê cấp Bộ, ngành (dự kiến ban hành trong quý IV/2022) phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới và triển khai thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện.

- Xây dựng, ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dự kiến ban hành trong quý IV/2022).

Hai là, tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm thi hành hiệu quả Luật Thống kê ở Trung ương và địa phương: Dự kiến hoàn thành trong quý II/2022.

Ba là, tổ chức quán triệt thực hiện và tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi (đã hoàn thành tháng 12/2021).

- Tổ chức quán triệt thực hiện Luật sửa đổi: Hội nghị quán triệt thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ở Trung ương và Tổ chức quán triệt thực hiện Luật thống kê cho cán bộ, công chức thuộc Chi cục Thống kê, các phòng, ban có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn...

- Tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi ở Trung ương và địa phương gồm các hoạt động như: Biên soạn và cấp phát tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê 101 kê bằng các hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn. Dự kiến triển khai trong năm 2022 và các năm tiếp theo./

Cục Thống kê tỉnh Bình Định là cơ quan trực thuộc Tổng cục Thống kê, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Được sự chỉ đạo sát sao của Tổng cục Thống kê, sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, tập thể Ban Lãnh đạo Cục Thống kê Bình Định luôn đoàn kết, thống nhất, cùng sự nỗ lực phấn đấu của công chức và người lao động, trong nhiều năm liền, ngành Thống kê Bình Định đã khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch công tác của Tổng cục Thống kê và Lãnh đạo địa phương giao.

Trong giai đoạn 2014-2020, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Trung ương và địa phương giao. Một trong những hoạt động nổi trội đó là công tác biên soạn thông tin. Ngành Thống kê Bình Định bám sát kế hoạch, thực hiện đầy đủ các báo cáo số liệu tình hình kinh tế - xã hội, các báo cáo số liệu ước tính hàng tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm,... Ngành luôn tăng cường thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính logic, mối quan hệ giữa các cấp, các ngành, các loại hình kinh tế. Các báo cáo phản ánh một cách cơ bản và toàn diện tình hình kinh tế - xã hội của địa phương trên tất cả các lĩnh vực đời sống, kinh tế - xã hội... bảo đảm cả định tính và định lượng. Các báo cáo cũng đánh giá những biến động về tình hình kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng thông tin, có độ tin cậy cao để kịp thời phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương.

Hoạt động phổ biến thông tin được đẩy mạnh theo hướng kịp thời, đầy đủ, khách quan và minh bạch đến mọi đối tượng sử dụng thông tin thống kê bằng nhiều hình thức nhằm ngày càng đáp ứng kịp thời các yêu cầu thường xuyên, đột xuất của cấp ủy, chính quyền các cấp và các đối tượng dùng tin khác. Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê tỉnh Bình Định hoạt động xuyên suốt, được cập nhật thường xuyên các báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, các bài viết chuyên ngành thống kê, thông tin hoạt động của ngành được các tổ chức, cá nhân truy cập dùng tin.

Bên cạnh đó là thực hiện thành công các cuộc Tổng điều tra, như: Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016; Tổng điều tra

CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH ĐỊNH THÀNH TÍCH THI ĐUA ĐÁNG GHI NHẬN

Nguyễn Thị Mỹ

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bình Định



kinh tế năm 2017 và Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019. Khi triển khai các cuộc Tổng điều tra, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã thực hiện đúng phương án TĐT, chỉ đạo theo kế hoạch của BCĐ TĐT Trung ương từ khâu thành lập BCĐ các cấp, lập Tổ thường trực giúp việc đến công tác tập huấn triển khai nghiệp vụ, giám sát... theo đúng thời gian quy định. Ngoài ra, các công tác khác như: Thanh tra, tổ chức cán bộ, thi đua, khen thưởng, tài chính... của ngành luôn được thực hiện nền nếp, bài bản, theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

Để đạt được những thành tích trên, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã tăng cường, nâng cao chất lượng trong việc thu thập thông tin, rà soát đánh giá tình hình số liệu từ các cấp, các ngành, không ngừng nâng cao chất lượng công tác biên soạn, tổng hợp, báo cáo phân tích tình hình kinh tế - xã hội

phục vụ đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội các cấp từ địa phương đến Trung ương. Bên cạnh đó, đơn vị đặc biệt quan tâm đến công tác cải cách hành chính. Công tác này được thực hiện thường xuyên, liên tục và lâu dài nhằm không ngừng nâng cao, hoàn thiện về tổ chức bộ máy và đảm bảo thực thi mọi nhiệm vụ mà Nhà nước giao. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng công tác thống kê, Cục rất quan tâm đến công tác đào tạo. Đơn vị đã thường xuyên cử công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng công tác thống kê nhằm đảm bảo công chức thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng số liệu, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của toàn ngành. Ngoài việc nâng cao

trình độ chuyên môn nghiệp vụ, các công chức chú trọng rèn luyện phẩm chất, đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch công tác thông tin Tổng cục Thống kê giao, phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu của lãnh đạo cấp ủy, HĐND, UBND các cấp.

Với những nỗ lực, đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung, ngành Thống kê Bình Định, giai đoạn 2014 - 2020, Ngành Thống kê Bình Định là đơn vị nhiều năm liên đạt thứ hạng cao trong 63 tỉnh, thành phố với các lĩnh vực như: Bộ phận Công nghiệp, Xây dựng, Vốn đầu tư, Dân số, Xã hội môi trường, Tài khoản quốc gia, Tổng hợp. Ngành luôn có nhiều đề tài phân tích, sáng kiến, giải pháp đạt hiệu quả cao. Năm 2013, Cục Thống kê tỉnh Bình Định được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì. Từ 2014 đến 2020, Cục Thống kê Bình Định luôn đạt danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc"; Cờ thi đua Chính phủ năm 2015; Cờ thi đua cấp Bộ năm 2014, 2015, 2016, 2018, 2020. Năm 2021, Cục đã vinh dự được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất. Hành trang từ những thành tích đạt được trong thời gian vừa qua của ngành Thống kê Bình Định là nền tảng vững chắc, là niềm tự hào, động lực thôi thúc toàn thể công chức tiếp tục xây dựng đơn vị phát triển vững chắc, góp phần xây dựng ngành Thống kê Việt Nam tiên tiến, hiện đại./.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CỔ PHẦN HÓA DNNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

TS. Cảnh Chí Hoàng - ThS. Phạm Thế Vinh

Trường Đại học Tài chính - Marketing

Cổ phần hóa là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021 tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa (CPH) các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Tuy nhiên việc thực hiện vẫn còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu và kế hoạch đã đề ra do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Để tiến độ cổ phần hóa đạt được mục tiêu đề ra, thời gian tới cần có nhiều giải pháp đồng bộ, sự vào cuộc quyết liệt của các bộ, ngành liên quan cũng như doanh nghiệp.

Thực trạng CPH thời gian qua

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một trong những trọng tâm quan trọng trong chính sách của Đảng, Nhà nước nhằm nâng cao năng lực của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Từ năm 2011 đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy định về tiêu chí, danh mục phân loại DNNN theo hướng thu hẹp ngành, lĩnh vực duy trì DNNN, thu hẹp phạm vi đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp với số lượng ngành, lĩnh vực Nhà nước cần duy trì 100% và trên 50% vốn điều lệ giảm dần. Các cơ chế chính sách trong quá trình thực hiện sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại DNNN đã được ban hành đầy đủ, chặt chẽ, tránh thất thoát vốn nhà nước, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh, đã đáp ứng, phục vụ cho các yêu cầu đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước

tại doanh nghiệp và cổ phần hóa, thoái vốn tại DNNN.

Thực tế cho thấy, khu vực DNNN đã được sắp xếp, đổi mới theo hướng thu hẹp dần, giảm bớt ở nhiều vị trí không cần thiết đến sự hiện diện DNNN, kể cả về diện hoạt động (phạm vi ngành, lĩnh vực có DNNN) và mật độ hiện diện DNNN (số lượng DNNN cùng kinh doanh trong ngành, lĩnh vực), tăng hiệu quả huy động các nguồn lực đầu tư của xã hội và nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN trong tình hình mới. Những năm qua, bên cạnh những DNNN làm ăn có lãi đóng góp vào ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động, trở thành lực lượng vật chất cho Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thì vẫn còn không ít các DNNN làm ăn thua lỗ thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước hàng nghìn tỷ đồng, trở thành gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Theo số liệu của Bộ Tài chính, lũy kế giai đoạn 2016-2020, đã có

180 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị doanh nghiệp là 489.690 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 233.792 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong 180 doanh nghiệp đã cổ phần hóa chỉ có 39/128 doanh nghiệp hoàn thành cổ phần hóa, còn 89 DN chưa hoàn thành công tác cổ phần hóa theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg, công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Dự kiến các doanh nghiệp này sẽ tiếp tục triển khai cổ phần hóa theo kế hoạch.

Mặc dù vậy, 7 tháng năm 2021, tiến độ cổ phần hóa và thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước vẫn "giậm chân tại chỗ", chỉ có 3 doanh nghiệp được cổ phần hóa, trong đó, không có doanh nghiệp nào thuộc danh mục 128 doanh nghiệp cổ phần hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Về tình hình thoái vốn, lũy kế 04 tháng đầu năm 2021: Thoái vốn với giá trị 286,6 tỷ đồng, thu về 2.165 tỷ đồng, trong đó: Thoái vốn nhà nước đã thoái 03 đơn vị thuộc Quyết định số 908/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với giá trị 52,5 tỷ đồng, thu về 84,1 tỷ đồng; Thoái vốn của tập đoàn, Tổng công ty: Thoái vốn tại 09 doanh nghiệp với tổng giá trị là 234,1 tỷ đồng, thu về 2.081,3 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, theo kế hoạch được phê duyệt, tổng giá trị dự kiến bán cho các đối tượng (nhà đầu tư chiến lược, cán bộ công nhân viên, tổ chức công đoàn, bán đấu giá công khai) là 98.748 tỷ đồng, tương đương 48% giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế triển khai bán cổ phần đã không thành công theo kế hoạch, tổng giá trị thực tế bán được là 22.748 tỷ đồng (đạt 23% kế hoạch dự kiến bán, tương đương 11% giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp). Tuy vậy, tổng giá trị thu về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp từ công tác cổ phần hóa là 36.145 tỷ đồng (đạt 1,6 lần so với giá bán).

Mặc dù số lượng DNNN chỉ còn chiếm khoảng 0,08% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tính đến thời điểm 31/12/2020 trong cả nước, nhưng các DNNN vẫn đang nắm giữ nhiều nguồn lực quan trọng của nền kinh tế, chiếm 7% tổng tài sản và 10% vốn chủ sở hữu của toàn bộ doanh nghiệp trên thị trường, chiếm khoảng 25,78% tổng vốn sản xuất, kinh doanh và 23,4% giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh. Các DNNN của Việt Nam đang chiếm thị phần rất lớn trong một số lĩnh vực, như: Năng lượng,

viễn thông, ngân hàng... đóng góp hơn 29% GDP của đất nước.

Các DNNN thu hút khoảng 0,7 triệu lao động (trong đó có khoảng 0,43 triệu lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), chiếm khoảng 7,3% lao động của toàn bộ khu vực doanh nghiệp. Mức thu nhập bình quân tháng của một lao động tại các DNNN trong năm 2020 đạt khoảng 20 triệu đồng (trong đó, khu vực doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đạt khoảng 14 triệu đồng, khu vực các doanh nghiệp do Nhà nước giữ cổ phần chi phối đạt 23,2 triệu đồng).

DNNN có vai trò lớn trong sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Nhiều tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực tiếp tham gia phục vụ an ninh - quốc phòng, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia. Các DNNN thời gian qua cũng đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội, trước hết là hạ tầng giao thông, nông nghiệp, nông thôn, năng lượng, viễn thông. Đặc biệt, trong đại dịch Covid-19, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn nhưng nhiều DNNN đã thể hiện được vai trò quan trọng của mình trong việc góp phần bảo đảm an ninh lương thực, phục vụ chính sách điều tiết kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, bình ổn giá như cử cán bộ tham gia công tác chống dịch tại địa bàn và tại cơ quan đặc biệt có nhiều cán bộ tình nguyện tham gia hỗ trợ công tác chống dịch tại khu vực tâm dịch; hỗ trợ giảm giá điện, nước, cước viễn thông; cung cấp các túi lương thực, thực phẩm

miễn phí nhằm đảm bảo chính sách an sinh xã hội của Nhà nước đối với người dân bị ảnh hưởng; hỗ trợ đưa người dân từ vùng tâm dịch trở về.

Mặc dù đạt được kết quả, nhưng việc thực hiện cổ phần hóa DNNN còn chậm là do:

Thứ nhất, việc cơ quan đại diện chủ sở hữu, DNNN, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước phải xử lý các vướng mắc, tồn tại, khó khăn trong triển khai cổ phần hóa, thoái vốn ở giai đoạn trước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cũng ảnh hưởng đến tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn của giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021.

Thứ hai, trong quá trình tổ chức thực hiện, một số Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước còn chưa thực sự nghiêm túc, sát sao trong việc triển khai kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Mặt khác, công tác lập kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn để trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2016 - 2020 chưa sát với thực tế triển khai.

Thứ ba, hiệu quả hoạt động của các DNNN chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ. DNNN có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng trưởng nguồn vốn kinh doanh; tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thấp hơn khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và khu vực FDI. Vẫn còn DNNN sản xuất, kinh doanh hiệu quả thấp, thua lỗ.

Thứ tư, công tác đổi mới quản trị doanh nghiệp trong điều hành sản xuất kinh doanh còn chậm, chưa theo kịp với yêu cầu cơ chế thị trường, chi phí sản xuất kinh doanh còn lớn; công nghệ

và công cụ quản trị kinh doanh chậm đổi mới.

Một số giải pháp đẩy nhanh hoàn thiện cổ phần hóa DNNN đến năm 2025

Nhằm đẩy nhanh lộ trình cổ phần hóa, thoái vốn trong giai đoạn tới, nhiệm vụ được đề ra là đến năm 2025, hoàn tất việc sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu khối DNNN, thông qua các hình thức như: Duy trì tỷ lệ sở hữu của Nhà nước, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, bán, giải thể, phá sản, thoái vốn và cổ phần hóa DNNN, đảm bảo nguồn thu từ tái cơ cấu doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2025 ít nhất 248.000 tỷ đồng. Để đạt được mục tiêu đề ra, thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, Nhà nước cần hoàn thiện cơ sở pháp lý để xử lý dứt điểm những dự án thua lỗ, kém hiệu quả. Xây dựng danh mục tiêu chí DNNN thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn theo hướng tạo chủ động, gắn trách nhiệm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định tiến độ thời gian việc sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp hiệu quả, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng thất thoát vốn nhà nước, có cơ chế giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời những vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện.

Hai là, xử lý dứt điểm các dự án thua lỗ, kém hiệu quả của giai đoạn 2011 - 2020 theo hướng: xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc để xảy ra tình trạng ngừng hoạt động, thua lỗ kéo dài, thất thoát vốn nhà nước; Xây dựng phương án và lộ trình

thực hiện có hiệu quả phương án để xử lý dứt điểm tình trạng này.

Ba là, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, cơ cấu lại các DNNN theo hình thức chủ yếu là cổ phần hóa, thoái vốn các DNNN, đảm bảo công khai, minh bạch, đem lại hiệu quả cao nhất cho Nhà nước, như: Rà soát, đánh giá hiệu quả của phương án cổ phần hóa, thoái vốn với phương án phá sản, bán toàn bộ doanh nghiệp, lựa chọn phương án phù hợp, hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí.

Bốn là, có thể thí điểm triển khai mô hình chuyển đổi một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước hoặc các DNNN nắm giữ cổ phần chi phối (đối với một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực quan trọng, thiết yếu của nền kinh tế, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, hệ thống thông tin, dữ liệu quốc gia).

Năm là, tăng cường công khai, minh bạch thông tin của các DNNN, đảm bảo dễ dàng tiếp cận, kiểm tra, theo dõi, đánh giá. Tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp; phân biệt trách nhiệm của cơ quan quản lý phần vốn nhà nước với người quản lý doanh nghiệp.

Sáu là, tập trung đẩy nhanh tiến độ xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính, hoàn thành việc xác lập pháp lý cho các cơ sở nhà, đất trước thời điểm tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa. Thực hiện quyết toán công tác cổ phần hóa đúng thời hạn và nộp tiền thu từ cổ phần hóa theo quy định của pháp luật.

Bảy là, thực hiện công tác thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo tính đúng, tính đủ giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi thoái vốn, nộp tiền thu từ thoái vốn theo quy định của pháp luật. Củng cố mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu để đáp ứng yêu cầu đổi mới, cơ cấu lại của các DNNN. Tăng cường giám sát, kiểm tra của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cơ quan đại diện chủ sở hữu khác. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ hoặc có các dự án kinh doanh thua lỗ, chậm tiến độ, kém hiệu quả. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi xảy ra vi phạm./.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2011, 2013, 2015, 2017). *Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần*
2. Chính phủ (2021). *Báo cáo hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2020*
3. Bùi Dương (2020). Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Muốn đẩy nhanh phải vào cuộc đồng bộ, truy cập từ <https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/co-phan-hoa-doanh-nghiep-nha-nuoc-muon-day-nhanh-phai-vao-cuoc-dong-bo-326793.html>

Năm
2021

KINH TẾ SỐ VIỆT NAM PHÁT TRIỂN ẢO TƯỢNG

Bích Ngọc

Trong năm 2021, sự bùng phát của làn sóng dịch Covid-19 từ cuối tháng Tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm tại nhiều địa phương đã ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều ngành, lĩnh vực và làm đứt gãy các hoạt động kinh tế truyền thống. Mặc dù vậy, kinh tế số đã có sự phát triển ấn tượng, góp phần kéo lại đà tăng trưởng cho nền kinh tế nước ta. Trong năm 2022, kinh tế số tiếp tục sẽ là động lực tăng trưởng cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế đất nước trong bối cảnh dịch bệnh vẫn có những diễn biến phức tạp.

Tại Hội thảo “Phát triển các mô hình kinh doanh mới trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” do Ban Kinh tế Trung ương tổ chức vào giữa tháng 11/2021, cùng với Indonesia, nền kinh tế số Việt Nam đang dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á, với trung bình 38%/năm so với 33%/năm của cả khu vực tính từ năm 2015 đến nay. Hà Nội và TP.HCM là 2 trong 7 thành phố lớn phát triển nền kinh tế số của khu vực.

Còn theo báo cáo về kinh tế số khu vực Đông Nam Á được Google, Temasek và Bain & Co công bố vào tháng 11 trong năm vừa qua, năm 2021, tổng giá trị hàng hóa của nền kinh tế số Việt Nam dự kiến đạt 21 tỷ USD, tăng 31% so với năm 2020. Mức tăng trưởng 31% chủ yếu đến từ ngành thương mại điện tử, với tổng giá trị hàng hóa bán trên nền tảng online (GMV) dự kiến tăng 53%, đạt 13 tỷ USD; các dịch vụ nghe nhìn trực tuyến có GMV dự kiến tăng 30%, đạt 3,9 tỷ USD.

Con số này bù đắp cho ngành du lịch trực tuyến với GMV ước tính giảm 45%, còn 1,4 tỷ USD. Báo cáo này nhận định, sự phát triển ấn tượng của nền kinh tế số có được là nhờ sự thích ứng nhanh chóng, linh hoạt của người dân với trạng thái xã hội bình thường mới, thay đổi thói quen tiêu dùng, chuyển từ mua bán truyền thống sang mua bán trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ. Bên cạnh đó, kể từ khi đại dịch bắt đầu đến nửa đầu năm 2021, Việt Nam đã có thêm 8 triệu khách hàng số mới, trong đó có khoảng 55% khách hàng đến từ các khu vực không phải thành phố lớn. Cũng trong năm 2021, mỗi người dùng internet ở Việt Nam đã sử dụng trung bình 8,5 dịch vụ số, tăng 4 dịch vụ so với thời điểm trước đại dịch. Các dịch vụ chiếm tỷ lệ cao trong đại dịch là thương mại điện tử, giao đồ ăn, xem video và nghe nhạc.

Sự phát triển của nền kinh tế số Việt Nam trong năm vừa qua không chỉ đơn giản là những đánh giá, nhận định đó mà đã được chứng minh trên thực tế bởi sự sôi động của một loạt các thị trường là thương mại điện tử, giáo dục trực tuyến, giải trí trực tuyến...

Một trong những mũi nhọn đóng vai trò quan trọng thúc đẩy nền kinh tế số Việt Nam năm 2021 tăng tốc trong bối cảnh bình thường mới, chính là những sự tăng trưởng phát triển mạnh mẽ của ngành thương mại điện tử Việt Nam. Theo chia sẻ đại diện Cục Thương mại điện tử & Kinh tế số (Bộ Công Thương) tại họp báo Tuần lễ mua sắm trực tuyến và Ngày mua sắm trực tuyến Online Friday 2021 diễn ra vào cuối tháng 11/2021, dịch bệnh Covid-19 dường như là chất xúc tác, giúp thương mại điện tử

phát triển nhanh, mạnh hơn với sự góp mặt của hàng loạt những sàn thương mại điện tử như Lazada, Sendo, Shopee, Tiki.... Dù bị ảnh hưởng bởi các quy định hạn chế di chuyển, giãn cách xã hội, song người dân đã thay đổi thói quen tiêu dùng và mua sắm, tạo ra những xu hướng tiêu dùng mới. Các mặt hàng trên các sàn thương mại điện tử không chỉ là quần áo, mỹ phẩm mà còn là các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày vốn trước đây phần lớn bán qua kênh trực tiếp như thực phẩm, nông sản, thuốc men... Các chuyên gia kinh tế ước tính, trong giai đoạn dịch vừa qua, thương mại điện tử ở Việt Nam vẫn tăng trưởng khoảng 18%. Mức tăng trưởng hai con số này trong đại dịch là con số hiếm nước nào trong khu vực Đông Nam Á đạt được.

Năm 2021 là một năm ảm đạm của các ứng dụng gọi xe tại thị trường Việt Nam là Grap, Bee, GoViet, Uber, Gojek... do phải tuân thủ quy định chống dịch của các địa phương thực hiện giãn cách xã hội, nhất là TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Tuy nhiên, trong nguy có cơ, khi dịch vụ chở khách phải tạm dừng hoạt động, thì các ứng dụng gọi xe công nghệ đã linh hoạt chuyển đổi, đẩy mạnh các dịch vụ giao thực phẩm, hàng hóa thiết yếu mùa dịch, phát triển mảng dịch vụ giao hàng, đi chợ hộ. Đây được xem là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng hàng hóa của hệ thống kinh doanh thương mại điện tử năm vừa qua, góp phần thúc đẩy nền kinh tế số phát triển.

Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát mạnh tại nhiều địa phương trên cả nước, năm 2021 là năm thứ hai liên tiếp, ngành giáo dục Việt Nam phải triển khai

các ứng dụng dạy học trực tuyến tại các cơ sở giáo dục. Điều này khiến cho thị trường giáo dục trực tuyến (e-learning) cũng như thị trường công nghệ giáo dục trực tuyến (edtech) tại Việt Nam nóng hơn bao giờ hết. Trong năm vừa qua, số lượng doanh nghiệp chọn lĩnh vực giáo dục để khởi nghiệp (Startup) tăng mạnh. Riêng thị trường edtech đã thu hút khoảng hơn 100 startup trong nước. Bên cạnh đó, năm 2021, lĩnh vực giáo dục và đào tạo cũng chứng kiến hàng chục thương vụ M&A thành công như: Thương vụ Công ty Du lịch Vietravel tuyên bố sở hữu 66% cổ phần của Trường Cao đẳng Quốc tế Kent, Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hutech mua lại Đại học Kinh tế – Tài chính TP.HCM (UEF) với giá hơn 100 tỷ đồng, Công ty CP Phát triển Hùng Hậu mua lại Đại học Văn Hiến khoảng 60 tỷ đồng... Hơn nữa, thị trường giáo dục trực tuyến Việt Nam còn có sự góp mặt của không ít công ty nước ngoài đang tiến vào thị trường Việt Nam. Điển hình như Gakken Holdings của Nhật Bản hợp tác với công ty KiddiHub Education Technology (Việt Nam), đơn vị vận hành nhiều website thông tin liên quan đến đào tạo bậc mẫu giáo.

Cũng trong năm vừa qua, ngành Y tế Việt Nam đã có bước chuyển đổi số mạnh mẽ. 100% các bệnh viện trên toàn quốc đã triển khai hệ thống thông tin quản lý bệnh viện; nhiều cơ sở đã triển khai bệnh án điện tử thay cho bệnh án giấy; triển khai hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS) thay cho in phim. Bên cạnh đó, ngành Y tế đã xây dựng hệ thống tư vấn khám, chữa bệnh từ xa và kết nối vận vật trong y tế. Nhiều cơ sở y tế cũng triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo,

ứng dụng rô-bốt trong y tế; thí điểm đưa ứng dụng “điện toán biết nhận thức” hỗ trợ điều trị ung thư tại một số bệnh viện. Kết quả chuyển đổi số ngành Y tế trong năm 2021 đã đem lại nhiều lợi ích cho cả cơ sở y tế và người dân.

Năm 2021 còn được chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc của lĩnh vực giải trí trực tuyến. Với sự phát triển nền tảng truyền thông đa phương tiện, thị trường giải trí trực tuyến Việt Nam trong năm vừa qua đã tạo nên bức tranh công nghệ giải trí số đa sắc màu với nhiều hình thức đa dạng như hoạt động truyền hình, báo chí, phim ảnh, game shows, video, trò chơi trực tuyến (game online), thể thao điện tử (eSports) hay thậm chí là nghe nhạc trực tuyến từ loạt live show được tổ chức trên không gian mạng của giới ca sĩ... Trong đó, game online là một trong những chương trình nổi bật, tạo ra một thị trường khá sôi động, thu hút lượng lớn người chơi. Theo báo cáo của We are social 2021, thị trường này tại Việt Nam có khoảng 40 triệu người chơi. Trong đó chủ yếu chơi game trên smartphone (85%), PC (44,4%), Tablet (22,6%), Console (8,6%). Chi phí mua ứng dụng game mobile của Việt Nam trong năm 2021 ước tính có thể lên đến 205 triệu USD.

Song hành cùng các lĩnh vực trên là sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ tài chính số với yếu tố quan trọng là thanh toán số. Năm 2021, thanh toán số được đánh giá là mảng dịch vụ phát triển khá nhanh, với loại hình ví điện tử chiếm tới 90% thị phần trung gian thanh toán cả về số lượng và giá trị giao dịch. Chỉ tính đến hết tháng 4/2021, Việt Nam đã có tới trên 40 công ty không phải là các tổ chức phi ngân hàng được cấp phép tham gia vào hoạt động

thanh toán, cung cấp cho khách hàng và các nhà bán lẻ các dịch vụ thanh toán trực tuyến hoặc các giải pháp thanh toán kỹ thuật số như: MoMo, Grappay by Moca, Airpay, VinID pay, Zalo pay, VNpay QR... Đây cũng chính là những công ty có mức tăng trưởng ấn tượng về dịch vụ thanh toán điện tử hiện nay. Bên cạnh đó, trong năm 2021, Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile money). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng của hoạt động thanh toán và tiền kỹ thuật số, tạo tiền đề cho sự gia nhập của các công ty lớn về viễn thông trong việc cung ứng dịch vụ này. Ngoài ra, hoạt động cho vay ngang hàng và không gian blockchain cũng có mức tăng trưởng mạnh nhất trong thị trường dịch vụ tài chính số nước ta.

Dù đã có bước phát triển khá ấn tượng, tuy nhiên các chuyên gia kinh tế vẫn phải phải thừa nhận rằng, nền kinh tế số Việt Nam phát triển chủ yếu dựa trên các nền tảng sáng tạo đã có sẵn của thế giới, những nền tảng phát triển bởi Việt Nam còn hạn chế, tập trung chủ yếu ở các nền tảng thương mại điện tử, khả năng cạnh tranh chưa thực sự cao so với các nền tảng thương mại lớn của các tập đoàn/công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, mức độ chủ động tham gia phát triển nền tảng kinh doanh tại Việt Nam cũng còn nhiều yếu kém và tự phát.

Bên cạnh đó, nền kinh tế số của Việt Nam vẫn còn những điểm yếu như đầu tư hạ tầng số, cơ sở dữ liệu còn đang phân mảnh cả chiều ngang lẫn chiều dọc; khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực

phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia mới được hình thành, chưa đồng bộ và hiệu quả; thể chế, chính sách phát triển kinh tế số còn nhiều bất cập; cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu; việc chuyển đổi số vẫn còn phân tán, tách biệt giữa các cơ quan, bộ, ngành, địa phương.

Với quy mô dân số gần 10 triệu dân, 99% người tiêu dùng kỹ thuật số Việt Nam có ý định tiếp tục sử dụng các dịch vụ trực tuyến trong tương lai, “gã khổng lồ công nghệ” Google, Temasek và Bain & Co dự báo vào năm 2025, quy mô nền kinh tế số Việt Nam sẽ đạt 57 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt 29%. Vào thời điểm đó, nền kinh tế số Việt Nam sẽ vượt qua Thái Lan (quy mô dự kiến 56 tỷ USD) và bỏ xa Malaysia (35 tỷ USD). Đến năm 2030, ước tính nền kinh tế số tại Việt Nam dựa trên GMV sẽ đạt 220 tỷ USD tổng giá trị hàng hóa (GMV- Gross Merchandise Value), tức là tăng 11 lần trong 9 năm tới và Việt Nam sẽ trở thành nền kinh tế số có giá trị lớn thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á, chỉ xếp sau Indonesia.

Những con số dự báo này là niềm tin để Việt Nam đạt được các mục tiêu đặt ra trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là nước ta thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chính phủ điện tử, liên quan đến phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, mục tiêu đến năm 2025 là kinh tế số chiếm 20% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%./.

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ 2021

KHÁI QUÁT KẾT QUẢ SƠ BỘ

Khái quát về số lượng và lao động của các đơn vị điều tra

Số lượng và lao động của các đơn vị điều tra năm 2020 đều tăng so với năm 2016, tuy nhiên mức độ tăng về lao động thấp hơn so với các giai đoạn trước.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2021, tổng số lượng của 04 loại đơn vị điều tra do Tổng cục Thống kê thực hiện năm 2020 có gần 6,0 triệu đơn vị, tăng 8,0% (tăng 444,7 nghìn đơn vị) so với năm 2016. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2016-2020, số lượng đơn vị tăng 1,9%/năm, cao hơn mức tăng 1,5%/năm của giai đoạn 2011-2016 và thấp hơn mức tăng 4,9%/năm của giai đoạn 2006-2011.

Số lượng lao động trong các đơn vị điều tra năm 2020 là gần 26,0 triệu người, tăng 3,0% (tăng 752,8 nghìn người) so với năm 2016. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2016-2020, số lượng lao động tăng 0,7%/năm, thấp hơn mức tăng 3,6%/năm của giai đoạn 2011-2016 và mức tăng 7,7%/năm của giai đoạn 2006-2011.

Số lượng doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng duy trì mức tăng trưởng; các cơ sở SXKD cá thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ có dấu hiệu chững lại trong 5 năm qua.

Doanh nghiệp tăng cả về số doanh nghiệp và lao động, trong đó số doanh nghiệp có mức tăng cao nhất trong các loại đơn vị điều tra.

Tính đến 31/12/2020, cả nước có 683,6 nghìn doanh nghiệp

thực tế đang hoạt động có kết quả SXKD, tăng 35,3% (tăng 178,5 nghìn doanh nghiệp) so với năm 2016. Giai đoạn 2016-2020, bình quân mỗi năm số doanh nghiệp tăng 7,9%. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn mức tăng 8,7% bình quân năm của giai đoạn 2011-2016.

Trong năm 2020 các doanh nghiệp thu hút trên 14,7 triệu lao động, tăng 4,7% so với năm 2016. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2016-2020, số lao động tăng 1,2%, thấp hơn mức tăng 5,1%/năm của giai đoạn 2011-2016.

Hợp tác xã có mức tăng cao về số lượng đơn vị nhưng giảm mạnh về số lao động.

Năm 2020, cả nước có gần 15,3 nghìn hợp tác xã, tăng 17,5% (tăng 2,3 nghìn đơn vị) so với năm 2016; thu hút 169,6 nghìn lao động, giảm 15,6% (giảm 31,3 nghìn lao động) so với năm 2016. Số lượng các hợp tác xã thuộc ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng chủ yếu với 50,7%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với năm 2016 (năm 2016 là 50,8%); ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 18,5%, giảm 1 điểm phần trăm (năm 2016 là 19,5%); ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng 30,8%, tăng 1,1 điểm phần trăm so với năm 2016 (năm 2016 là 29,7%).

Bình quân giai đoạn 2016-2020, mỗi năm số lượng HTX tăng 3,5%, cao hơn mức giảm bình quân 0,8% của giai đoạn 2011-2016; mỗi năm số lao động trong

các HTX giảm 4,4%, trái ngược so với mức tăng bình quân 0,2%/năm của giai đoạn 2011-2016.

Cơ sở SXKD cá thể tăng cả về số đơn vị và số lao động nhưng thấp hơn nhiều so với các giai đoạn trước đây.

Năm 2020, cả nước có gần 5,2 triệu cơ sở SXKD cá thể, tăng 5,7% (tăng 281,1 nghìn cơ sở) so với năm 2016; thu hút trên 8,5 triệu lao động, tăng 3,0% (tăng 246,4 nghìn lao động). Bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020, số cơ sở tăng 1,4% và số lao động tăng 0,7%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của giai đoạn 2011-2016 lần lượt là 3,0% và 1,8%; giai đoạn 2006-2011 lần lượt là 4,4% và 5,6%.

Trong năm 2020, mặc dù tỷ trọng số lượng cơ sở SXKD cá thể khá cao, chiếm tới 86,6% trong tổng số đơn vị điều tra nhưng tổng số lao động của cơ sở SXKD cá thể chỉ chiếm khoảng 32,8% trong tổng số lao động của các đơn vị điều tra. Lý do, các cơ sở SXKD cá thể thường có quy mô lao động rất nhỏ từ 1,5 đến 1,7 lao động/cơ sở.

Đơn vị sự nghiệp có sự sụt giảm về số lượng đơn vị so với năm 2016 (đặc biệt lĩnh vực Y tế giảm mạnh do thay đổi phạm vi thu thập thông tin¹).

Tổng số lượng đơn vị sự nghiệp năm 2020 là 52,5 nghìn đơn vị,

1. Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Y tế có sự thay đổi về đối tượng thu thập thông tin: Tổng điều tra kinh tế năm 2021 là Trung tâm y tế; Tổng điều tra kinh tế năm 2017 là Trạm y tế.

giảm 28,6% (giảm trên 21 nghìn đơn vị) so với năm 2016; thu hút 2,4 triệu lao động, giảm 6,1% (giảm 154,8 nghìn lao động). Bình quân hằng năm trong giai đoạn 2016-2020, số lượng đơn vị sự nghiệp giảm 8,1% và số lượng lao động giảm 1,6%; xu hướng này ngược với giai đoạn 2011-2016 khi bình quân hằng năm số lượng đơn vị tăng 0,5% và số lượng lao động tăng 2,8%; giai đoạn 2006-2011 lần lượt là 2,6% và 5,0%.

Đơn vị hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ có sự sụt giảm về số lượng đơn vị nhưng số lượng lao động lại có sự tăng trưởng so với năm 2016.

Tổng số lượng đơn vị hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ là 6.482 đơn vị, giảm 2,7% so với năm 2016 (năm 2016 là 6.663 đơn vị); số lượng lao động là 37,9 nghìn người, tăng 2,5% so với năm 2016 (năm 2016 là 36,9 nghìn người). Trong đó, đơn vị hiệp hội giảm 2,2% về số lượng đơn vị, tăng 1,8% về số lượng lao động; số lượng các tổ chức phi Chính phủ giảm 17,1% và số lượng lao động tăng 8,5% so với năm 2016.

Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng duy trì đà tăng trưởng cả về số lượng cơ sở và lao động, tuy nhiên tốc độ tăng có xu hướng trái ngược nhau.

Theo kết quả Tổng điều tra, năm 2020 cả nước có trên 46,8 nghìn cơ sở thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, tăng 9,6% so với năm 2016; thấp hơn tốc độ tăng của năm 2016 so với năm 2011 (19,5%) và năm 2011 so với năm 2006 (27,4%). Bình quân giai đoạn 2016-2020, số lượng cơ sở tăng 2,3%/năm thấp hơn mức tăng 3,6%/năm của giai đoạn 2011-2016 và 5%/năm của giai đoạn 2006-2011

Năm 2020 có 167,2 nghìn chức sắc, nhà tu hành làm việc thường

xuyên tại các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, tăng 19,2% so với năm 2016, cao hơn tốc độ tăng năm 2016 so với năm 2011 (7,9%) và năm 2011 so với năm 2006 (5,7%). Tốc độ tăng nhân lực bình quân năm giai đoạn 2016-2020 là 4,5%, cao hơn mức tăng 1,5%/năm của giai đoạn 2012-2016 và 1,1%/năm của giai đoạn 2006-2011.

Tổng cục Thống kê đang đẩy nhanh tiến độ xử lý để công bố kết quả chính thức TĐT kinh tế năm 2021 trong thời gian sớm nhất. Kết hợp với dữ liệu khai thác từ các nguồn hồ sơ quản lý hành chính của ngành Thuế, Kho bạc, Hải quan,... kết quả chính thức sẽ được công bố với hệ thống các chỉ tiêu thống kê chi tiết, đầy đủ và những phân tích chuyên sâu, chuyên đề và công bố với nhiều hình thức nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê của Đảng, Nhà nước và các đối tượng dùng tin khác.

Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra

Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra năm 2020 biến động không đều so với năm 2016 trong đó giảm mạnh ở khối doanh nghiệp.

Lao động bình quân trong một đơn vị điều tra giảm nhẹ từ 4,5 người năm 2016 xuống 4,3 người năm 2020.

Khu vực Doanh nghiệp giảm từ 27,2 người xuống 21,5 người (doanh nghiệp nhà nước tăng từ 476,8 người lên 506,4 người; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm từ 17,2 người xuống 13 người;

doanh nghiệp FDI giảm mạnh từ 286 người xuống 229,4 người).

Lao động bình quân trong một hợp tác xã giảm từ 15,1 người xuống năm 2016 11,1 người năm 2020.

Các cơ sở SXKD cá thể năm 2020 giảm nhẹ về quy mô lao động trên một cơ sở so với năm 2016, tương ứng là 1,6 và 1,7 người.

Trái ngược với các đơn vị điều tra khác, các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ và tôn giáo, tín ngưỡng lại có biến động tăng so với năm 2016. Cụ thể: lao động bình quân trên 1 đơn vị sự nghiệp là 46 người, tăng 11 người so với năm 2016; tổ chức phi Chính phủ năm 2020 là 24,9 người/cơ sở, tăng 5,9 người; đơn vị hiệp hội năm 2020 là 5,3 người, tăng 0,2 người so với năm 2016.

Xét theo khu vực kinh tế, lao động bình quân trên một đơn vị đều giảm ở tất cả các khu vực; khu vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ không biến động lớn, tuy nhiên khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh với mức 16% so với năm 2016.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là khu vực có số lượng lao động thấp nhất (chỉ chiếm 1,3% tổng số lao động của các đơn vị điều tra do chủ yếu là lao động trong các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp thủy sản). Tuy nhiên, lao động bình quân trên một đơn vị lại cao nhất trong ba khu vực và đạt 23,6 người/1 đơn vị (năm 2016 là 27,8 người/1 đơn vị); Khu vực công nghiệp-xây dựng có số lượng lao động lớn thứ hai (chiếm 43,9%), quy mô lao động bình quân đạt khoảng 10,6 người/1 đơn vị (tương đương với năm 2016); Khu vực dịch vụ có số lượng lao động lớn nhất (chiếm 54,8%), tuy nhiên quy mô lao động chỉ đạt khoảng 2,9 người/1 đơn vị (tương đương với năm 2016).

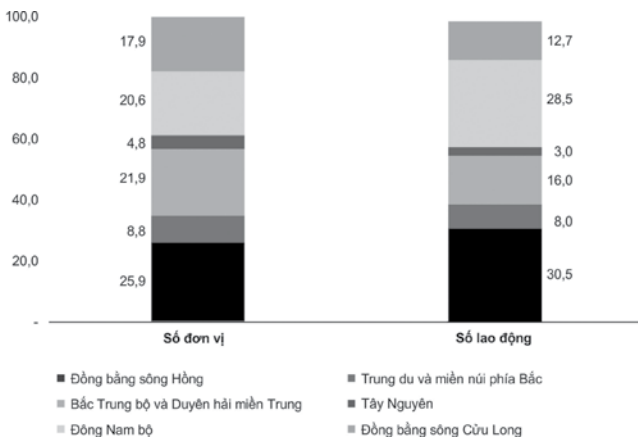
Mức độ tập trung đơn vị điều tra theo vùng kinh tế và khu vực kinh tế

Các đơn vị điều tra và số lao động tập trung nhiều nhất tại vùng Đồng bằng sông Hồng, ít nhất tại vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam bộ tiếp tục dẫn đầu là vùng thu hút nhiều doanh nghiệp nhất cả nước

Vùng Đồng bằng sông Hồng có số lượng đơn vị điều tra nhiều nhất với trên 1,6 triệu đơn vị, chiếm 25,9%; đứng thứ hai là vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung với 1,3 triệu đơn vị, chiếm 21,9%; đứng thứ ba là vùng Đông Nam bộ với gần 1,2 triệu đơn vị, chiếm 20,6%; tiếp theo là vùng Đồng bằng sông Cửu Long với gần 1,1 triệu đơn vị, chiếm 17,9%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt 530,3 nghìn đơn vị, chiếm 8,8%; vùng Tây Nguyên với 285 nghìn đơn vị, chiếm 4,8% trong tổng số đơn vị điều tra của cả nước và 133 đơn vị không phân vùng, chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

Lao động tập trung nhiều nhất tại vùng Đồng bằng sông Hồng với hơn 7,9 triệu lao động, chiếm 30,5% tổng số lao động trong các đơn vị điều tra; thu hút lao động nhiều thứ hai thuộc về vùng Đông Nam bộ với 7,4 triệu lao động, chiếm 28,5%; Tây Nguyên là vùng có số lao động ít nhất với 769,7 nghìn lao động, chiếm 3,0%; số lao động trong các đơn vị không phân vùng chiếm 1,4% trong tổng số lao động cả nước.

Biểu đồ 01. Cơ cấu đơn vị và lao động của các đơn vị điều tra phân theo vùng kinh tế năm 2020 (%)



Trong tổng số 683,6 nghìn doanh nghiệp thì vùng Đông Nam bộ thu hút tới gần 280,7 nghìn doanh nghiệp, chiếm 41,1%; vùng Đồng bằng sông Hồng đứng thứ hai với 216,7 nghìn doanh nghiệp, chiếm 31,7%; tiếp theo là vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung với gần 89,2 nghìn doanh nghiệp, chiếm 13,1%; thấp nhất là vùng Tây Nguyên với 17,9 nghìn doanh nghiệp và chỉ chiếm 2,6% số lượng doanh nghiệp cả nước.

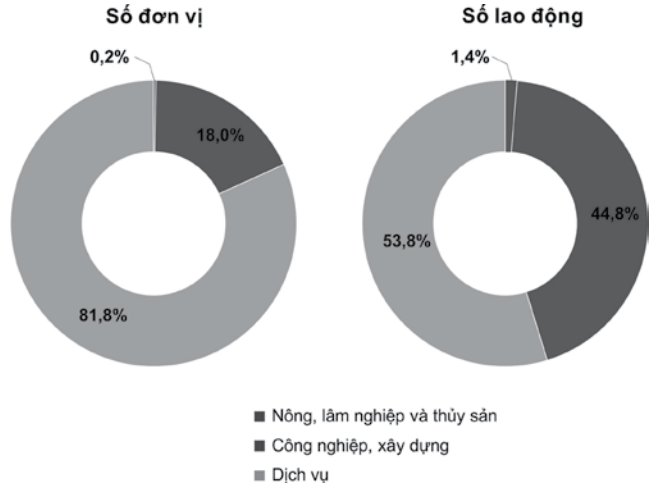
Khu vực dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất về số lượng đơn vị và lao động trong ba khu vực kinh tế.

Trong tổng số gần 6,0 triệu đơn vị điều tra năm 2020, khu vực dịch vụ thu hút gần 4,9 triệu đơn vị, chiếm 81,8% (năm 2016 chiếm 80,8%), tăng 409,2 nghìn đơn vị (tương đương 9,1%) so với năm 2016. Bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 khu vực dịch vụ tăng 2,2%.

Khu vực công nghiệp, xây dựng thu hút gần 1,1 triệu đơn vị, chiếm 18,0% (năm 2016 là 19,0%), tăng 20,1 nghìn đơn vị (tương đương 1,9%) so với năm 2016. Bình quân hàng năm khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 0,5% trong giai đoạn 2016-2020.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng đơn vị thấp nhất, với gần 14,8 nghìn đơn vị và chỉ chiếm khoảng 0,2% (tương đương với năm 2016), tăng 2 nghìn đơn vị (tương đương tăng 16%) so với năm 2016, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 3,8%/năm.

Biểu đồ 02. Cơ cấu số lượng đơn vị và lao động trong các đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế năm 2020



Về lao động, khu vực dịch vụ thu hút hơn 14,2 triệu lao động, chiếm 53,8%, tăng 4,9% so với năm 2016, bình quân tăng 1,2%/năm trong giai đoạn 2016-2020.

Khu vực công nghiệp-xây dựng thu hút gần 11,4 triệu lao động, chiếm 44,8%, tăng 0,8% so với năm 2016, bình quân tăng mỗi năm 0,2% trong giai đoạn 2016-2020.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút trên 349,7 nghìn lao động, chiếm 1,4%, giảm 0,6% so với năm 2016, bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 giảm 0,2%./.

Nguồn: Tổng cục Thống kê



Giống như nhiều ngành kinh tế khác, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2021 cũng có sự sụt giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19, song chỉ ở mức 3,8% so với năm trước (theo số liệu Tổng cục Thống kê) và thị trường bán lẻ Việt Nam vẫn chứng tỏ là kênh đầu tư hấp dẫn không thể bỏ lỡ của các nhà đầu tư nước ngoài, thể hiện ở việc dòng vốn ngoại trong thời gian qua liên tục đổ về và thị trường M&A vẫn diễn ra sôi động.



THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ VIỆT NAM

Vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài

Ngọc Linh

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 20/12/2021, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt trên 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020. Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, bán buôn, bán lẻ là lĩnh vực thu hút vốn lớn thứ tư (sau ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất, phân phối điện; kinh doanh bất động sản) với tổng vốn đăng ký đạt trên 1,4 tỷ USD. Nếu xét về số lượng dự án thì bán buôn, bán lẻ cũng là một trong 3 ngành thu hút được nhiều dự án nhất với tỷ lệ là 28,1% trong tổng số dự án.

Sự hiện diện và hoạt động ngày một dày đặc của những thương hiệu quốc tế lớn cũng là một minh chứng rõ rệt cho sức hút của thị trường bán lẻ Việt Nam. Bất chấp những tác động của dịch bệnh, tiếp tục theo đuổi chiến lược mở các cửa hàng truyền thống, trong

năm vừa qua, thương hiệu bán lẻ thời trang toàn cầu Nhật Bản là UNIQLO liên tiếp khai trương thêm những cửa hàng mới tại những vị trí đắc địa ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, để mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng với dòng sản phẩm LifeWear chất lượng, tinh tế. Đặc biệt, để bắt nhịp cùng xu thế bán hàng online, vào tháng 11/2021, hãng thời trang này chính thức công bố ra mắt cửa hàng trực tuyến UNIQLO.com tại Việt Nam trên cả giao diện website lẫn ứng dụng dành cho thiết bị di động với hơn 15.000 sản phẩm LifeWear, mang lại trải nghiệm cho tất cả khách hàng trên khắp cả nước mọi lúc, mọi nơi. Đây là một dấu mốc quan trọng trong kế hoạch phát triển và cam kết lâu dài của UNIQLO tại VN.

Sau 3 năm hoạt động với 9 cửa hàng hiện diện tại 3 thành phố lớn của Việt Nam, đầu năm 2021, H&M vốn là một đối thủ "đáng gờm" của Uniqlo cũng tự tin đồng loạt mở thêm 2 cửa hàng ở Hạ Long và Cần Thơ, nâng tổng

số cửa hàng H&M tại Việt Nam lên 11, trong khi đã vừa phải đóng cửa 250 cửa hàng trên toàn cầu do dịch bệnh Covid-19.

Bên cạnh những cái tên quen thuộc trên, thị trường bán lẻ Việt Nam còn chứng kiến sự mở rộng và gia nhập của nhiều nhãn hàng thời trang quốc tế khác như Pandora, Weekend Max Mara... Thậm chí, ngay cả những thương hiệu xa xỉ và kén khách cũng tăng tốc mở rộng sự hiện diện của mình tại thị trường Việt Nam.

Thị trường bán lẻ Việt Nam không chỉ là "bến đỗ" của các thương hiệu thời trang đình đám thế giới mà còn tiếp tục là sự lựa chọn của các tập đoàn bán lẻ toàn cầu khác như: FamilyMart; K-Mart; Lotte; Central Group; Circle K... khi liên tục đẩy mạnh chiến lược xâm nhập và mở rộng tại thị trường Việt Nam trong thời gian qua.

Thị trường bán lẻ Việt năm 2021 còn sôi động bởi hàng loạt thương vụ mua bán, sáp nhập (M&A). Một trong những nhà đầu tư nước ngoài hoạt động tích cực

nhất trong năm nay là Masan Group với hệ sinh thái tiêu dùng bán lẻ Point of Life của mình. Tập đoàn này đã liên tục thực hiện thương vụ M&A với các nhà đầu tư nước ngoài để thu hút vốn ngoại.

Thương vụ đầu tiên mở đầu cho năm 2021 là vào đầu tháng 4, Masan Group đã ký kết thỏa thuận để SK Group của Hàn Quốc mua lại 16,26% cổ phần của VinCommerce (đơn vị quản lý chuỗi siêu thị/cửa hàng tiện lợi VinMart/VinMart+) với tổng giá trị tiền mặt khoảng 410 triệu USD. Đây là giao dịch mang tính bước ngoặt, tái khẳng định cam kết của SK Group với Masan Group và Việt Nam, đồng thời giúp SK Group hiện thực hóa chiến lược thúc đẩy hiện đại hóa ngành bán lẻ tích hợp online - offline (O2O) ở nước ta.

Năm 2021 Masan Group cũng đã hoàn tất phát hành 5,5% cổ phần mới của The CrownX (nền tảng tiêu dùng bán lẻ hợp nhất lợi ích của Masan tại Masan Consumer Holdings và VinCommerce) cho nhóm các nhà đầu tư trong đó có Tập đoàn Alibaba và Baring Private Equity Asia (BPEA - một trong những quỹ đầu tư thay thế lớn nhất ở châu Á) với tổng giá trị tiền mặt là 400 triệu USD vào trung tuần tháng 6. Thông qua giao dịch này, VinCommerce sẽ là nhà bán lẻ nhu yếu phẩm hàng đầu trên nền tảng thương mại điện tử Lazada, nền tảng thương mại điện tử tại Đông Nam Á của Alibaba. Thương vụ trị giá 400 triệu USD kỳ vọng sẽ giúp xây dựng năng lực kỹ thuật số của công ty bán lẻ, đẩy mạnh chuyển dịch từ offline sang online tại thị trường Việt Nam.

Tháng 11/2021, SK Group tiếp tục chi ra 340 triệu USD để có 4,9% cổ phần tại The CrownX của Masan Group để thực hiện tham vọng cùng với Masan Group đưa

WinCommerce phát triển thành một doanh nghiệp đa kênh bao gồm cả thị trường trực tuyến và ngoại tuyến. Sau giao dịch, The CrownX được định giá 8,2 tỉ USD cho 100% vốn chủ sở hữu, tương đương giá mỗi cổ phần là 105 USD (xấp xỉ 2,41 triệu đồng). Trong đó, Masan Group vẫn nắm quyền chi phối với tỷ lệ sở hữu 81,4%.

Giữa tháng 12/2021, The CrownX tiếp nhận thêm 350 triệu USD của các nhà đầu tư gồm TPG, Quỹ đầu tư Quốc gia Abu Dhabi và SeaTown Holdings để kết lại một năm đầy thành công của mình.

Dự báo năm 2022, dịch Covid-19 vẫn tác động đến kinh tế vĩ mô nói chung và lĩnh vực bán lẻ nói riêng. Song với quy mô dân số lớn gần 100 triệu dân cùng sự tăng trưởng của tầng lớp trung lưu, số lượng người dùng internet và điện thoại thông minh ngày càng tăng, Việt Nam được đánh giá sẽ là một trong những thị trường tiêu dùng lớn nhất thế giới. Nhận định này cho thấy, thị trường bán lẻ Việt Nam vẫn có tiềm năng lớn và hứa hẹn tiếp tục là sân chơi hấp dẫn đối với cả nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tính đến thời điểm cuối năm 2021, tập đoàn thương mại bán lẻ lớn nhất trên thế giới AEON (Nhật Bản) đã có mặt ở 6 tỉnh, thành phố của Việt Nam, bao gồm: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Vũng Tàu với các lĩnh vực kinh doanh khá đa dạng như: Trung tâm mua sắm, bách hóa siêu thị; cửa hàng kinh doanh về xe đạp, thú cưng và hóa mỹ phẩm và cửa hàng đồng giá. Xác định Việt Nam là thị trường trọng điểm cho phát triển kinh doanh bán lẻ của mình, trong năm 2022, AEON cho biết, sẽ lên kế hoạch tiếp tục “đổ vốn” mở thêm nhiều địa điểm kinh doanh mới. Đây là bước đi để Aeon theo đuổi kế hoạch mở khoảng

100 siêu thị MaxValu tại Việt Nam vào năm 2025. Ngoài ra, AEON Mall - công ty con của Tập đoàn cũng đang lên kế hoạch tăng số lượng trung tâm mua sắm tại Việt Nam từ con số 6 trung tâm hiện nay lên 16 trung tâm vào năm 2025.

Bên cạnh việc mở rộng quy mô kinh doanh của các tên tuổi đã ghi được dấu ấn đối với người tiêu dùng thì nhiều tập đoàn bán lẻ Nhật Bản khác cũng có kế hoạch mở rộng kinh doanh tại thị trường bán lẻ nước ta. Đơn cử là Sumitomo Corp. có kế hoạch hợp tác với tập đoàn BRG Group để mở thêm các siêu thị nằm trong chuỗi FujiMart mang phong cách Nhật Bản tại Việt Nam.

Bán lẻ vốn luôn là cuộc chơi cần sức bền. Để duy trì và tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021, Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam cho rằng, các doanh nghiệp cần chuẩn bị sức khỏe để chạy đường dài, nắm bắt được các xu hướng bán lẻ mới, thay đổi chiến lược kinh doanh theo tín hiệu thị trường. Đồng thời cần phải tự hoàn thiện mình để theo kịp sự phát triển của thời đại công nghệ số. Những điều này sẽ giúp các doanh nghiệp bán lẻ Việt tạo thêm sức hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, bên cạnh Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp sửa đổi chính thức có hiệu lực vào đầu năm 2021, mới đây Chính phủ đã xây dựng và chuẩn bị trình Quốc hội xem xét dự án một luật sửa nhiều luật, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tạo chính sách phát triển thị trường trong nước mang tính cởi mở, mở ra những điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Đây là những yếu tố “hậu thuẫn” để thị trường bán lẻ Việt Nam có thêm lực hút, thu hút dòng vốn ngoại sau đại dịch./.



NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM KỲ VỌNG KHỞI SẮC TRONG NĂM 2022

Thu Hường

Các chuyên gia và doanh nghiệp ngành dệt may nhận định, với những tín hiệu tích cực từ thị trường và nguồn lao động, ngành dệt may Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc, kim ngạch xuất khẩu có thể lên đến 40 - 42 tỷ USD trong năm 2022.

Vượt bão Covid-19, cán đích 39 tỷ USD

Dệt may là một trong những ngành sản xuất chủ lực của nền kinh tế, chiếm từ 12 - 16% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Năm 2021, dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, như đứt gãy nguồn cung nguyên liệu, thu hẹp thị trường tiêu thụ, song với sự chủ động, linh hoạt trong phương thức sản xuất, kinh doanh, ngành Dệt may đã từng bước vượt qua khó khăn.

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), năm 2021 là năm cực kỳ khó khăn của ngành Dệt may Việt Nam. Tăng trưởng âm 9,8%

năm 2020 khiến ngành Dệt may bước vào năm 2021 với nhiều nỗi lo. Nếu như quý I/2021, doanh nghiệp dệt may phần khởi bởi đã ký được hợp đồng đến hết quý III/2021, thậm chí hết năm, thì sang quý II/2021, dịch Covid-19 bùng phát, lan rộng, khiến sản xuất của các doanh nghiệp dệt may gần như đóng băng. Xuất khẩu dệt may tháng 7, 8, 9 năm 2021 liên tục giảm. Đơn hàng không thể trả cho đối tác.

Làn sóng thứ tư của dịch COVID-19 trong quý III/2021 đã gây đứt gãy nguồn cung nguyên liệu và nhân lực lao động khiến cho các doanh nghiệp dệt may

gặp khó khăn và tổn thất nặng nề. Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) cho biết, năm 2021, do dịch Covid-19, 32 doanh nghiệp phải thực hiện "3 tại chỗ" với 15.267 người lao động, 17 doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất; hơn 35.000 lao động ngừng việc từ 2 đến 2,5 tháng do bị phong tỏa, cách ly hoặc doanh nghiệp ngừng sản xuất. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp còn phải chịu thêm nhiều chi phí về phòng dịch, trả lương ngừng việc, tổ chức "3 tại chỗ", điều trị, cách ly tại chỗ cho người lao động...

Công ty cổ phần May Việt Tiến cũng cho biết, giai đoạn 19 tỉnh,

thành phía Nam thực hiện giãn cách xã hội thì 8 nhà máy của May Việt Tiến nằm trọn trong “vùng đỏ”, thiệt hại vô cùng lớn.

Tuy nhiên, bước vào tháng 10/2021, khi Chính phủ ban hành quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, hoạt động sản xuất bắt đầu hồi phục. Các doanh nghiệp trở lại hoạt động, kết hợp một số thị trường lớn như: Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản... mở cửa, cùng sự trở lại làm việc của người lao động, giúp ngành dệt may phục hồi tăng trưởng.

Nhiều doanh nghiệp ngành dệt may đã dần lấy lại nhịp độ sản xuất. Tại Tập đoàn Vinatex, trong tháng đầu tiên sau giãn cách xã hội, 90% người lao động tại tập đoàn đã quay lại làm việc. Đến nay, gần như 100% lao động đã làm việc bình thường. Nhiều doanh nghiệp khác số lao động tham gia sản xuất đã đạt 80-90% như: Công ty TNHH Saitex International Đồng Nai; Công ty TNHH Fashion Garments 2; Công ty TNHH Dệt may Eclat Việt Nam...

Hội Dệt May Thêu đan TP Hồ Chí Minh (AGTEK) cho biết, 3 tháng cuối năm 2021, đơn hàng của các doanh nghiệp tiếp tục tăng lên người lao động tương đối ổn định là những tín hiệu tích cực cho phục hồi sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp dệt may khu vực TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Cùng với đó, dự trữ các đơn hàng tồn đọng chưa sản xuất còn khá nhiều, các đơn hàng mới được bổ sung sẽ giúp các doanh nghiệp dồi dào đơn hàng hơn. Ngoài ra, tinh thần người lao động cũng đang rất hào hứng sau khi được trở lại làm việc, có những doanh nghiệp năng suất cao hơn bình thường.

Theo dự báo xu hướng tuyển dụng trong quý IV/2021 và đầu năm 2022 của Tập đoàn Navigos Group, các doanh nghiệp dệt may lớn và có uy tín đang thu hút rất nhiều đơn hàng. Nhiều công ty đã nhận đơn hàng tới tháng 4 đến tháng 6/2022 và vẫn đang cần tuyển thêm lao động để đáp ứng đơn hàng. Công ty Việt Thắng Jean cho biết, công ty cũng hoạt động trở lại từ đầu tháng 10/2021 và đang nỗ lực để xuất xưởng 1,2 triệu sản phẩm sang 8 nước châu Âu vào cuối tháng 6/2022.

Sự “chuyển mình” ấn tượng của doanh nghiệp dệt may đã đóng góp tích cực cho thành tích tăng trưởng của ngành dệt may năm 2021. Theo số liệu của Hiệp hội dệt may Việt Nam, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam năm 2021 ước đạt 39 tỷ USD kim ngạch, tăng 11,2% so với năm 2020 và tăng 0,3% so với năm 2019. Thị phần xuất khẩu dệt may của Việt Nam đã vượt qua Bangladesh, vươn lên vị trí thứ hai thế giới và được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá ở vị trí cao nhất trong cơ hội phục hồi năm 2022. Đây là kết quả rất ngoạn mục, là sự «lội ngược dòng» để đạt được thành công bất ngờ trong điều kiện kinh tế - xã hội ở giai đoạn hết sức khó khăn do đại dịch. Các chuyên gia cho rằng, kết quả này sẽ là tiền đề để ngành dệt may tự tin xây dựng kế hoạch phát triển trong năm 2022.

Triển vọng năm 2022

Theo nhận định của Hiệp hội dệt may Việt Nam, năm 2022 tình hình dịch bệnh trên thế giới và Việt Nam vẫn diễn biến rất phức tạp, khó lường, song ngành dệt may vẫn ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Theo đó, các thị trường lớn như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU)... đã mở cửa trở lại. Đặc biệt,

Việt Nam đã thay đổi chính sách từ “zero Covid-19” sang thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, phục hồi và phát triển kinh tế.

Trên cơ sở tình hình diễn biến dịch bệnh, Vitas đã xây dựng mục tiêu xuất khẩu cho năm 2022 theo 3 kịch bản. Kịch bản tích cực nhất: phần đầu đạt kim ngạch xuất khẩu 42,5 – 43,5 tỉ đô la, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát cơ bản vào quý I/2022. Kịch bản trung bình là đạt 40-41 tỉ đô la, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát giữa năm. Kịch bản thấp nhất là đạt 38-39 tỉ đô la, trường hợp dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, kéo dài đến cuối năm 2022.

Để thúc đẩy sản xuất của doanh nghiệp dệt may trong thời gian tới, Vitas tiếp tục kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành chuỗi cung ứng; mở rộng thị trường xuất khẩu; tham gia và hoạt động tích cực tại nhiều tổ chức quốc tế lớn chuyên ngành dệt may như Liên đoàn Các nhà sản xuất dệt may quốc tế (ITMF), Liên đoàn Dệt may Đông Nam Á (AFTEX), Liên đoàn Thời trang châu Á (AFF)...

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) cũng đưa ra 3 kịch bản dự báo kim ngạch xuất khẩu của dệt may Việt Nam trong năm 2022. Ở kịch bản cao, sản xuất trở lại từ quý IV/2021 đến quý I/2022, đã có trên 80% lao động trở lại nhà máy, với mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 40 tỷ USD. Kịch bản trung bình, khi sản xuất trở lại từ quý IV/2021 đến quý I/2022, đã có trên 70% lao động trở lại và mỗi quý tiếp theo tăng thêm 10% lao động, kim ngạch xuất khẩu đạt 38 tỷ USD. Và ở kịch bản thấp, quý I/2022 vẫn chưa ổn định hoàn toàn, chỉ huy động được dưới 60% lao động và

mỗi quý tiếp theo tăng thêm 10%, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 36 tỷ USD...

Theo các chuyên gia đánh giá, nếu các địa phương sớm kiểm soát dịch bệnh thì khả năng ngành dệt may tăng trưởng khoảng 10% so với năm 2021 là khả quan bởi thị trường đầu ra vẫn rất tốt, khả năng phục hồi sản xuất sau dịch cũng ở mức cao.

Bên cạnh đó, ngành dệt may Việt Nam năm 2022 còn được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố tích cực. Cụ thể, Hiệp định EVFTA, CPTPP sẽ giúp thị phần dệt may của Việt Nam tại Mỹ, EU và Mỹ mở rộng. Hơn nữa, xu hướng dịch chuyển nguồn cung ứng dệt may thế giới ra khỏi Trung Quốc, còn Việt Nam là một trong những điểm đến của các nhà nhập khẩu, hãng bán lẻ.

COVID-19 cũng làm thay đổi một số xu hướng. Đó là thúc đẩy nhu cầu về các sản phẩm thể thao. Đồng thời cũng thúc đẩy số hóa trong toàn ngành với gần 40% tổng doanh số bán hàng hiện đang được tạo ra từ các kênh kỹ thuật số. Các doanh nghiệp cũng chú trọng hơn đến quy trình sản xuất "xanh" trong nhà máy và sản xuất sợi bông, sợi tái chế. Điều này sẽ giúp Việt Nam thu hút nhiều hơn các đơn hàng của các đối tác lớn đang quan tâm đến vấn đề bền vững chuỗi cung ứng toàn cầu như H&M, Uniqlo, Nike, Adidas...

Các chuyên gia dự báo, năm 2022 tổng kim ngạch thương mại dệt may toàn cầu sẽ hồi phục hoàn toàn với khoảng trên 700 tỷ USD. Đây là cơ hội cho ngành dệt may Việt Nam nối tiếp đà tăng trưởng, hướng tới mục tiêu xuất khẩu đạt trên 40 tỷ. Tuy nhiên, do đặc thù của ngành là thâm dụng lao động và phụ thuộc nhiều vào chuỗi cung ứng, vì vậy, song song với việc chủ động nguyên liệu sản xuất, các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần chủ động và linh hoạt xây dựng các phương án sản xuất để không bị đứt gãy các đơn hàng xuất khẩu trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19/.



GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG

Chu Thị Hồng Phượng

*Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh,
Trường đại học Lâm Nghiệp*

Với các chính sách giảm nghèo được ban hành đồng bộ trong thời gian qua, cả hệ thống chính trị đã nỗ lực thực hiện công cuộc giảm nghèo, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên hoàn thành mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về xóa đói giảm nghèo trước 10 năm và được cộng đồng quốc tế đánh giá là điểm sáng về giảm nghèo. Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo của Việt Nam chưa thực sự bền vững vì vậy việc Chính phủ xây dựng trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững đến năm 2030 được xem là cần thiết.

Giảm nghèo bền vững luôn được Đảng và Nhà nước xác định là chủ trương lớn, quan trọng, nhất quán, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Những năm qua, thực hiện đảm bảo quyền con người, nhất là quyền được đảm bảo an sinh xã hội của người dân, Việt Nam đã 8 lần ban hành chuẩn nghèo quốc gia theo mô hình tháp giảm nghèo, đáp ứng nhu cầu người nghèo từ thấp lên cao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước theo từng giai đoạn, trong đó có thể kể đến Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, với mục tiêu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 1%-1,5%/năm; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP

ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, quy định từ giai đoạn 2022-2025 Việt Nam áp dụng chuẩn nghèo theo chuẩn nhóm mới. Ngoài ra, Quốc hội, Chính phủ cũng dành sự quan tâm, khi bố trí nguồn lực ở mức cao nhất trong các nước ASEAN với 21% ngân sách Nhà nước cho phúc lợi xã hội và huy động nguồn lực toàn xã hội để thực hiện Chương trình giảm nghèo.

Những năm qua, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được thực hiện đúng tiến độ đề ra. Thông qua Chương trình đã thúc đẩy sự chủ động vươn lên thoát nghèo của các hộ nghèo, hộ cận nghèo. Công tác giảm nghèo dẫn đi vào thực chất hơn, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giảm nhanh. Công cuộc xóa đói giảm nghèo nhận được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân. Nhiều hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả và nhiều địa phương thoát khỏi tình trạng khó khăn. Đặc biệt, nhiều hộ dân đã tự nguyện từ chối nhận hỗ trợ của chính sách và tự vươn lên thoát nghèo. Cùng với đó, nhiều huyện nghèo và xã nghèo đã ra khỏi danh sách nhờ sự hỗ trợ của Nhà nước... Chỉ tính riêng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2016-2020, đã có 32 huyện, 125 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; 125 xã và 1.298 thôn hoàn thành Chương trình 135.

Thành công trong công tác xóa đói giảm nghèo, Việt Nam hiện là một trong những quốc gia đầu tiên hoàn thành mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về xóa đói giảm nghèo trước 10 năm và được cộng đồng quốc tế đánh giá

là điểm sáng về giảm nghèo. Việt Nam cũng là một trong 30 quốc gia đầu tiên trên thế giới và là quốc gia đầu tiên của châu Á thực hiện áp dụng chuẩn nghèo đa chiều.

Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được triển khai mạnh mẽ, chuyển từ cách tiếp cận đơn chiều sang đa chiều, tập trung vào nhóm, hộ nghèo nhất với kết quả giảm nghèo đạt và vượt mục tiêu, chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao. Theo kết quả tính toán về nghèo đa chiều Việt Nam giai đoạn 2016-2020, do Tổng cục Thống kê thực hiện trong khuôn khổ hợp tác với Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) năm 2020 cho thấy, tình trạng nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 được cải thiện là do tỷ lệ hộ nghèo (độ rộng của nghèo) giảm nhanh, còn mức độ thiếu hụt (độ sâu của nghèo) không có sự thay đổi đáng kể. Cụ thể, trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều chung Việt Nam có xu hướng giảm qua các năm, từ 9,9% năm 2016 xuống còn 4,8% năm 2020. Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn cao hơn nhiều so với thành thị, nhưng khoảng cách đang giảm dần. Chỉ số nghèo đa chiều (MPI) chung cả nước giảm từ 0,035 năm 2016 xuống còn 0,016 năm 2020, cho thấy tình trạng nghèo đa chiều ở Việt Nam đã được cải thiện đáng kể. Xu hướng này diễn ra ở cả khu vực thành thị, nông thôn và 6 vùng kinh tế.

Theo Tổng cục Thống kê, tình trạng nghèo đa chiều vẫn còn có sự chênh lệch tương đối lớn giữa khu vực thành thị và nông thôn. Năm 2020, MPI của khu vực nông thôn là 0,019, cao gần gấp 2 lần khu vực thành thị (0,010). Các vùng có tình trạng nghèo đa chiều

cao gồm: Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng bằng sông Hồng là vùng có tình trạng nghèo đa chiều thấp nhất.

Chỉ số có mức độ thiếu hụt nhiều nhất là bảo hiểm y tế, tuy nhiên đây cũng là chỉ số có mức giảm nhanh nhất, từ 40,6% năm 2016 giảm xuống còn 19,5% năm 2020. Khám chữa bệnh và giáo dục trẻ em là các chỉ số có mức độ thiếu hụt rất ít. Các chỉ số có mức độ thiếu hụt không thay đổi đáng kể qua các năm là chỉ số về tài sản, tiếp cận thông tin, khám chữa bệnh, giáo dục trẻ em và giáo dục người lớn.

Trong giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã chỉ đạo ban hành đồng bộ hệ thống chính sách giảm nghèo chung hỗ trợ toàn diện cho người nghèo thuộc các lĩnh vực dạy nghề, tạo việc làm, tín dụng ưu đãi, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, môi trường, thông tin truyền thông, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội, giải quyết đất ở, đất sản xuất, giao rừng. Các chính sách giảm nghèo đặc thù cũng được chú trọng ban hành, ưu tiên đối với các đối tượng yếu thế, vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn. Từng bước tích hợp chính sách, giảm dần và bãi bỏ những chính sách hỗ trợ cho không, tập trung phát triển chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng.

Đại dịch Covid-19 bùng phát làm ảnh hưởng tới nền kinh tế và đã tác động tiêu cực đến sinh kế của rất nhiều nhóm xã hội, đặc biệt là nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương. Với tinh thần nhất quán «không để ai bị bỏ lại phía sau», Chính phủ đã kịp thời ban hành chính sách an sinh xã hội với nhiều giải pháp, chính sách hỗ trợ vượt trội,

chưa có tiền lệ để hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với người dân, doanh nghiệp, như: Hỗ trợ một số ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh; hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng chính sách xã hội trong thời gian có dịch bệnh... Rà soát, cập nhật các kịch bản phòng, chống thiên tai, lũ lụt, lở đất; thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, cứu hộ, cứu nạn. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020, công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện với 13,4 nghìn tỷ đồng hỗ trợ cho các đối tượng ảnh hưởng dịch Covid-19; 3,1 nghìn tỷ đồng hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và 26,6 triệu thẻ bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát tặng cho các đối tượng chính sách trên địa bàn cả nước. Riêng đối với người dân bị ảnh hưởng của thiên tai, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định hỗ trợ các địa phương với kinh phí 2.161,8 tỷ đồng, trong đó: 381,8 tỷ đồng hỗ trợ các tỉnh miền núi phía Bắc; 1.250 tỷ đồng hỗ trợ các tỉnh miền Trung; 530 tỷ đồng hỗ trợ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Cấp xuất gần 23 nghìn tấn gạo hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, trong đó hỗ trợ cho các tỉnh miền Trung là gần 19,4 nghìn tấn. Năm 2021, công tác an sinh xã hội định kỳ và công tác giảm nghèo bền vững tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo và triển khai thực hiện ngay cả trong điều kiện dịch bệnh, các địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, chăm lo cho hộ nghèo. Trong năm 2021, tổng trị giá tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng là 9,7 nghìn tỷ đồng, trong đó, hỗ trợ cho các đối tượng người có công, thân nhân người có công là 4,4 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là 2,8 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ cứu đói các đối tượng bảo trợ xã hội và đối

tượng khác là 2,5 tỷ đồng. Có gần 29,1 triệu thẻ bảo hiểm xã hội/ sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng thụ hưởng.

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tính đến ngày 15/12/2021, tổng kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương đã hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021; Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 8/10/2021 của Chính phủ; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ là gần 31,4 nghìn tỷ đồng, cho 28,8 triệu lượt người và 337,9 nghìn đơn vị sử dụng lao động/hộ kinh doanh. Bên cạnh đó, theo Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ đã hỗ trợ 37,5 nghìn tỷ đồng cho gần 22,3 triệu lượt người và 363,6 nghìn đơn vị sử dụng lao động/hộ kinh doanh. Tính đến ngày 23/12/2021, đã hỗ trợ gần 149,1 nghìn tấn gạo cho 2,5 triệu lượt hộ với gần 9,9 triệu lượt nhân khẩu thiếu đói do giáp hạt, ảnh hưởng dịch bệnh và thiên tai.

Theo báo cáo từ Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tính đến ngày 15/12/2021, đã hỗ trợ giảm giá điện, giá nước với tổng hỗ trợ lần lượt là gần 2,3 nghìn tỷ đồng và 310,2 tỷ đồng cho Nhân dân trên địa bàn cả nước.

Bên cạnh đó, tích cực đồng hành cùng với Nhà nước trong phòng chống dịch Covid - 19 và giúp đỡ nhóm xã hội yếu thế gặp khó khăn trong đời sống do tác động của dịch Covid - 19 vượt qua khó khăn, người dân trong cả nước đã tạo ra nhiều hoạt động ý nghĩa như: Máy "ATM gạo" và "ATM oxy", phát khẩu trang miễn phí, hỗ trợ xuất ăn miễn phí...

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác giảm nghèo bền vững vẫn còn những khó khăn như: Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, chênh lệch giàu-nghèo còn lớn; khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng, miền còn khá lớn; gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và mức sống; còn huyện nghèo, xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo chưa thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp với đặc thù vùng, miền; sự chủ động thoát nghèo, phát huy nội lực của hộ nghèo còn hạn chế; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo còn dàn trải, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống dân cư. Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư năm 2021, tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều ước khoảng 4,4%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với năm 2020.

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, ước tính tại thời điểm tháng 1/2022, cả nước có khoảng 16,6% hộ dân cư có thu nhập dưới chuẩn nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025, tương ứng với khoảng 4,473 triệu hộ. Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 10,83%, hộ cận nghèo là 5,77%. Dự báo thời gian tới, người nghèo có xu hướng thay đổi nhu cầu chuyển từ đáp ứng các nhu cầu tối thiểu bảo đảm tồn tại sang đáp ứng các nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống. Theo đó, người nghèo sẽ dành 40% thu nhập để sử dụng chi tiêu lương thực và 60% thu nhập sử dụng chi tiêu phi lương thực, trong khi giai đoạn 2016-2020, người nghèo dành 60% thu nhập

để sử dụng chi tiêu lương thực và 40% thu nhập sử dụng chi tiêu phi lương thực.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và đảm bảo quyền an sinh xã hội của người nghèo, trong năm 2021, Việt Nam đã ban hành chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 với các tiêu chí xác định hộ nghèo về thu nhập và thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản được nâng lên so với giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, xây dựng chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 với tiêu chí thu nhập bình quân đầu người một tháng tại khu vực nông thôn là 1,5 triệu đồng, khu vực thành thị là 2 triệu đồng.

Quốc hội cũng đã thông qua Nghị quyết số 24/2021/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Mục tiêu tổng quát của Chương trình nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Mục tiêu cụ thể của Nghị quyết là: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm; 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ thí điểm, phát triển trên 1.000 mô hình giảm nghèo, nhằm tạo sinh kế, việc làm bền vững, thu

nhập tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình tham gia dự án tăng ít nhất 25%/năm; bình quân mỗi năm có 500 nghìn hộ gia đình tham gia dự án, mô hình giảm nghèo. Tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ là 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu, được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp. Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững. Chương trình sẽ hỗ trợ kết nối việc làm thành công cho ít nhất 100.000 người lao động, trong đó có trên 50% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn; khoảng 5.700 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 tối thiểu là 75.000 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương là 48.000 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 12.690 tỷ đồng và huy động hợp pháp khác là 14.310 tỷ đồng.

Ngoài ra, Việt Nam cam kết với cộng đồng quốc tế trong việc thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, trong đó có các mục tiêu là “Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người; giảm bất bình đẳng trong xã hội”.

Do đó để giải quyết vấn đề giảm nghèo, sớm hoàn thành cam kết với cộng đồng quốc tế về phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo đến năm 2030, đòi hỏi sự nỗ lực vào cuộc mạnh mẽ, toàn diện của cả hệ thống chính trị. Cụ thể:

Thực hiện tốt Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030, trong đó Việt Nam đề ra nhiệm vụ triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đổi mới thực chất cách tiếp cận trong giảm nghèo bằng các chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo.

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội vùng lõi nghèo, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người nghèo, đào tạo kỹ năng nghề, tạo việc làm tốt, hỗ trợ đối tượng yếu thế không rơi vào tình trạng nghèo đói.

Xây dựng cơ sở dữ liệu người nghèo, trong đó phân loại theo các nhóm xã hội (cơ cấu độ tuổi, dân tộc, giới tính, vùng miền); phân loại các nguyên nhân dẫn đến nghèo (bệnh tật nan y, thiếu vốn, chày lười lao động, mất sức lao động...), từ đó có những giải pháp giảm nghèo bền vững phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến các cấp ủy, chính quyền, nhân dân, các tổ chức xã hội nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức trong toàn xã hội, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong các cấp, các ngành cùng nhân dân về giảm nghèo đa chiều bền vững.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế cả song phương và đa phương để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, đồng thời tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực quốc tế để thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững./.



PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH COVID-19 VÀ NỖ LỰC HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CHẤM DỨT DỊCH BỆNH AIDS VÀO NĂM 2030

Thu Hòa

Năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh đại dịch Covid-19, song công tác phòng chống HIV/AIDS của Việt Nam vẫn đạt được những kết quả tích cực. Việt Nam tiếp tục được đánh giá là quốc gia dẫn đầu toàn cầu trong việc cung cấp các dịch vụ điều trị HIV có chất lượng thông qua các mô hình hiệu quả... Cùng với những kết quả đã đạt được, Việt Nam cũng đang từng bước nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm hoàn thành mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.

Kết quả công tác phòng chống dịch bệnh HIV/AIDS trong bối cảnh dịch Covid-19

Theo báo cáo của Cục phòng, chống HIV/AIDS ước tính cả nước có khoảng 230 nghìn người nhiễm HIV còn sống, hiện nay số người nhiễm HIV báo cáo được phát hiện là 213,8 nghìn người (có khoảng 5% trùng lặp)

giảm so với năm 2020 là 13,9 nghìn, số tử vong tích lũy là 110,9 nghìn người, số tử vong mới trong năm 2021 là gần 1,9 nghìn người. Năm 2021 phát hiện 13,2 nghìn người nhiễm HIV, trong đó cao nhất tại Đồng bằng sông Cửu Long 27% và TP. Hồ Chí Minh 26%, khu vực Đông Nam Bộ là 15%, khu vực miền núi phía Bắc 8%, Miền Trung và đồng bằng Sông Hồng 4%, Tây Nguyên 2%... Tỷ lệ nhiễm HIV tăng rất nhanh trong nhóm MSM (tình dục đồng giới), trong đó tỷ lệ nam giới cao hơn rất nhiều so với nữ, đường lây chủ yếu là quan hệ tình dục không an toàn (79,1%), tỷ lệ này tiếp tục tăng mạnh thành đường lây chính. Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm nguy cơ cao đã giảm đáng kể và tỷ lệ chung trong cộng đồng được kiểm soát ở mức dưới 0,3%.

Năm 2021, dù gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh Covid-19 song công tác phòng chống HIV/AIDS của nước ta vẫn đạt được những thành công đáng ghi nhận. Trong đó, một số hoạt động nổi bật, như:

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn chuyên môn trong công tác phòng chống HIV/AIDS từng bước được cụ thể hóa và kiện toàn, thể hiện cam kết

về chính trị mạnh mẽ: Nghị định số 63/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống HIV/AIDS; Nghị định số 109/2021/NĐ-CP quy định cơ sở đủ kiện xác định tình trạng nghiện ma túy, hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy; Thông tư số 09/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định quy trình, thời điểm, số lần xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai; chăm sóc, điều trị đối với phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, khi sinh con, cho con bú và các biện pháp nhằm giảm lây nhiễm HIV từ mẹ sang con; Thông tư số 15/2021/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập cùng 08 Quyết định hướng dẫn triển khai hoạt động chuyên môn được ban hành.

Việc triển khai xét nghiệm HIV được mở rộng và đa dạng hóa: Triển khai xét nghiệm sàng lọc tại 1.345 cơ sở. Tiếp tục đa dạng và mở rộng mô hình cung cấp dịch vụ xét nghiệm HIV dựa vào cộng đồng tại 33 tỉnh/TP; triển khai hoạt động tự xét nghiệm HIV tại 11 tỉnh/TP. Thí điểm triển khai

cung cấp sinh phẩm tự xét nghiệm HIV qua trang thông tin điện tử <http://tuxetngnhiem.vn> tại 04 tỉnh/TP và qua hệ thống nhà thuốc tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Triển khai xét nghiệm khẳng định HIV tại 144 phòng xét nghiệm tại 63/63 tỉnh, thành phố, trong đó có 57 cơ sở tại tuyến huyện. Triển khai xét nghiệm nhiễm mới tại 17 tỉnh trọng điểm.

Đặc biệt, trong bối cảnh Covid-19 công tác điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone được đảm bảo và duy trì liên tục: Cấp phát thuốc khi cơ sở Methadone bị phong tỏa, cách ly; Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh bị cách ly do Covid-19 (tại cơ sở y tế, cơ sở cách ly tập trung, tại nhà); Cấp thuốc về nhà trong thời gian giãn cách xã hội. Trong đó, năm 2021, thực hiện thí điểm cấp thuốc Methadone dài ngày tại 03 tỉnh Lai Châu, Hải Phòng, Điện Biên với 1.187 bệnh nhân (tính đến 30/11/2021). Kết quả cho thấy, hầu hết các bệnh nhân được cấp thuốc về nhà tuân thủ điều trị tốt.

Việc mở rộng điều trị ARV được thực hiện đúng kế hoạch, liên tục trong bối cảnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Phác đồ thuốc ARV đã được tối ưu hoá, thuốc ARV mới (TLD) được mở rộng. Chất lượng điều trị HIV/AIDS tiếp tục được duy trì ở mức cao, với 97,2% bệnh nhân có tải lượng virus dưới ngưỡng ức chế (1000 bản sao/ml) và 95,1% bệnh nhân có tải lượng virus dưới ngưỡng phát hiện (<200 bản sao/ml máu). Đây là một trong những tỷ lệ ức chế virus cao nhất trên thế giới.

Mở rộng điều trị dự phòng trước phơi nhiễm (PrEP) và điều trị Viêm gan trên bệnh nhân đồng nhiễm HIV/VGC. Hiện có 213 cơ sở PrEP, trong đó 77,5% là tại cơ sở

Y tế công lập; 50% khách hàng tại cơ sở công lập. Tỷ lệ khách hàng duy trì PrEP trên 3 tháng là 80,4%. Số khách hàng dương tính có sử dụng PrEP chỉ chiếm 0,02%. Hiện đang triển khai bệnh án điện tử và báo cáo trực tuyến. Từ tháng 3/2021 triển khai điều trị Viêm gan trên bệnh nhân đồng nhiễm HIV/VGC. Kết quả tổng hợp đến hết 30/11/2021 có 3.819 người được điều trị viêm gan C mạn. Tỷ lệ khỏi bệnh viêm gan C trong số người đã hoàn thành điều trị và được làm xét nghiệm SVR12 là 99%.

Ngoài ra, trong bối cảnh Covid-19, Chính phủ, Bộ Y tế và các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp nhằm thực hiện phòng chống HIV/AIDS linh hoạt, hiệu quả, như: Hướng dẫn tiếp cận với khách hàng qua các ứng dụng online; hướng dẫn tự xét nghiệm HIV; hướng dẫn phòng, chống dịch tại các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS; đáp ứng khẩn cấp trong lĩnh vực điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bao gồm cả cấp thuốc cho người bệnh mang về và điều trị ARV (cấp thuốc nhiều tháng cho người bệnh)... Tăng cường kết nối giữa cơ sở y tế và cộng đồng trong duy trì điều trị ARV thông qua việc triển khai nhóm hỗ trợ kỹ thuật duy trì ARV trên zalo... Với những ứng phó và chuyển đổi linh hoạt, kịp thời trong triển khai phòng chống và điều trị HIV/AIDS trong bối cảnh Covid-19 đã đảm bảo công tác phòng chống HIV/AIDS không bị gián đoạn và thực sự mang lại hiệu quả tích cực.

Nỗ lực thực hiện mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030

Có thể thấy, mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song trong các năm 2020 - 2021, tình hình dịch Covid-19 cũng đã có những

tác động ảnh hưởng đến công tác phòng chống, điều trị HIV/AIDS, bên cạnh đó việc tuyên truyền, tiếp cận hoạt động xét nghiệm, điều trị HIV/AIDS có lúc, có nơi bị gián đoạn khiến công tác phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam hiện vẫn còn nhiều hạn chế. Cụ thể, như: Một số quy định trong văn bản pháp luật, chính sách về phòng chống HIV/AIDS còn thiếu hoặc không còn phù hợp với yêu cầu và bối cảnh tình hình mới. Một số địa phương chưa xây dựng được quy chế phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống HIV/AIDS; kinh phí dành cho công tác phòng, chống HIV/AIDS có xu hướng giảm, xã hội hóa còn hạn chế; cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS, đặc biệt tại tuyến cơ sở thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Đội ngũ cán bộ chuyên trách phòng, chống HIV/AIDS tại tuyến huyện, tuyến xã ở nhiều địa phương hầu hết kiêm nhiệm, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, vận động tại một số địa phương chưa thường xuyên, liên tục. Hoạt động tuyên truyền, tư vấn trực tiếp cho các đối tượng nguy cơ lây nhiễm cao gặp nhiều khó khăn. Công tác nắm bắt tình hình, thông tin, báo cáo phòng, chống HIV/AIDS của một số địa phương chưa đạt yêu cầu, việc phát hiện dịch bệnh có lúc còn chậm. Độ bao phủ của các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS còn hạn chế; vẫn còn diễn ra sự kỳ thị và phân biệt đối xử của xã hội đối với người nhiễm HIV và gia đình họ...

Cùng với đó, Bộ Y tế cho biết, tình hình dịch HIV/AIDS trong vài năm gần đây có diễn biến đáng quan ngại. Tỷ lệ nhiễm HIV có xu hướng gia tăng ở một số địa phương, đặc biệt là các tỉnh

phía Nam. Trong khi tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm phụ nữ bán dâm được khống chế ở mức thấp (trên dưới 3%) trong nhiều năm, thì tỷ lệ này ở nhóm tiêm chích ma túy vẫn còn khá cao (trên 12%). Đặc biệt, tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) tăng lên một cách đáng lo ngại, từ 6,7% năm 2014 lên 12,2% (2017) và 13,3% (2020). Một số địa phương, tỷ lệ MSM chiếm đến 50-70% tổng số các trường hợp nhiễm HIV được phát hiện...

Theo nhận định của các chuyên gia, trong thời gian tới, HIV/AIDS vẫn sẽ còn là vấn đề sức khỏe cộng đồng quan trọng, là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây gánh nặng bệnh tật ở Việt Nam. Mức độ giảm của dịch HIV/AIDS chưa bảo đảm tính bền vững và còn tiềm ẩn những nguy cơ bùng phát. Hình thái dịch có những diễn biến mới và phức tạp, xuất hiện những hành vi nguy cơ mới như việc sử dụng nhiều loại ma túy khác nhau; sự kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS vẫn còn là một thách thức lớn...

Nhằm khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống và điều trị HIV/AIDS và đặc biệt là hoàn thành mục tiêu chấm dứt đại dịch vào năm 2030 theo mục tiêu được đề ra tại Quyết định số 1246/QĐ-TTg được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 8/2020 về Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030, thời gian tới công tác phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam cần tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp:

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác phòng, chống HIV/AIDS. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp

luật về phòng, chống HIV/AIDS nhằm bảo đảm tính phù hợp với thực tế và đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan khác. Tạo môi trường chính sách và cơ chế tài chính thuận lợi cho các tổ chức xã hội tham gia cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

Duy trì mức đầu tư cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bảo đảm bù đắp nguồn lực thiếu hụt do sự cắt giảm viện trợ của quốc tế. Tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ quốc tế cho phòng, chống HIV/AIDS; tăng cường sự tham gia của các cá nhân, tổ chức, khu vực tư nhân trong đầu tư và cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

Củng cố bộ máy tổ chức, bảo đảm đủ nhân lực cho công tác phòng chống HIV/AIDS từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS các tuyến, đặc biệt là tuyến tỉnh và tuyến huyện. Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban Quốc gia Phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm và Ban Chỉ đạo Phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm tại các địa phương.

Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS cả về nội dung và hình thức, bảo đảm bao phủ mọi đối tượng, tới các cộng đồng dân cư, từng gia đình, từng người dân, nhất là thanh thiếu niên.

Tập trung triển khai các giải pháp can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV cho các nhóm có nguy cơ nhiễm HIV cao. Đổi mới và nâng cao chất lượng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Mở rộng các mô hình điều trị, cấp phát

thuốc tại tuyến cơ sở. Đa dạng hóa dịch vụ tư vấn và xét nghiệm HIV. Mở rộng điều trị HIV/AIDS, lồng ghép dịch vụ điều trị HIV/AIDS vào hệ thống khám bệnh, chữa bệnh chung; huy động sự tham gia của y tế tư nhân trong điều trị HIV/AIDS; phân cấp điều trị HIV/AIDS về tuyến y tế cơ sở; mở rộng chăm sóc và điều trị HIV/AIDS tại tuyến xã, chăm sóc người bệnh HIV/AIDS tại nhà và cộng đồng...

Năm 2022, để tiếp tục nâng cao chất lượng phòng chống HIV/AIDS Cục Phòng chống HIV/AIDS đặt mục tiêu: Đa dạng và mở rộng xét nghiệm HIV, phấn đấu phát hiện mới 10 nghìn trường hợp nhiễm HIV; nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Duy trì điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone cho trên 50 nghìn bệnh nhân. Mở rộng triển khai cấp phát thuốc Methadone cho bệnh nhân mang về nhà tại 06 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Hải Phòng, Lào Cai, Bắc Giang và Nghệ An; Mở rộng điều trị dự phòng trước phơi nhiễm bằng thuốc ARV (PrEP) cho 45 nghìn bệnh nhân; Mở rộng điều trị ARV cho 170 nghìn bệnh nhân HIV/AIDS; tiếp tục duy trì chất lượng điều trị, đảm bảo tỷ lệ bệnh nhân điều trị ARV có tải lượng Virus dưới ngưỡng ức chế trên 95%; Tiếp tục tăng số lượng bệnh nhân HIV/AIDS điều trị ARV nguồn Bảo hiểm y tế lên 120 nghìn bệnh nhân;...

Với việc triển khai đồng bộ, khoa học nhiều giải pháp, sự vào cuộc của hệ thống chính trị và sự nỗ lực của ngành Y tế cùng vai trò chủ động, tích cực của mọi người dân, tin tưởng rằng Việt Nam sẽ hoàn thành mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030/.

CHỈ SỐ VỀ MỨC ĐỘ CHÊNH LỆCH GIÀU NGHÈO (HỆ SỐ GINI) THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Phạm Thị Lý

Trưởng phòng Phòng Thống kê Xã hội, Cục Thống kê TP Hải Phòng

Trong giai đoạn 2016-2020, kinh tế thành phố Hải Phòng phát triển mạnh mẽ, luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, GRDP bình quân tăng 13,94%/năm, gấp 1,3 lần mục tiêu Nghị quyết Đại hội XV của thành phố đề ra (10,5%/năm), gấp 1,97 lần giai đoạn 2011-2015 (7,08%/năm) và gấp 2,06 lần tốc độ tăng trưởng của cả nước (6,78%/năm). Tuy nhiên, năm 2020, diễn biến dịch bệnh Covid-19 hết sức phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế – xã hội của cả nước nói chung, trong đó có Hải Phòng. Điều đó phần nào đã ảnh hưởng tới việc làm và thu nhập của người lao động, dẫn đến có sự thay đổi trong chênh lệch thu nhập các tầng lớp dân cư.

Thực trạng bất bình đẳng thu nhập của thành phố Hải Phòng

**Bảng 1. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập
(hệ số GINI) giai đoạn 2016-2020**

	2016	2018	2019	2020
Cả nước	0,430	0,425	0,423	0,375
Đồng bằng Sông Hồng	0,407	0,390	0,387	0,327
Trung du và miền núi phía Bắc	0,416	0,444	0,439	0,420
Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung	0,385	0,383	0,389	0,354
Thành phố Hải Phòng	0,398	0,372	0,368	0,268

Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI) của cả nước biến động không nhiều, giảm từ 0,430 năm 2016 xuống 0,375 năm 2020; Vùng Đồng bằng sông Hồng giảm từ 0,407 xuống 0,375 nằm trong ngưỡng an toàn và hiệu quả, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng cao.

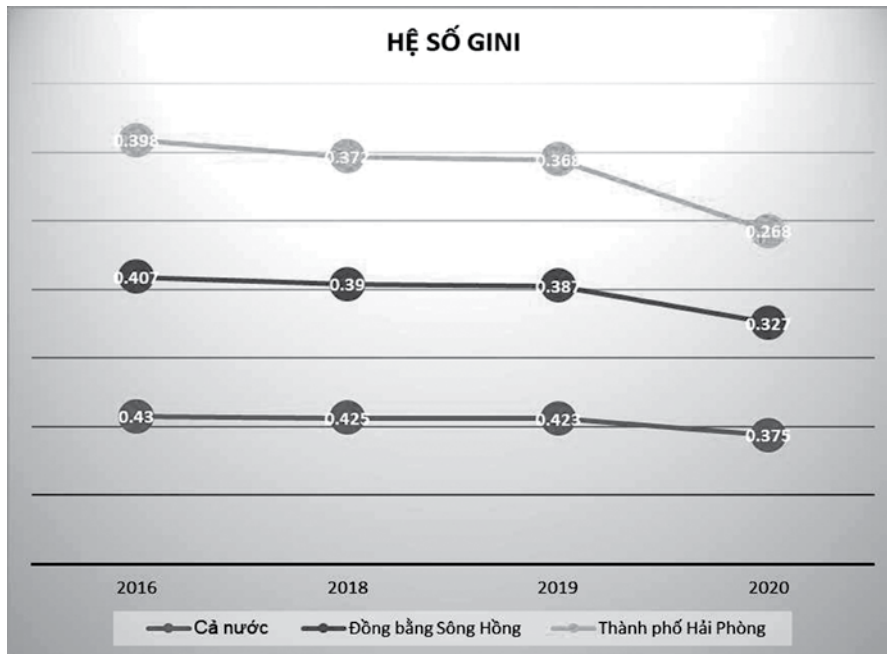
Qua bảng số liệu hệ số GINI giai đoạn 2016-2020 cho thấy, bất bình đẳng thu nhập của Hải Phòng có sự thay đổi lớn giảm từ 0,398 năm 2016 xuống 0,268 năm 2020, cho thấy người dân của thành phố Hải Phòng bình đẳng và dễ dàng hơn trong việc tiếp cận các cơ hội phát triển về trình độ học vấn, kỹ năng làm việc thông qua giáo dục. Hệ số GINI năm 2020 cả nước, vùng đồng bằng Sông Hồng và thành phố Hải Phòng tương ứng: 0,375, 0,327 và 0,268. Như vậy,

bất bình đẳng về thu nhập của người dân Hải Phòng luôn luôn thấp hơn cả nước và Vùng Đồng bằng Sông Hồng.

Các vùng miền, tỉnh/thành phố có sự khác nhau về điều kiện tự nhiên, trình độ văn hóa, trình độ sản xuất, kết cấu hạ tầng và trình độ dân trí, lợi thế so sánh..., Những đặc điểm đó dẫn đến sự phát triển của các vùng miền, tỉnh/thành phố có sự khác biệt làm cho sự chênh lệch về thu nhập cũng như bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư cũng có sự khác nhau rõ rệt. Hệ số GINI của cả nước, vùng đồng bằng Sông Hồng và của thành phố Hải Phòng có xu hướng giảm dần qua các năm, khoảng cách bất bình đẳng ngày càng được thu hẹp. Vùng Đồng bằng sông Hồng và thành phố Hải Phòng hệ số GINI có tốc độ giảm mạnh và thấp hơn so với cả nước và các tỉnh/thành khác.

Từ biểu đồ 1 cho thấy hệ số GINI tại các vùng kinh tế có những biến động tăng giảm ở các năm khác nhau, nhưng đều có xu hướng giảm dần. So cả nước và các khu vực khác, hệ số GINI của thành phố Hải Phòng

Biểu đồ 1: Hệ số GINI của cả nước, các vùng và thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2020



có tốc độ giảm mạnh nhất so với khu vực, khoảng cách về bất bình đẳng thu nhập của thành phố Hải Phòng ngày càng được thu hẹp. Điều đó cho thấy, trong những năm qua, tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng có bước tiến vượt bậc, công tác an sinh xã hội được đẩy mạnh, người dân được hưởng thụ mức cao hơn bình quân chung của cả nước.

Bảng 2. Thu nhập bình quân đầu người/tháng phân theo 5 nhóm thu nhập của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2020

Năm	Bình quân/tháng (1000 đồng)	Nhóm 1 (1000 đồng)	Nhóm 2 (1000 đồng)	Nhóm 3 (1000 đồng)	Nhóm 4 (1000 đồng)	Nhóm 5 (1000 đồng)	Khoảng cách thu nhập giữa nhóm 1 và nhóm 5 (1000 đồng)	Số lần chênh lệch giữa nhóm 1 nghèo nhất và nhóm 5 giàu nhất (lần)
2016	4.375	1.380	2.443	3.189	4.120	10.787	9.407	7,8
2018	5.116	1.415	3.256	3.999	5.083	11.849	10.434	8,4
2019	5.576	1.449	3.389	4.858	6.064	12.152	10.703	8,4
2020	5.199	2.404	3.716	4.640	5.843	9.432	7.028	3,9

Xem xét trên mức thu nhập của các nhóm: Mức độ bất bình đẳng thu nhập còn được thể hiện ở chênh lệch giữa thu nhập của nhóm 1 và nhóm 5. Thu nhập 20% của nhóm người có thu nhập thấp nhất và 20% của nhóm người có thu nhập cao nhất đều tăng trong giai đoạn 2016-2020.

Từ bảng 2 cho thấy, thu nhập bình quân đầu người/tháng tăng qua các năm, trong đó thu nhập bình quân đầu người/tháng năm 2020 cao gấp gần 1,2 lần so với năm 2016, tuy nhiên lại giảm 6,7% so với năm 2019.

Thu nhập bình quân đầu người nhóm thu nhập thấp nhất của người dân Hải Phòng năm 2019 là 2.404 nghìn đồng, tăng bình quân 1,6% giai đoạn 2016-2019; nhóm thu nhập cao nhất năm 2019 là 12.152 nghìn đồng, tăng bình quân 4,0%. Tốc độ tăng trưởng về thu nhập của nhóm thu nhập thấp chậm hơn nhóm thu nhập cao, làm cho khoảng cách giàu nghèo càng tăng trong giai đoạn 2016-2019.

Năm 2016 thu nhập của nhóm cao nhất gấp 7,8 lần nhóm thu nhập thấp, đến năm 2019 đã gấp 8,4 lần. Tuy nhiên, đến năm 2020, do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và hiệu quả của các chính sách an sinh xã hội tới các đối tượng là người nghèo, gia đình chính sách nên nhóm thu nhập thấp tăng 13,9% trong giai đoạn 2016-2020, nhưng ở nhóm thu nhập cao nhất lại giảm -3,4%, điều này đã kéo theo sự chênh lệch thu nhập giữa 2 nhóm nghèo nhất và giàu nhất chỉ còn 3,9 lần, cho thấy khoảng cách thu nhập giữa các nhóm ngày càng gần, bất bình đẳng thu nhập giai đoạn này có xu hướng giảm.

So sánh thu nhập năm 2020 và năm 2016 cho thấy, nhóm 1 có mức tăng nhanh nhất so với các nhóm còn lại. Tốc độ tăng ở nhóm 1 cao hơn ở nhóm 5 (tương ứng 1,74 lần nhóm 1 và 0,87 lần ở nhóm 5) đã khiến cho khoảng cách thu nhập

của người dân của Hải Phòng ngày càng được thu hẹp. Tuy nhiên nếu so sánh chênh lệch số tuyệt đối về thu nhập giữa những người giàu nhất và những người nghèo nhất cũng đang là một thách thức của mục tiêu phát triển theo hướng đảm bảo công bằng xã hội.

Tỷ lệ nghèo

Bảng 3. Tỷ lệ hộ nghèo ở Hải Phòng giai đoạn 2016-2020, phân theo khu vực thành thị và nông thôn (%)

	2016	2017	2018	2019	2020
Chung	2,81	2,06	1,44	0,72	0,20
Thành thị	1,53	1,16	0,80	0,31	0,08
Nông thôn	3,74	2,72	1,85	1,02	0,29

Nguồn: Từ kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo hàng năm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

Số liệu bảng 3 cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo của thành phố Hải Phòng giảm nhanh qua các năm. Năm 2016 toàn thành phố có 2,81% số hộ nghèo, tương ứng với 15.525 hộ, đến năm 2020 giảm xuống còn 0,2% hộ nghèo, tương ứng 1.268 hộ. Khu vực thành thị có tỷ lệ nghèo giảm nhiều hơn khu vực nông thôn, chúng tỏ bất bình đẳng thu nhập giữa khu vực nông thôn và thành thị là khá lớn.

Ảnh hưởng của dịch bệnh đến cơ hội việc làm của người lao động hiện nay

Năm 2020 đại dịch Covid -19 đã tác động đến kinh tế toàn cầu cũng như kinh tế Việt Nam, trong bối cảnh đó, kinh tế Thành phố vẫn duy trì ổn định và phát triển, được đánh giá là điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Tuy nhiên, không nằm ngoài ảnh hưởng chung, đại dịch cũng đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp (DN) trên địa bàn thành phố, nhiều ngành, lĩnh vực đã phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm lao động, có mức tăng trưởng âm so cùng kỳ.

Để ứng phó với tác động của dịch Covid-19, DN đã phải áp dụng nhiều giải pháp như: Điều chỉnh nguồn nhân lực, cắt giảm chi phí hoạt động SXKD, thay đổi phương thức cũng như chiến lược SXKD... những giải pháp này phần nào tác động tích cực đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những khó khăn về thị trường, nguồn thu, dòng tiền đã khiến nhiều DN buộc phải sử dụng các biện pháp cắt giảm tiền lương và lao động... đây là những giải pháp tiêu cực nhưng DN buộc phải áp dụng để duy trì sự tồn tại trong thời kỳ dịch bệnh này, nhiều DN đã phải áp dụng các giải pháp tạm thời như cắt giảm lao động, cho lao động nghỉ việc không lương, giãn việc/ngỉ luân phiên, giảm lương lao động, thu hẹp quy mô SXKD hoặc tạm ngừng hoạt động.

Do tác động của dịch Covid-19, trong năm 2020 có tới 74,4% số DN phải áp dụng các giải pháp liên quan đến lao động. Giải pháp cho lao

động giãn việc/ngỉ luân phiên có 41% DN lựa chọn, cao nhất trong các giải pháp về lao động; có 25,37% DN áp dụng giải pháp cắt giảm lao động; 22,18% DN cho lao động nghỉ không lương và 21,03% DN giảm lương lao động.

Theo quy mô, DN có quy mô nhỏ và vừa có tỷ lệ áp dụng các giải pháp về lao động nhiều nhất, lên tới gần 81,8%, trong khi tỷ lệ này ở nhóm DN quy mô lớn là 76,3%, quy mô siêu nhỏ là thấp nhất với 66,6%. Cho lao động giãn việc/ngỉ luân phiên là giải pháp được DN ở tất cả các nhóm ưu tiên lựa chọn, trong đó các DN quy mô vừa và lớn áp dụng giải pháp này lên tới trên 51%.

Tiếp theo là giải pháp cắt giảm lao động được các DN quy mô nhỏ và vừa áp dụng nhiều nhất so với các nhóm DN còn lại, lần lượt là 27,05% và 25,31%. Giải pháp cho lao động nghỉ không lương và giảm lương cũng được một bộ phận DN áp dụng và tỷ lệ áp dụng giữa các nhóm DN chênh lệch không nhiều.

Nền kinh tế bị đình trệ kéo theo nhu cầu về lao động của các DN sụt giảm đã dẫn đến tình trạng cắt giảm lao động ở tất cả các khu vực doanh nghiệp. Tỷ lệ DN cho lao động nghỉ việc nhiều nhất là khối DN ngoài nhà nước với tỷ lệ lên tới 25,9%; khu vực DN FDI với 21,3% và khu vực DN nhà nước với 21,05%. Lao động làm việc trong khu vực DN FDI có mức lương ổn định nhất so với các khu vực DN còn lại, chỉ 11,9% DN FDI áp dụng giải pháp cho lao động nghỉ không lương và 7,7% DN áp dụng giải pháp giảm lương nhân viên; trong khi tỷ lệ DN cho lao động nghỉ không lương và giảm lương khu vực DN Nhà nước lần lượt là 19,3% và 29,82%; khu vực DN ngoài nhà nước lần lượt là 23,3% và 22,7%.

Theo khu vực kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (số lượng DN ít) có tỷ lệ DN áp dụng giải pháp cắt giảm lao động và cho lao động giãn việc/ngỉ luân phiên cao nhất, với tỷ lệ lần lượt là 32,4% và 48,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng có tỷ lệ DN áp dụng hai giải pháp trên ở mức 26,4% và 43,6%; khu vực dịch vụ ở mức 24,5% và 39%.

Có thể thấy, các giải pháp điều chỉnh nguồn nhân lực của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong mùa dịch khiến cho thu nhập của mỗi lao động bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Khuyến nghị nhằm hạn chế bất bình đẳng thu nhập tại Hải Phòng trong giai đoạn 2021-2025

Bất bình đẳng thu nhập sẽ dẫn đến bất bình đẳng xã hội, gây ra các vấn đề như tỷ lệ thất nghiệp tăng, tỷ lệ tội phạm tăng, năng suất lao động bình quân giảm, do đó, đây là vấn đề giải quyết của quốc gia nói chung và của thành phố Hải Phòng nói riêng. Trong bối cảnh các tỉnh, thành phố phải xử lý những hậu quả của đại dịch Covid-19, Thành phố cần có những biện pháp để khắc phục những khó khăn hiện nay, giảm bớt thiệt hại về thu nhập cho người lao động.

Về phía chính quyền thành phố: Đã ban hành nhiều chính sách giúp ngăn ngừa, kiểm soát bệnh dịch, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động tháo gỡ khó khăn, đảm bảo an sinh xã hội, đưa ra các gói hỗ trợ để giúp người lao động có thêm thu nhập trong giai đoạn nghỉ việc, giãn việc do dịch Covid-19. Tuy nhiên, để các chính sách này phát huy được hiệu quả, cần có sự kết phối hợp chặt chẽ từ các Bộ, ngành, các địa phương nhằm thúc đẩy nhanh các thủ tục

hướng dẫn, cải cách thủ tục hành chính nhằm bảo đảm các gói hỗ trợ được triển khai kịp thời, hiệu quả và đúng đối tượng.

Về phía các doanh nghiệp: Cần phải nghiên cứu đổi mới, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, kinh doanh; tìm thị trường mới cho nguyên liệu đầu vào, nghiên cứu mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngoài các thị trường tiêu thụ truyền thống; sử dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa từ kinh doanh trực tiếp đến kinh doanh trực tuyến; tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng.

Về phía người lao động: Cần nỗ lực nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tự trang bị các kỹ năng mềm để đảm bảo khả năng thích nghi với sự thay đổi không ngừng của thị trường lao động. Người lao động cũng nên hiểu và chia sẻ với doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn này. Trong quá trình thực hiện triển khai các gói hỗ trợ của Chính phủ, người lao động cần thực hiện nghiêm túc, khai báo trung thực theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; đảm bảo các gói hỗ trợ đến được đúng đủ và đủ đối tượng.

Trong dài hạn, Thành phố cần thực hiện giảm bất bình đẳng thu nhập qua việc giúp người dân ở các khu vực tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục và y tế. Đặc biệt quan tâm đến những địa phương có khó khăn về điều kiện tự nhiên, hạ tầng cơ sở, trình độ dân trí, trình độ sản xuất,...

Theo đó, Thành phố cần có chính sách ưu tiên, đầu tư cho giáo dục ở khu vực khó khăn; cần có chính sách hỗ trợ về tài chính cho hộ gia đình nghèo, giảm bớt các chi phí cho giáo dục để đảm bảo

cơ hội tiếp cận giáo dục cho lao động nghèo, thực hiện cải cách giáo dục nhằm cân bằng cơ hội và phát triển kỹ năng cho người lao động là vô cùng quan trọng.

Thành phố cần xây dựng được chiến lược đầu tư nguồn lực con người, khuyến khích tạo việc làm, khuyến khích hình thành một tầng lớp trung lưu rộng lớn trong xã hội; thiết kế hệ thống thuế sao cho không triệt tiêu động lực làm giàu của những người giàu; tăng đầu tư công vào những địa phương kém phát triển; đồng thời, nâng cao chất lượng quản lý đầu tư công cũng như cải thiện chất lượng dịch vụ công, để các kết quả đầu tư đến với người dân, đặc biệt là nhóm người dân nghèo.

Về chính sách hỗ trợ y tế: Thành phố tiếp tục thực hiện chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo; hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo và học sinh, sinh viên; hỗ trợ cho khám, chữa bệnh cho các địa phương kinh tế còn khó khăn. Đồng thời, tăng đầu tư công cho cơ sở hạ tầng y tế, đây cũng là cơ chế chính sách cần thiết, quan trọng trong nâng cao chất lượng sống và bảo vệ sức khỏe cho người dân.

Để giải quyết bất bình đẳng thu nhập của địa phương, Thành phố cần xây dựng được một chiến lược tăng trưởng kinh tế mới cùng các chính sách phân phối thu nhập phù hợp, tập trung cải cách thể chế pháp luật, thị trường cạnh tranh, công bằng và mở, tạo "sân chơi" bình đẳng cho cả các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ; đồng thời đặt ra vấn đề bình đẳng, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư dựa trên cơ sở phát triển các loại hình kinh tế, khuyến khích người dân làm giàu và thực hiện phân phối thu nhập theo sự đóng góp của các nguồn lực./

NGÀNH Y TẾ NINH BÌNH: NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHĂM SÓC BẢO VỆ SỨC KHOẺ NHÂN DÂN

Thời gian vừa qua, dù dịch Covid-19 tác động mạnh mẽ đến nhiều mặt đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực y tế, song ngành y tế Ninh Bình đã bám sát chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh chủ động tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao và hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu phát triển sự nghiệp y tế theo tiến độ; triển khai có hiệu quả các hoạt động phòng chống dịch; duy trì hoạt động khám chữa, chữa bệnh tại các cơ sở y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ nhân dân trong giai đoạn thích ứng linh hoạt an toàn hiện nay.

Thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sở Y tế tỉnh Ninh Bình đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai sắp xếp lại tổ chức bộ máy ngành Y tế. Kết quả, bộ máy tổ chức ngành Y tế được củng cố, kiện toàn, tinh gọn; chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị được rà soát; số lượng đầu mối giảm (từ 32 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế giảm còn 23); hiệu quả hoạt động các đơn vị ngày càng nâng lên.

Mặc dù phải “căng mình” cùng toàn ngành trong công tác phòng chống dịch, song chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong toàn ngành được duy trì và không ngừng được cải thiện. Điểm trung bình đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện Việt Nam của Bộ Y tế có những bước tiến bộ đáng kể tăng từ 2,78 điểm (năm 2015) lên 3,11 điểm (năm 2020).

Bên cạnh đó, các đơn vị đã tăng cường triển khai áp dụng kỹ thuật mới vào khám, chẩn đoán và điều trị, trong đó có các kỹ thuật mũi nhọn như: can thiệp phình mạch não bằng thay đổi dòng chảy số hoá xoá nên; phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng; lọc máu liên tục, lọc máu huyết tương; phẫu thuật cắt nang ống mật chủ, dẫn lưu dịch ổ bụng, màng phổi dưới sự dẫn dắt của siêu âm... Việc triển khai các kỹ thuật trên đã tạo điều kiện cho nhân dân trên địa bàn tiếp cận

dịch vụ y tế chuyên sâu, không phải chuyển tuyến, giảm chi phí và thời gian điều trị.

Để nâng cao năng lực khám chữa bệnh, ngành Y tế Ninh Bình đã tập trung, tranh thủ các nguồn lực để đầu tư mua sắm các trang thiết bị, tăng cường công tác đào tạo thông qua các hình thức đa dạng (trực tiếp, trực tuyến, cầm tay chỉ việc...) và thông qua đề án lớn như: Đề án Khám chữa bệnh từ xa (kết nối 11 bệnh viện và các Trung tâm y tế trên địa bàn với 13 bệnh viện tuyến trên; Đề án 1816... từ đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân lực y tế.

Bên cạnh cải thiện chuyên môn, sở Y tế Ninh Bình còn rất quyết liệt chỉ đạo các đơn vị triển khai hiệu quả việc đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hạn chế mức thấp nhất, không để xảy ra vụ việc gây bức xúc cho người bệnh; tổ chức ký cam kết thực hiện giữa lãnh đạo đơn vị với lãnh đạo khoa phòng và lãnh đạo khoa phòng với từng cán bộ, nhân viên; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, định kỳ đo lường sự hài lòng của người bệnh với dịch vụ y tế công theo bộ công cụ Bộ Y tế ban hành...

Song song với công tác khám chữa bệnh, hệ thống y tế dự phòng đã thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả việc tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động phòng chống dịch bệnh. Các chương trình mục tiêu y tế dân số như tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, dân số kế hoạch hóa

gia đình, phòng chống bệnh lao, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, an toàn thực phẩm... tiếp tục phát huy hiệu quả.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, đặc biệt với sự xuất hiện của biến thể Delta trong năm 2021 ảnh hưởng lớn đến đời sống, sức khỏe và sự an toàn người dân. Ngành Y tế Ninh Bình đã bám sát hướng dẫn chỉ đạo của Bộ Y tế về phòng chống dịch, chủ động tham mưu giúp UBND tỉnh và trực tiếp tham gia cùng các cấp, ngành và địa phương triển khai các giải pháp chống dịch đồng bộ, quyết liệt. Đặc biệt, công tác rà soát, truy vết, quản lý theo dõi các đối tượng nghi ngờ, đối tượng nhập cảnh, đối tượng có tiền sử dịch tễ, đối tượng từ vùng dịch về; công tác rà soát đối tượng tiêm vắc xin... được triển khai hiệu quả, an toàn. Nhờ vậy, tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, không để lan rộng trong cộng đồng. Thời gian tới, Ninh Bình tập trung triển khai các giải pháp nhằm thích ứng linh hoạt, an toàn; chuẩn bị tốt các năng lực ứng phó với dịch thông qua việc xây dựng kịch bản và phương án bảo đảm công tác y tế theo từng cấp độ dịch... tạo điều kiện thuận lợi để khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế, thích ứng với trạng thái bình thường mới./.

Đinh Đình



Tổ chức tiêm vaccine phòng COVID-19 cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn



HUYỆN YÊN MÔ- TỈNH NINH BÌNH

THÀNH TỰU KINH TẾ XÃ HỘI NỔI BẬT HỨA HẸN PHÁT TRIỂN BỨT PHÁ

Với việc đạt chuẩn Nông thôn mới, hạ tầng kinh tế-xã hội của Huyện đã được đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ bản hoàn thiện. Hiện 100% đường liên xã của Huyện đã được bê tông, nhựa hóa; 95% đường ngõ xóm được bê tông, 50% đường giao thông nội đồng được kiên cố, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân. Bên cạnh đó, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân được nâng cao, đến nay, thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 3,6 lần, tỷ lệ hộ nghèo giảm 15 lần so với năm 2011; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 90,5%; tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,5%. Chất lượng giáo dục, y tế được đảm bảo, đã có 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn. Hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Giai đoạn 2016 - 2020, Yên Mô đã hoàn thành vượt kế hoạch 14/14 chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

Cùng với tập trung xây dựng NTM, những năm qua, huyện Yên Mô cũng luôn chú trọng đến việc tăng cường thu hút đầu tư vào Huyện. Ngoài thực hiện quy hoạch 04 cụm công nghiệp, có 02 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, trong đó cụm công nghiệp Khánh Thượng đang được hoàn thiện hồ sơ mở rộng với tổng diện tích là 70,46 ha để tiếp tục chào đón các nhà đầu tư. Huyện thực hiện đẩy mạnh cải cách hành chính trên quan điểm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển. Nhờ đó, huyện Yên Mô đã thu hút được một nguồn lực to lớn để phát triển, theo số liệu

Những năm qua, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình đã đạt được những kết quả tích cực ở nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội. Trong đó, thành tựu nổi bật giai đoạn 2016-2020 đó là việc Huyện đã hoàn thành chương trình xây dựng Nông thôn mới và được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới (NTM) năm 2020. Đồng thời, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Yên Mô được Chủ tịch Nước tặng nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

của UBND huyện Yên Mô, giai đoạn 2026-2020 tổng vốn đầu tư toàn Huyện đạt trên 3,2 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư ngoài nhà nước chiếm 60,95%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 13,18 %. Hiện nay, trên địa bàn huyện Yên Mô đang có 05 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư

giai đoạn 2016 – 2020 đạt gần 886 tỷ đồng. Các dự án đầu tư đã tạo cho Yên Mô thêm nguồn lực mới để Huyện tiếp nhận và phát triển những tiến bộ khoa học công nghệ, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng của huyện Yên Mô giai đoạn 2016- 2020 tăng mạnh, đạt 18,4%/ năm.

Để phát huy thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp, giai đoạn 2016- 2020 huyện Yên Mô đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm ... Trong đó, Yên Mô là huyện duy nhất của tỉnh Ninh Bình có Nghị quyết chuyên đề của HĐND huyện về chuyển đổi đất trồng lúa sang các mô hình canh tác mới. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp của Huyện



Cụm công nghiệp Khánh Thượng, huyện Yên Mô đang được mở rộng để đón các nhà đầu tư

chuyển dịch mạnh từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác đến năm 2020 đạt 135 triệu đồng, tăng 26,4 triệu so với năm 2015. Huyện đã thực hiện chuyển đổi được 820 ha diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả, ruộng trũng, đất 1 vụ lúa sang sản xuất lúa - cá, trồng cây ăn quả kết hợp với nuôi thủy sản và ao nổi cho giá trị thu hoạch cao hơn trồng lúa từ 3-4 lần. Bên cạnh đó, huyện Yên Mô khuyến khích người dân đưa những cây trồng mới có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao vào sản xuất, thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp, hợp tác xã. Hàng năm, Huyện có từ 450 – 500 ha các cây trồng mới được doanh nghiệp liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với giá thành ổn định. Cho đến nay, trên địa bàn huyện Yên Mô đã hình thành nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, có nhiều mô hình sản xuất mới cho hiệu quả kinh tế cao được người dân tiếp thu, mở rộng.

Những kết quả trên thể hiện quyết tâm, nỗ lực và thành quả to lớn của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Yên Mô trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội thời gian qua. Với thể và lực mới, Yên Mô đang tập trung thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ quan trọng để khơi dậy và phát huy tiềm năng, thế mạnh, hướng tới đích phát triển mới. Trong đó, Huyện đang tập trung hoàn thiện quy hoạch huyện, nhất là định hướng, quy hoạch phát triển đối với từng vùng, từng địa phương cho phù hợp nhằm khơi dậy, phát huy tiềm năng của một số khu vực trước đây được coi là khó khăn, nhưng có nhiều thế mạnh, dư địa và động lực cho phát triển khi hạ tầng kết nối được đầu tư; Tiếp tục xây dựng nông thôn đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển đô thị; Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; Tập trung cho các tiêu chí về kinh tế, phát triển sản xuất, thu nhập, môi trường, chất lượng cuộc sống hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn; Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện nông thôn mới, xã nông thôn mới, tập trung xây dựng NTM nâng cao ở 03 xã Yên Thắng, Yên Nhân, Yên Lâm từ đó nhân rộng ra toàn Huyện, phấn đấu đến năm 2025 Yên Mô có ít nhất 50% số xã được công nhận xã nông thôn nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, hướng tới huyện nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu./

P.V

Trường Cao đẳng Cơ điện xây dựng Việt Xô được thành lập từ năm 1997, tiền thân là Trường Trung học và dạy nghề Cơ điện xây dựng NN và PTNT. Trường có 3 cơ sở đào tạo, đều nằm tại các vị trí rất thuận lợi về giao thông và được quy hoạch ổn định lâu dài của 2 tỉnh Ninh Bình và Đồng Tháp. Trường đào tạo 22 ngành, nghề, trong đó, có 2 nghề trọng điểm quốc tế (cắt gọt kim loại, điện công nghiệp), 3 nghề trọng điểm khu vực ASEAN (công nghệ ô tô, công nghệ hàn và kỹ thuật xây dựng), 2 nghề trọng điểm quốc gia (vận hành máy thi công nền, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí).

Giai đoạn hội nhập hiện nay, nhu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp có nhiều thay đổi, không chỉ đòi hỏi người lao động phải có tay nghề, chuyên môn tốt mà còn có tác phong công nghiệp, ngoại ngữ cơ bản.... Do đó, để phát triển trong tình hình mới, Ban Giám hiệu nhà trường đã xác định nhiệm vụ then chốt nhất là nâng cao chất lượng đào tạo và thước đo chính xác nhất cho chất lượng chính là sự phản hồi, đánh giá của doanh nghiệp.

Được sự quan tâm và đầu tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và các địa phương, thông qua các dự án đào tạo nghề trọng điểm chất lượng cao (theo QĐ 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019), dự án “Đầu tư phát triển các trường dạy nghề chất lượng cao” (gọi là dự án AFD) sử dụng vốn ODA do Chính phủ Pháp tài trợ, hệ thống cơ sở vật chất của Trường được xây dựng đồng bộ, hiện đại với đầy đủ các phân khu chức năng. Nổi bật, trong khuôn khổ dự án AFD, Trường được đầu tư hơn 4 triệu EURO tương đương 110 tỷ đồng để trang bị các máy móc thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy cho 3 nghề trọng điểm là Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp và nghề Cắt gọt kim loại.

Song song với xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, nhiều năm qua Trường cũng xây dựng kế hoạch dài hạn trong việc tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên (đạt chuẩn giáo viên giáo dục nghề nghiệp) và cán bộ quản lý. Tính đến 18/6/2021, Trường có 152 giảng viên, trong đó trình độ tiến sĩ có 1 người, thạc sĩ 91 người, đại học là 55 người, còn lại là cao đẳng và trình độ khác. Đội ngũ giáo viên của Trường thường xuyên và liên tục được trau dồi kỹ năng thông qua các hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia.

Trường đã chỉ đạo các giáo viên biên soạn xây dựng, ban hành và sử dụng giáo trình cho 100% các nghề đào tạo (đảm bảo các tiêu chí về khung chương trình, có độ mở để cập nhật); xây dựng thẩm định ban hành chuẩn đầu ra cho các nghề giảng dạy; chuẩn bị bước hồ sơ đăng ký cho các nghề mới ở trình độ sơ cấp là trồng cây có múi và trồng cây



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG VIỆT-XÔ TĂNG CƯỜNG GẮN KẾT VỚI DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO

Những năm qua, Ninh Bình là điểm sáng về thu hút đầu tư với các dự án sản xuất lớn có hàm lượng công nghệ cao. Các nhà đầu tư đánh giá tích cực về việc thực hiện thủ tục hành chính và năng lực đáp ứng nguồn nhân lực qua đào tạo của địa phương. Góp phần tạo nên ấn tượng tốt đó, các trường, cơ sở đào tạo trên địa bàn đã có nhiều nỗ lực nhằm đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy, tăng cường gắn kết doanh nghiệp vào quá trình đào tạo. Một trong số những đơn vị đào tạo nghề tiêu biểu có thành tích nổi bật phải kể tới chính là Trường cao đẳng Cơ điện xây dựng Việt Xô.

an toàn. Ngoài ra, Trường đã hoàn thành công tác tự kiểm định chất lượng trường năm 2020 đạt cấp độ 3; kiểm định chất lượng 7 chương trình đào tạo của 7 nghề trọng điểm (cấp quốc gia, khu vực và quốc tế).

Để tăng cường tính thực tiễn, Trường đã thành lập bộ phận phụ trách kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp, nắm bắt yêu cầu của họ về vị trí việc làm, nhu cầu tuyển dụng. Từ đó, Trường có sự điều chỉnh về nội dung, chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn của sản xuất, kinh doanh. Trường còn ký các biên bản thỏa thuận hợp tác đào tạo để tổ chức cho học sinh, sinh viên đến thực hành tại các doanh nghiệp ô tô trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Đồng Tháp, cũng như nhiều doanh nghiệp sản xuất, chế tạo tại các tỉnh/thành phố công nghiệp trong cả nước, trong đó tiêu biểu có: Công ty CP Sản xuất Ô tô Hyundai Thành Công, Công ty CP Lilama 69-1... Bên cạnh đó, khi các doanh nghiệp, nhà đầu tư có nhu cầu tuyển dụng, Trường đều đã tìm hiểu kỹ về năng lực, chế độ đãi ngộ, môi trường lao động nên khi giới thiệu cho sinh viên tốt nghiệp đều được sắp xếp làm ở vị trí phù hợp với ngành nghề đào tạo và có thu nhập ổn định. Qua khảo sát của nhà trường, tỷ lệ học sinh sinh viên sau 12 tháng



Lãnh đạo và học sinh của Trường thăm quan dây chuyền sản xuất ô tô hiện đại bậc nhất thế giới và trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp tại Công ty Hyundai Thành Công Việt Nam

kể từ khi tốt nghiệp có việc làm ổn định đạt trên 85%, trong đó, trên 50% là do Trường giới thiệu.

Ba năm học gần đây, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, kế hoạch đào tạo và phương pháp giảng dạy phải thay đổi, hầu hết các nội dung lý thuyết và một số nội dung thực hành nhà trường đã áp dụng hình thức học trực tuyến. Bằng tinh thần chủ động khắc phục khó khăn, chất lượng đào tạo của Trường vẫn được giữ ổn định và từng bước nâng cao. Tại các kỳ thi kỹ năng nghề các cấp, Trường tiếp tục gặt hái nhiều thành tích ấn tượng. Nổi bật, Hội thi kỹ năng nghề khu vực ASEAN, Trường đã xuất sắc giành được 6 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc, 1 Huy chương Đồng, Hội thi Kỹ năng nghề thế giới, Trường cũng đã xuất sắc đoạt được 4 chứng chỉ.

Trường tự hào có 02 sinh viên được vinh danh trong "Lễ tuyên dương học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp xuất sắc năm 2020" do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức.

Với những kết quả đạt được, Trường cũng nhiều năm liền được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND tỉnh Ninh Bình tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc, được các cấp Bộ, Ban ngành tặng thưởng nhiều bằng khen; Nổi bật, Trường đã vinh dự được trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2012; Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2007; Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2002; Huân chương Lao động hạng Ba các năm 1990, 1995, 1996; cờ thi đua của Chính phủ các năm 2005, 2010, 2013, 2017./.

Trịnh Long

NINH BÌNH: PHÁT HUY HIỆU QUẢ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) tỉnh Ninh Bình thực hiện chức năng triển khai các Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Đây là một trong những công cụ đòn bẩy kinh tế mang đầy tính nhân văn cao cả của Đảng và Nhà nước nhằm giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách có điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giúp người dân vươn lên thoát nghèo.

Xác định được tầm quan trọng đó, trong những năm qua, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Ninh Bình luôn bám sát sự chỉ đạo của NHCSXH Việt Nam, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về các chính sách, nhiệm vụ phát triển kinh tế, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn. Tính đến 31/12/2021, kết quả đạt được cụ thể như sau: Tổng nguồn vốn tín dụng chính sách là 2.855.549 triệu đồng, tăng 59% so với cùng thời điểm năm 2015. Trong đó, nguồn vốn cân đối từ Trung ương chiếm 79% tổng nguồn vốn; Nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương chiếm 6% tổng nguồn vốn; Nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân chiếm 15% tổng nguồn vốn. Doanh số cho vay đạt 4.806.735 triệu đồng, với trên 155 nghìn hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn. Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách đạt 2.852.103 triệu đồng, tăng 59% so với năm 2015, với 78.643 hộ nghèo và các đối tượng chính sách đang còn dư nợ.

Trong 5 năm qua, từ nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã góp phần giúp cho hơn 30 nghìn



Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có vốn để đầu tư phát triển sản xuất, chăn nuôi; trên 2 nghìn học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được đi học; xây dựng và cải tạo trên 100 nghìn công trình nước sạch, công trình vệ sinh hợp vệ sinh; giải quyết việc làm cho gần 15 nghìn lao động; xây mới và cải tạo trên 500 ngôi nhà cho hộ nghèo...

Vốn tín dụng chính sách đã giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm; làm quen với việc vay, trả nợ ngân hàng, từng bước nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý vốn, mạnh dạn vay vốn và sử dụng vốn có hiệu quả; giúp nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững. Đồng thời, đẩy lùi, ngăn chặn sự tác động tiêu cực của "tín dụng đen", hạn chế hộ tái nghèo; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giai đoạn 2016-2020 giảm từ 7,46% năm 2016 xuống còn 1,87% năm 2020; năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới là 3,07%.

Từ nguồn vốn tín dụng chính sách cũng đã góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn, đồng thời góp phần giảm thiểu bệnh tật do thiếu

nước sạch hoặc sử dụng công trình vệ sinh chưa đảm bảo tiêu chuẩn, giảm chi phí khám chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho người dân; thu hẹp khoảng cách về điều kiện sinh hoạt giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng nông thôn với nhau. Đặc biệt, thông qua nguồn vốn tín dụng chính sách đã góp phần quan trọng trong việc giúp 5 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 117 xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Thời gian tới, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Ninh Bình sẽ tiếp tục phấn đấu thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 40 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội"; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, ứng phó với đại dịch Covid-19. Đồng thời, Chi nhánh sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các địa phương trong việc quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, góp phần thực hiện tốt Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, XDNTM trên địa bàn tỉnh Ninh Bình./

Trọng Nghĩa



TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN MÔ

THỰC HIỆN TỐT NHIỆM VỤ BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân, những năm qua, Trung tâm Y tế huyện Yên Mô đã nỗ lực vượt qua khó khăn do dịch bệnh Covid 19 đem lại để cung cấp những dịch vụ y tế tốt nhất đến với người dân, đồng thời thực hiện hiệu quả công tác tham mưu và triển khai các biện pháp phòng chống dịch Covid, giúp huyện Yên Mô thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa phát triển kinh tế.

Hơn 02 năm qua, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Các cán bộ, nhân viên ngành Y tế trở thành những chiến sỹ tiên phong cùng với các cấp, các ngành và nhân dân cả nước căng mình chống dịch. Tại Trung tâm Y tế huyện Yên Mô, với 219 cán bộ, viên chức, người lao động, thời gian qua vừa phải duy trì các hoạt động khám chữa bệnh và các công tác thường xuyên khác, vừa là lực lượng chủ lực trong công tác phòng chống dịch Covid của Huyện.

Để thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch Covid-19, Trung tâm Y tế huyện Yên Mô đã tham mưu cho huyện kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid; Thành lập các đội cấp cứu lưu động, chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, hóa chất và cơ sở thuốc; Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống Covid; Nhờ đó, công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện luôn đảm bảo tính liên tục và hiệu quả, hoạt động tiêm vắc xin phòng Covid cho các đối tượng từ 12 tuổi trở lên diễn ra nhanh chóng và an toàn. Đặc biệt, khi phát hiện trên địa bàn huyện có ca F0, công tác truy vết, lấy mẫu xét nghiệm và tổ chức cách ly được thực hiện nhanh, gọn qua đó hạn chế tối đa việc lây lan dịch bệnh và ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Đáng chú ý, các trường hợp cách ly tại nhà luôn được cán bộ y tế hướng dẫn cách ly chi tiết, theo dõi sức khỏe và lấy mẫu xét nghiệm định kỳ theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế Yên Mô triển khai hàng loạt biện pháp mạnh mẽ nhằm ngăn ngừa sự lây lan của dịch Covid-19. Trung tâm đã chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ y tế tại Trung tâm và các xã, thị trấn triển khai công tác giám sát phòng, chống dịch tại cộng đồng. Thường trực 24/24 tại điểm trực chốt khai báo y tế, đo thân nhiệt, phân loại, phân luồng; bố trí, sắp xếp khu khám bệnh, đảm bảo quy trình 5K trong phòng chống dịch.

Trong công tác khám chữa bệnh, mặc dù gặp khó khăn khi phải chia sẻ nhân lực, vật lực, thời gian cho công tác phòng chống dịch Covid-19, nhưng bằng các giải pháp hiệu quả, cách làm sáng tạo, Trung tâm Y tế huyện Yên Mô vẫn duy trì tốt hoạt động khám, chữa bệnh cho người dân. Thời gian qua, tỷ lệ người dân đến KCB và sử dụng các dịch vụ y tế của Trung tâm ngày một tăng, khám, tư vấn và điều trị ngoại trú ngày càng nhiều. Đặc biệt, tỷ lệ bệnh nhân được điều trị khỏi bệnh được nâng lên ở tất cả các khoa, với thời gian điều trị trung bình được rút ngắn, số bệnh nhân chuyển tuyến ngày càng giảm.

Năm 2021 vừa qua, mặc dù gặp không ít những khó khăn, nhưng Trung tâm Y tế huyện Yên Mô vẫn duy trì công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, y bác sỹ thông qua Đề án 1816, Dự án Y tế Nông thôn, Dự án Noredd; Cử cán bộ chuyên khoa định hướng đi học chuyên khoa sâu sau đại học... Song song với đó, Trung tâm tiếp tục đầu tư mua sắm các trang thiết bị để phục vụ phát triển kỹ thuật mới; Đẩy mạnh



thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Do đó, năng lực KCB của Trung tâm đã triển khai thêm nhiều kỹ thuật mới như: Soi đốt cổ tử cung, chiếu đèn điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh, mổ kết hợp xương, cấy chỉ điều trị, kéo giãn cột sống và các xét nghiệm chuyên sâu. Công tác phục vụ người bệnh của Trung tâm có chuyển biến tích cực, nhận được sự hài lòng của người bệnh, tạo được niềm tin đối với nhân dân. Trong năm Trung tâm nhận được nhiều thư động viên, bày tỏ xúc động cảm ơn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân sau đợt điều trị.

Có thể nói, hoạt động Y tế của Trung tâm Y tế huyện Yên Mô thời gian qua, đặc biệt là các hoạt động tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 đã hạn chế tới mức tối đa những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid tới đời sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn huyện, góp phần giúp huyện Yên Mô hoàn thành nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng của giai đoạn 2016-2020 và năm 2021./.

Minh Hùng

TRƯỜNG THPT YÊN MÔ A: ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC

Được thành lập từ năm 1964 với tên gọi ban đầu là Trường cấp III Tạ Uyên, trải qua 57 năm xây dựng, các thế hệ thầy và trò Trường THPT Yên Mô A vượt qua muôn vàn khó khăn từ những buổi đầu trong thời gian chiến tranh, cơ sở vật chất thiếu thốn, liên tục sơ tán để đảm bảo an toàn... đến nay, nhà trường đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt trở thành điểm sáng trong ngành giáo dục tỉnh Ninh Bình.

Những năm học qua, được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Ninh Bình, UBND huyện Yên Mô, Trường THPT Yên Mô A được đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, đảm bảo yêu cầu dạy học; đường nội bộ, sân chơi, bãi tập, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng. Các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh mới, phòng đọc thư viện cùng nhiều loại sách báo, tài liệu cho phòng đọc đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Một số công trình xây dựng lớn khác như khu phòng học bộ môn gồm 12 phòng và khu nhà đa năng hiện đang trong quá trình xây dựng. Trong một thời gian ngắn nữa, Trường sẽ có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt, rèn luyện, vui chơi của thầy - trò nhà trường.

Nhận thức sâu sắc "muốn có trò giỏi trước hết phải có thầy giỏi", nhà trường luôn chú trọng quan tâm bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, thường xuyên phát động các phong trào thi đua gắn với nội dung chuyên môn;

tổ chức các Hội thi, hội thảo chuyên môn cấp trường tạo động lực cho cán bộ, giáo viên thi đua nâng cao năng lực, trình độ. Tính đến hết năm học 2020 - 2021, nhà trường có 79 cán bộ, nhà giáo và nhân viên, trong đó, đội ngũ giảng dạy và quản lý có trình độ đạt chuẩn là 100% và trên chuẩn hơn 29%. Nhà trường đã được Sở giáo dục và đào tạo công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình ký quyết định công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Hiện nay, ngành giáo dục đang đổi mới mạnh mẽ, thay đổi từ truyền dạy kiến thức sang trang bị kỹ năng, phát triển năng lực người học. Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ngay từ đầu các năm học, Trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục theo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, sắp xếp lại các bài học thành bài học theo chủ đề, thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập để học sinh thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Bên cạnh đó, Trường chỉ đạo

các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức mới giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học, dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả học tập của mình, tổ chức các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn... Song song với việc dạy văn hóa, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh thông qua các chủ đề gần gũi và thiết thực như: tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình; truyền thống tôn sư trọng đạo; an toàn giao thông, chống cháy nổ, phòng chống tác hại của ma túy, sức khỏe sinh sản vị thành niên; phòng chống xâm hại tình dục...

Nhờ những cách làm hiệu quả, liên tiếp các năm học vừa qua, Trường đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ giáo dục được giao, chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì, củng cố, giáo dục mũi nhọn được nâng cao. Nổi bật, trong năm học 2020 - 2021, tỷ lệ học sinh có học lực khá giỏi chiếm 63,6%, không có học sinh học lực yếu; 97,7% học sinh đạt hạnh kiểm tốt, khá. Trong kỳ thi chọn học sinh giỏi, học viên giỏi lớp 12 cấp tỉnh, có 20 học sinh đạt giải trong đó có 09 giải Nhì, 06 giải Ba, 05 giải Khuyến khích. Bên cạnh các môn văn hóa tập thể giáo viên, của Trường đã tham gia nhiều cuộc thi văn nghệ, thể thao và đạt kết quả tốt như Thi Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh đạt 12 huy chương, xếp thứ 8/25 đơn vị, được cử Khuyến khích toàn đoàn; tham gia cuộc thi "Đại sứ văn hóa đọc" đạt giải Nhì cấp tỉnh và giải Khuyến khích Quốc gia.../.

Long Trịnh



Tập thể đội ngũ giáo viên của trường THPT Yên Mô A



XÃ YÊN LÂM - YÊN MÔ - NINH BÌNH: TỰ TIN TRÊN LỘ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Về kinh tế, cơ cấu kinh tế của Xã có sự chuyển dịch tích cực từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại dịch vụ. Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn Xã tiếp tục tăng. Hiện nay trên địa bàn Xã ngoài Công ty TNHH Giấy Da Athena Việt Nam (thu hút và giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động của Xã và vùng lân cận) còn có 7 công ty tư nhân, cùng nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, 02 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, 01 hợp tác xã thủy sản, 4/6 làng nghề được công nhận là làng nghề đặc sản xuất khẩu đang hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Bên cạnh đó, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Yên Lâm những năm gần đây diễn ra khá sôi động, hoạt động giao thương tại chợ và các điểm kinh doanh tiếp tục duy trì và phát triển ổn định, thu hút hơn 1 nghìn lao động tham gia. Nhiều ngành nghề, dịch vụ mới xuất hiện, các loại hàng hóa ngày càng đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt và phục vụ phát triển kinh tế của người dân.

Với đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với an toàn thực phẩm" lĩnh vực nông nghiệp của Yên Lâm những năm gần đây đã phát triển đúng hướng. Trên địa bàn Xã có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp nổi bật như: Mô hình cấy lúa chất lượng cao, lúa nếp với gần 300 ha của 02 hợp tác xã Bắc Yên và Nam Yên; mô hình ao nổi sử dụng công nghệ cao, sản phẩm sạch; mô hình trồng chuối - nuôi cá; mô hình nuôi tôm... hàng năm cho thu nhập trên 300 triệu đồng/ha.

Yên Lâm là xã miền núi, nằm phía Đông Nam của huyện Yên Mô, cách trung tâm huyện 12 km, cách thành phố Ninh Bình 30 km về phía Tây Nam. Năm 2017, sau quãng thời gian dồn sức người, sức của thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM, xã Yên Lâm đã vinh dự được công nhận là xã đạt chuẩn NTM. Kể từ đó đến nay, với thế và lực mới, xã Yên Lâm không ngừng tập trung nâng cao các tiêu chí NTM và có được sự phát triển toàn diện trên mọi mặt của đời sống, kinh tế xã hội, trở thành điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Mô.

Đáng chú ý, tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp của Xã đạt gần 100%, qua đó giảm sức lao động, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Trong phát triển hạ tầng, Yên Lâm tiếp tục dành nguồn lực để nâng cấp và đầu tư mới nhiều công trình điện, đường, trường, trạm, các công trình thủy lợi, nhà văn hóa... Thực hiện chỉnh trang đường làng ngõ xóm, tăng cường công tác vệ sinh môi trường nông thôn. Nhờ đó, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Xã có sự phát triển đột phá. Đến nay, 100% các tuyến đường, ngõ xóm được bê tông hóa; 7,2 km đường trục chính được trải bê tông nhựa. Cơ sở vật chất trang thiết bị trường học phục vụ tốt cho hoạt động

dạy và học, chất lượng dạy và học ở cả 03 bậc học trên địa bàn xã được nâng lên, thu hút học sinh của huyện. Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh. Điều kiện sống của người dân được nâng lên rõ rệt, xã Yên Lâm không còn hộ nghèo và hộ cận nghèo.

Đặc biệt, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành phát triển sản xuất, xây dựng NTM, Đảng bộ, chính quyền xã Yên Lâm luôn chiếm được niềm tin của nhân dân, nhiều năm liền được công nhận trong sạch vững mạnh. Cộng với những thành quả mà người dân được hưởng từ việc xây dựng NTM mang lại là yếu tố hết sức quan trọng để tạo lên sự tin tưởng và đồng thuận của người dân khi Yên Lâm bước vào xây dựng NTM nâng cao.

Theo đánh giá của Xã, sau khi về đích NTM, Yên Lâm đã xây dựng và thực hiện để đạt chuẩn các tiêu chí về NTM nâng cao với lộ trình phù hợp, sát với thực tế của địa phương và đảm bảo tính khả thi cao, đảm bảo tính bền vững.

Hiện nay, Yên Lâm cùng với Yên Phong và Yên Thắng được huyện Yên Mô chọn là 3 xã tiên phong xây dựng NTM nâng cao, hướng tới NTM kiểu mẫu, từ đó làm hình mẫu để nhân rộng ra toàn huyện. Đây vừa là vinh dự lớn lao, vừa là nhiệm vụ nặng nề, nhưng với những kết quả đã đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM ở giai đoạn trước, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong Xã đang tràn đầy khí thế, niềm tin sẽ thành công trong việc xây dựng Yên Lâm thành miền quê đáng sống, trở thành hình mẫu về NTM kiểu mẫu./.

Minh Châu

HỘI NGHỊ COP26 VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU: BƯỚC TIẾN LỊCH SỬ

Tiến Long

Tại Hội nghị COP26, tất cả 197 quốc gia tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đã đồng thuận thông qua Hiệp ước khí hậu Glasgow (Glasgow Climate Pact). Theo đánh giá của các chuyên gia, COP26 đã ghi nhận những tiến bộ vững chắc, thậm chí mang tính lịch sử trong nỗ lực đẩy lùi mối đe dọa hiện hữu từ tình trạng nóng lên toàn cầu.

Hiệp ước khí hậu Glasgow: Bước tiến lịch sử

Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) đã tiếp tục tái khẳng định duy trì mục tiêu hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng 1,5 độ C theo Hiệp định Paris nhằm tránh những tác động xấu nhất của biến đổi khí hậu.

Mục tiêu này đòi hỏi phải cắt giảm lớn lượng khí thải CO₂ một cách nhanh chóng và bền vững, bao gồm giảm 45% lượng phát thải CO₂ vào năm 2030 so với mức năm 2010 và về 0 vào khoảng giữa thế kỷ, cũng như giảm sâu phát thải các khí nhà kính khác.

Hiệp ước khí hậu Glasgow bao gồm một nội dung quan trọng, kêu gọi việc "giảm dần điện than không sử dụng công nghệ thu giữ carbon và trợ cấp nhiên liệu hóa thạch không hiệu quả", đồng thời thừa nhận "sự cần thiết phải hỗ trợ để hướng tới một quá trình chuyển đổi công bằng". Đây là được xem là bước ngoặt lớn, bởi lần đầu tiên nhiên liệu hóa thạch được đề cập tại một thỏa thuận của Hội nghị thượng đỉnh khí hậu Liên hợp quốc (LHQ).

Hiệp ước yêu cầu các quốc gia vào cuối năm 2022 phải "xem xét lại và củng cố" các mục tiêu cắt giảm khí thải năm 2030, "có tính đến các hoàn cảnh quốc gia khác nhau", để thực hiện mục tiêu hạn chế gia tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức "dưới 2 độ C" hoặc 1,5 độ C theo Hiệp định Paris. Đây là một bước tiến lớn bởi theo các thỏa thuận khí hậu trước đây của LHQ, các quốc gia được yêu cầu đệ trình các kế hoạch này, còn gọi là đóng góp quốc gia tự quyết (NDC), 5 năm một lần.

Hiệp ước nhấn mạnh sự cần thiết phải huy động tài trợ khí hậu từ mọi nguồn để đạt mức cần thiết nhằm hiện thực hóa các mục tiêu của Hiệp định Paris, bao gồm việc tăng đáng kể hỗ trợ cho các nước đang phát triển, vượt quá 100 tỷ USD mỗi năm; đồng thời thúc giục các nước phát triển khẩn trương hoàn thành mục tiêu 100 tỷ USD đã cam kết cũng như mục tiêu đến năm 2025 và nhấn mạnh tầm quan trọng của tính minh bạch trong việc thực hiện cam kết của các nước này.

Hiệp ước cũng thúc giục các nước phát triển đến năm 2025 tăng ít nhất gấp đôi tài trợ thích

ứng với biến đổi khí hậu cho các nước đang phát triển so với mức năm 2019. Trong khi các nước phát triển chịu trách nhiệm đối với phần lớn khí thải nhà kính, các nước đang phát triển lại chịu những tác động tồi tệ nhất của biến đổi khí hậu.

Tổn thất và thiệt hại - một vấn đề quan trọng đối với các nước đang phát triển - đã được đưa vào Hiệp ước, với việc kêu gọi các nước phát triển và các tổ chức khác hỗ trợ nhiều hơn các quốc gia dễ bị tổn thương để ứng phó với những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và giải quyết những thiệt hại do các hiện tượng thời tiết cực đoan và nước biển dâng.

Hiệp ước khẳng định tính cấp thiết của việc mở rộng quy mô hành động và hỗ trợ, nếu phù hợp, bao gồm tài trợ, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực, để thực hiện các phương pháp tiếp cận nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và giải quyết tổn thất và thiệt hại liên quan đến các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu ở các nước đang phát triển đặc biệt dễ bị tổn thương bởi những tác động này.

Chủ tịch COP26, ông Alok Sharma cho biết, thỏa thuận trong

Hiệp ước đã đặt trọng tâm "chưa từng có" vào tổn thất và thiệt hại theo nguyên tắc các nước giàu, vốn chịu trách nhiệm chính về sự nóng lên toàn cầu, nên bồi thường cho những nước nghèo do tác động của biến đổi khí hậu. Ông cũng cho hay Hiệp ước dù "không hoàn hảo" nhưng cho thấy "sự đồng thuận và ủng hộ".

Theo Reuters, thỏa thuận đã mang lại cho các quốc gia nghèo nhất những cam kết lớn lao hơn, khi kêu gọi các nước giàu tăng gấp đôi tài chính cho thích ứng với khí hậu vào năm 2025 từ mức năm 2019, cung cấp tài trợ vốn là nhu cầu chính của các quốc đảo nhỏ tại hội nghị.

Các nhà quan sát đánh giá, Hiệp ước khí hậu Glasgow là một bước tiến lịch sử với việc lần đầu tiên một thỏa thuận của LHQ đã đề cập rõ ràng tới than đá, nhiên liệu hóa thạch gây phát thải khí nhà kính lớn nhất. Đồng thời cũng là lần đầu tiên đề ra ngày chấm dứt nguồn tài chính dành cho nhiên liệu hóa thạch quốc tế, đưa thế giới đến gần với việc ngừng sử dụng than.

Kỷ nguyên của than đá liệu có kết thúc?

Trong 14 ngày diễn ra Hội nghị COP26, các nước tham dự đã đưa ra một loạt các cam kết quan trọng. Đã có 40 quốc gia, bao gồm Việt Nam, cam kết loại bỏ điện than - chiếm khoảng 37% tổng điện năng trên thế giới trong năm 2019 - và là nhiên liệu đóng góp lớn nhất vào biến đổi khí hậu. Một liên minh mới các quốc gia cam kết đặt ra thời hạn chấm dứt sử dụng dầu mỏ và khí đốt đồng thời ngừng cấp giấy phép thăm dò mới cũng được ra mắt tại COP26.

Tuy nhiên, theo tờ New York Times, những nước sử dụng than nhiều nhất trên thế giới lại không

tham gia cam kết loại bỏ điện than, bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Australia và Mỹ. Trung Quốc và Ấn Độ có mức tiêu thụ lượng than tổng cộng chiếm gần 2/3 lượng than toàn cầu. Australia là nước sử dụng than lớn thứ 11 trên thế giới và cũng là nhà xuất khẩu than chính. Trong khi đó, Mỹ cũng không ký kết cam kết mặc dù nước này sử dụng than để sản xuất 1/5 tổng sản lượng điện năng tiêu thụ trong nước.

Khi được hỏi về lập trường của Australia, Bộ trưởng Năng lượng và giảm phát thải cho biết Chính phủ Australia không muốn "xóa sổ" các ngành công nghiệp, mà thay vào đó tập trung cắt giảm chi phí cho các công nghệ phát thải thấp và đảm bảo những công nghệ đó có thể mang lại lợi ích cho người dân Australia và các nước khác. Ông nói ưu tiên này của Australia nhằm thúc đẩy mọi doanh nghiệp và đối tác nước ngoài trên khắp thế giới áp dụng công nghệ mang lại hiệu quả giảm phát thải. Việc phổ biến công nghệ mới không thể xảy ra trong "một sớm, một chiều" và Australia sẽ tự đi trên con đường riêng của mình để đạt được các mục tiêu về khí hậu.

Một số nhóm hoạt động môi trường vẫn tỏ ra thận trọng khi cam kết về cắt giảm sử dụng than vẫn mập mờ và mơ hồ về những chi tiết quan trọng như thời điểm cụ thể các nước sẽ chấm dứt việc sử dụng than. Bà Jennifer Morgan, Giám đốc điều hành của tổ chức phi chính phủ hoạt động về bảo vệ môi trường Greenpeace International, bình luận sự mập mờ đó chính là "lỗ hổng".

Bên cạnh đó, các cam kết đưa ra trong thỏa thuận COP26 không có tính ràng buộc, và nhiều bên ký kết cũng cho biết họ sẽ không

thể loại bỏ than nếu không có sự hỗ trợ tài chính từ các nước khác. Hơn nữa, thỏa thuận COP26 chỉ tập trung vào việc sản xuất điện từ than, mà không bao gồm việc sử dụng loại nhiên liệu này trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

Dù không tham gia cam kết loại bỏ than điện, nhưng Mỹ và Trung Quốc đã ra tuyên bố chung về biến đổi khí hậu, theo đó hai nước cam kết sẽ hợp tác trong thập kỷ tới để xây dựng các chiến lược dài hạn nhằm đạt mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0, đồng thời giải quyết các vấn đề về phát thải khí mê-tan, chuyển đổi sang năng lượng sạch và giảm phát thải carbon. Thỏa thuận giữa hai quốc gia phát thải lớn nhất thế giới được xem là một bước quan trọng để đạt mục tiêu khống chế mức gia tăng nhiệt độ trên toàn cầu ở ngưỡng 1,5 độ C đề ra trong Hiệp định Paris.

Ngoài ra, tại COP26, thế giới cũng chứng kiến nhiều cam kết mạnh mẽ. Lãnh đạo 137 nước tham dự đã nhất trí hành động để ngăn chặn việc phá rừng cũng như xói mòn đất vào năm 2030, gồm Brazil, quê hương của rừng nhiệt đới Amazon; Gần 90 quốc gia cam kết cắt giảm 30% lượng phát thải khí methane gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2030 so với mức năm 2020, được xem là một trong những cách tốt nhất để giảm nhanh sự nóng lên toàn cầu; Hơn 20 quốc gia cam kết đến năm 2035 toàn bộ các ô tô và xe tải được sử dụng sẽ là xe không khí thải...

COP26 cũng chứng kiến cam kết của 450 tổ chức tài chính, quản lý tổng số tài sản trị giá 130 nghìn tỷ USD, tương đương 40% tài sản tư nhân toàn cầu, trong việc sử dụng vốn đầu tư hỗ trợ công nghệ sạch như năng lượng tái tạo và loại bỏ tài trợ cho các ngành công nghiệp sử dụng nhiên liệu hóa thạch./

CON SỐ & SỰ KIẾN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 02/2022 (615) Ra hàng tháng. Năm thứ 61

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội nghị triển khai kế hoạch công tác năm 2022 của ngành Thống kê

3. Hội nghị Tổng kết và Công bố kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021

4. Ngành Thống kê sau 1 năm nỗ lực vượt khó thực hiện nhiệm vụ - những kết quả chủ yếu

8. Mục tiêu và phương hướng, nhiệm vụ công tác của ngành Thống kê năm 2022

10. Toàn ngành thống kê tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua

12. Một số hoạt động chính trong triển khai Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

14. Kế hoạch triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê

17. Cục thống kê tỉnh Bình Định Thành tích thi đua đáng ghi nhận

Nguyễn Thị Mỹ

KINH TẾ - XÃ HỘI

18. Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2021-2025

TS. Cảnh Chí Hoàng - ThS. Phạm Thế Vinh

21. Năm 2021 kinh tế số Việt Nam phát triển ấn tượng

Bích Ngọc

24. Tổng điều tra kinh tế 2021 khái quát kết quả sơ bộ

27. Thị trường bán lẻ Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài

Ngọc Linh

29. Ngành dệt may Việt Nam Kỳ vọng khởi sắc trong năm 2022

Thu Hương

31. Giảm nghèo đa chiều bao trùm và bền vững

Chu Thị Hồng Phượng

35. Phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam trong bối cảnh Covid-19 và nỗ lực hoàn thành mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030

Thu Hòa

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

38. Chỉ số về mức độ chênh lệch giàu nghèo (hệ số gini): Thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2020

Phạm Thị Lý

NINH BÌNH

THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

42. Ngành Y tế Ninh Bình: Nâng cao hiệu quả chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân

Đình Đình

43. Huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình: Thành tựu kinh tế xã hội nổi bật hứa hẹn phát triển bứt phá

P.V

45. Trường cao đẳng cơ điện xây dựng Việt Xô: Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo

Trịnh Long

46. Ninh Bình: Phát huy hiệu quả Tín dụng chính sách đối với phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói, giảm nghèo

Trọng Nghĩa

47. Trung tâm Y tế huyện Yên Mô: Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Minh Hùng

48. Trường THPT Yên Mô A: Đổi mới sáng tạo nâng cao chất lượng dạy học

Long Trịnh

49. Xã Yên Lâm - Yên Mô - Ninh Bình: Tự tin trên lộ trình xây dựng nông thôn mới nâng cao

Minh Châu

50. Hội nghị COP26 về biến đổi khí hậu toàn cầu: Bước tiến lịch sử

Tiến Long

TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT - DU LỊCH CÔNG ĐOÀN NINH BÌNH: ĐỊA CHỈ ĐÀO TẠO NGHỀ TIN CẬY

Là một đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thành lập năm 2010, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ Trung cấp và sơ cấp các nghề như: Hướng dẫn viên du lịch, công nghệ thông tin, điện, may, tin học văn phòng... Thời gian qua, Trường Trung cấp Kỹ thuật - Du lịch Công đoàn Ninh Bình đã từng bước khẳng định vị thế, đáp ứng nhu cầu lớn của người học, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề

Để đáp ứng được yêu cầu giáo dục nghề nghiệp trong thời đại mới, Nhà trường đã chủ động linh hoạt và có nhiều đổi mới trong việc tìm ra hướng phát triển phù hợp vừa nâng cao chất lượng đào tạo, vừa đảm bảo chắc chắn về việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Theo đó, Nhà trường xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện, đoàn kết, thống nhất và dân chủ: Đoàn kết trong Ban giám hiệu và các khoa, phòng, tổ bộ môn... Triển khai đồng bộ các kế hoạch, đổi mới công tác quản lý, mô hình, phương pháp dạy học, phương pháp giảng dạy theo phương châm cầm tay chỉ việc, lấy người học làm trung tâm, nâng cao chất lượng đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động.

Với tiêu chí “nguồn lực con người là yếu tố quyết định đảm bảo cho sự phát triển bền vững”, Nhà trường đã tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và bậc học phù hợp, nghiên cứu chế tạo thiết bị, học liệu... Đến nay, 100% giáo viên của nhà trường có nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; trình độ sư phạm đều đạt chuẩn và trên chuẩn; nhiều giáo viên trong trường đã tham gia và đạt giải cao tại Hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp tỉnh, nhiều cán bộ giáo viên đã vinh dự được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, UBND tỉnh và Liên đoàn Lao động tỉnh Ninh Bình tặng Bằng khen, danh hiệu chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến... Chi bộ nhà trường đạt chi bộ trong sạch vững mạnh.

Song song với đó, nhà trường quan tâm đầu tư trang thiết bị thực hành; hợp tác chặt chẽ hoạt động đào tạo, “Gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp” tạo cầu nối giữa người lao động, người sử dụng lao động và cơ sở đào tạo nghề. Học viên ngay sau đào tạo đáp ứng được yêu cầu thực tế: có được kỹ năng sống, khả năng giao tiếp, ứng xử, thích ứng cao, kỹ năng nghề vững vàng... Có thể tự túc được việc làm hoặc được tuyển dụng làm việc ngay tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Năm 2021, Nhà trường có 1494 học sinh (trong đó tuyển mới được 27 lớp trung cấp với 789 học sinh); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các lớp trung cấp và sơ cấp



Khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc nhân dịp Kỷ niệm 10 năm thành lập trường

đạt 100%. Tỷ lệ học sinh, học viên tốt nghiệp có việc làm ngay đạt 80% (còn lại học sinh tự tạo việc làm), đã góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Tuyển sinh linh hoạt

Thầy giáo Ninh Quang Hải, Hiệu trưởng trường Trung cấp Kỹ thuật - Du lịch Công đoàn Ninh Bình chia sẻ: Trước tác động bởi sự cạnh tranh của các trường trên địa bàn tỉnh và tâm lý của người học về việc lựa chọn ngành nghề là thách thức không nhỏ về công tác tuyển sinh. Nhà trường đã chủ động “làm mới” cách thức tuyển sinh, thu hút người học bằng chính chất lượng đào tạo, mang lại quyền lợi thiết thực: cam kết giới thiệu và tìm kiếm việc làm cho các em sau tốt nghiệp.

Qua đó, các em học sinh đã tốt nghiệp cấp 2 có cơ hội học song song hệ THPT và hệ Trung cấp, ngoài ra, các em còn có thể rút ngắn được thời gian, chi phí khi theo học mà vẫn có bằng THPT như trường cấp 3 khác (không phân biệt GDTX hay THPT), sau tốt nghiệp các em vẫn có thể học lên các hệ tiếp theo, hoặc có thể đi làm ngay. Đây cũng là “con đường tắt” giúp bạn trẻ sớm có việc làm và thu nhập ổn định.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, Nhà trường mong muốn được lãnh đạo các cấp quan tâm hơn nữa, hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng để công tác giáo dục nghề đúng nghĩa học đi đôi với hành./.

Kiều Thủy

AGRIBANK CHI NHÁNH NAM NINH BÌNH

NGƯỜI ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG DÂN

Với lợi thế về mạng lưới rộng và kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, những năm qua, bằng sự tận tụy, am hiểu nông dân, Agribank Chi nhánh Nam Ninh Bình luôn sát cánh cùng người nông dân, cùng họ phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới đã trở thành điểm tựa cho sự phát triển nông nghiệp trên địa bàn các địa phương phía Nam tỉnh Ninh Bình.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn: Ưu tiên hàng đầu

Agribank Chi nhánh Nam Ninh Bình (gọi tắt là Chi nhánh) được thành lập tháng 10/2019 trên cơ sở đổi tên Chi nhánh Sông Vân. Chi nhánh được giao quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của 05 Chi nhánh loại II và 16 Phòng Giao dịch trên địa bàn phía Nam tỉnh Ninh Bình.

Ngay sau khi thành lập, Chi nhánh đã tập trung kiện toàn lại tổ chức, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và Agribank về các chương trình, chính sách tín dụng cho khách hàng. Đặc biệt, Chi nhánh luôn ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nông thôn và nông dân, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN. Đặc biệt đẩy mạnh chương trình tín dụng tiêu dùng của Agribank cho khách hàng là cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn nông nghiệp, nông thôn nhằm hạn chế tín dụng đen. Tính đến 31/12/2021, cho vay nông nghiệp, nông thôn chiếm 65% trên tổng dư nợ của Chi nhánh (cao hơn nhiều so với tỷ lệ bình quân chung của cả tỉnh)

Bên cạnh đó, Chi nhánh mở rộng và đẩy mạnh cho vay thông qua Tổ vay vốn, chủ động và phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, chính quyền địa phương, các tổ chức Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh từ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, ký kết thoả thuận liên ngành để triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi. Tính đến hết ngày 31/12/2021, Chi nhánh duy trì phục vụ cho 760 tổ vay vốn với 13.661 thành viên với tổng dư nợ 2.243 tỷ đồng..

Nhờ nguồn vốn của Chi nhánh, nhiều gia đình, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp có các nguồn lực mua sắm



Agribank CN Nam Ninh Bình khai trương điểm giao dịch để phục vụ khách hàng tốt hơn

trang thiết bị, máy móc, phương tiện, vật tư để chuyển đổi mô hình kinh tế, nâng cao năng suất, năng lực chế biến và tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh..

Tự tin, vững bước

Trong 2 năm 2020-2021, mặc dù tình hình dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội của tỉnh song hoạt động của Chi nhánh vẫn giữ được sự ổn định, an toàn, hoàn thành khá toàn diện các chỉ tiêu kinh doanh. Công tác huy động vốn được đẩy mạnh, việc điều hành lãi suất huy động có sự linh hoạt, chủ động theo sát diễn biến của thị trường và chỉ đạo của Agribank. Thị phần huy động vốn của Chi nhánh trong 2 năm cũng luôn duy trì ở mức 13% (đứng thứ 2 trong hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn). Song song với đó, Chi nhánh cũng chủ động tìm kiếm, tiếp cận khách hàng mới để tăng trưởng tín dụng song kiên quyết không hạ chuẩn tín dụng, chất lượng tín dụng. Thị phần tín dụng của Chi nhánh duy trì xấp xỉ 10,7% (đứng thứ 2 trong hệ thống

các NH, TCTD trên địa bàn). Ngoài sản phẩm tín dụng truyền thống, Chi nhánh đẩy mạnh phát triển và đa dạng hoá các dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ hiện đại.

Để tiếp tục đồng hành, chia sẻ khó khăn với khách hàng và người dân, Chi nhánh đã thực hiện giảm 10% so với lãi suất cho vay trên các hợp đồng tín dụng tại thời điểm 15/7/2021 cho trên 21 nghìn khách hàng với số lãi miễn giảm là 26,28 tỷ đồng; những khoản nhận nợ sau 15/7 đến 31/12/2021 cũng được miễn giảm lãi với số lãi miễn giảm là 7,2 tỷ đồng. Trong thời gian tới, chi nhánh sẽ tiếp tục thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng; miễn phí hoàn toàn cho các giao dịch chuyển tiền; triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất theo văn bản hướng dẫn của Agribank. Đây chính là những động thái thiết thực nhằm phát triển một "hành lang" thông thoáng để Chi nhánh tự tin vững bước và đưa dịch vụ tốt nhất đến khách hàng./.

Đình Long